

BÙI-VĂN-BẢO

BÙI-QUANG-MINH

CHU-ĐỨC-NHUẬN

VIỆT-NGỮ

TÂN-THƯ

LỚP NĂM A

PHẦN TẬP ĐỌC

Nhật tân, nhật nhật tân

Cộng Mới

BUI VĂN BAO
BUI QUANG MINH
CHU ĐỨC NHUẬN
Giáo-viên Tiểu-học

NHẬT TÂN, NHẬT NHẬT TÂN

Đuyệt

VIỆT-NGŨ TÂN-THƯ

LỚP NĂM A
TẬP-ĐỌC

(PHẦN HỌC-SINH)

thuongmaitruongxua.vn

Tranh minh-họa của Họa-sĩ HUỖNH PHÚ NHIỀU
Tranh vui của Họa-sĩ THẾ-NHÂN

TRONG 32 TUẦN-LỄ GỒM CÓ :

128 BÀI NGŨ-VỤNG
160 — TẬP ĐỌC VÀ TẬP ĐỌC VUI
96 — HỌC THUỘC LÒNG
128 — TRANH MINH-HỌA NHIỀU MÀU
32 — TRANG GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN
GỒM CÓ TẬP VẼ, TẬP VIẾT, XEM HÌNH
ĐỌC TÊN, TÔ MÀU TÌM HÌNH v.v...

Nhà xuất-bản SỐNG MỚI

30 B, Phạm-ngũ-Lão — SAIGON

LỜI DẶN : Giáo-viên mỗi lớp sẽ tùy chủ-điểm, tùy địa-phương, tùy thời-tiết... mà dạy các mục sau này, mục nào trước, mục nào sau tùy tiện.

NGŨ - VỤNG

Trong đệ-nhất lục-cá-nguyệt, không có bài ngữ-vụng chính-thức. Trẻ con học ngữ-vụng trong những môn học khác. Giờ ngữ-vụng ghi trong thời-dụng-biểu sẽ dùng cho trẻ tập nói chuyện, nhận-xét về hình-dáng, các cỡ lớn, nhỏ, màu sắc, vị-trí... để trẻ tập so-sánh và suy-luận. Chỉ trong đệ-nhị lục-cá-nguyệt mới có bài ngữ-vụng chính-thức theo những mục sau đây :

Học - đường : Nhà trường, lớp học, các phòng, đồ-đặc trong trường (bàn ghế). Công-việc ở học-đường. Các môn-học. Thể-thao và trò chơi.

Gia-đình : Ông bà, cha mẹ, anh chị em. Công-ơn cha mẹ. Bồn-phận đối với người trong gia-đình.

TẬP ĐỌC — HỌC THUỘC LÒNG

Tập nhận và nhớ mặt chữ quốc-ngữ, đọc từng tiếng, từng câu ngắn. Bắt đầu nửa năm học về sau, học-trò đã phải biết đọc từng bài ngắn liên-quan với chương-trình ngữ-vụng. Cho học thuộc lòng những câu ca-dao, tục-ngữ, châm-ngôn đượm màu-sắc dân-tộc có ý-nghĩa luân-lý hoặc tương-quan với chương-trình ngữ-vụng nhưng phải là những câu hay có tính-cách thực-tê và vừa sức hiểu của học-trò. Trong lúc học-trò chưa biết đọc, chưa biết chép bài, giáo - viên nên dùng thính-giác và tập cho học-trò lập đi lập lại những câu nên thuộc lòng (chú-ý đến cách đọc cho đúng giọng).

CHÍNH-TẢ — VĂN-PHẠM — TẬP VIẾT

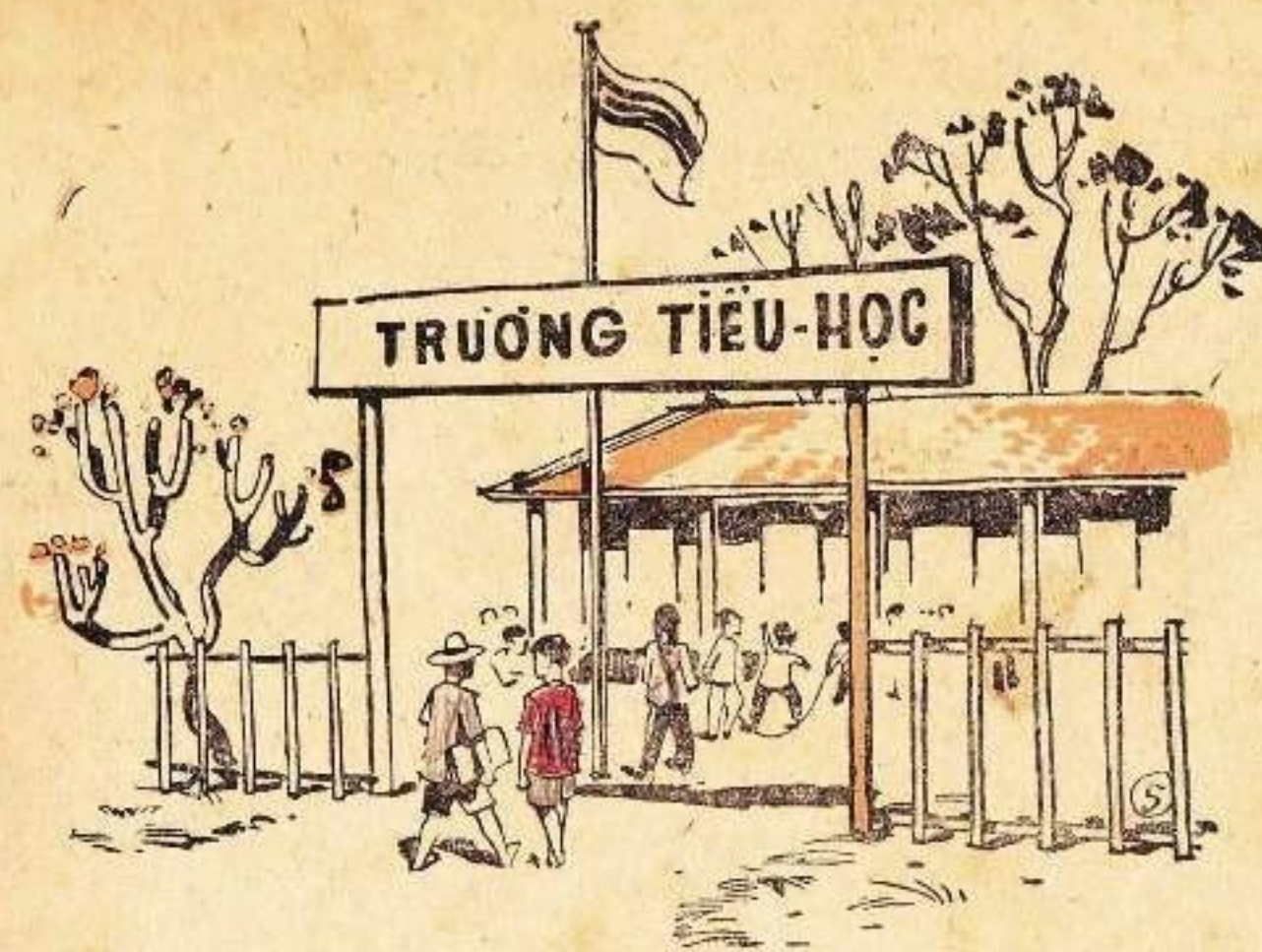
CHÍNH-TẢ : Khi học-trò đã viết trắm được thì cho viết trắm những câu ngắn đã đọc hoặc đã học thuộc lòng. Trước thời-kỳ này, chỉ viết trắm những tiếng một, rồi tập chép những câu ngắn đã học hoặc đã đọc.

TẬP VIẾT : Học bài nào viết bài ấy. Tập viết số từ 1 đến 10.

TẬP LÀM VĂN

Không có gì chính-thức nhưng học-trò tập làm văn trong tất cả các môn.

(Trích Chương-trình Tiểu-học)



TẬP ĐỌC

Ngày khai-trường

Ba tháng nghỉ hè đã qua. Hôm nay là ngày khai-trường. Học-trò lớn, bé rủ nhau đi học. Cổng trường mở rộng. Sân trường đầy người. Các thầy, các cô đi lại trên hiên. Ông hiệu-trưởng nhận đơn xin học.

Phát-âm.— Khai-trường — Học-trò — Hiệu-trưởng.



NGŨ-VỤNG

Ngày khai-trường

Bài giảng.— Hôm nay là ngày khai-trường. Học-trò lớn, bé đi học. Các thầy, các cô đi lại trên hiên.

Học tiếng.— 1) Học-trò, Thầy, Cô—2) Học-trò lớn. Học-trò bé.
3) Đi học.



H. T. L.

Ngày khai-trường

Bầy chim hót ở trên cao,
Muôn hoa đua nở, đón chào ánh dương.
Sáng nay trên khắp nẻo đường,
Học-sinh hớn-hở, đến trường vui sao!

Hùng lên sáu tuổi. Sáng nay, ba dẫn Hùng đến trường xin học. Dọc đường, Hùng gặp rất nhiều bạn. Thằng Cường, con Mai cũng theo mẹ đi học. Đi học vui quá! Hùng không thấy lo-ngại nữa.

Phát-âm.— Dọc đường — Cường — Lo-ngại.

★

NGŨ-VỤNG**Đi học**

Bài giảng.— Ba dẫn Hùng đi học. Đến trường, Hùng gặp nhiều bạn. Có nhiều bạn cũ và bạn mới.

Học tiếng.— 1) Trường, Bạn. — 2) Bạn cũ, Bạn mới. — 3) Dẫn.

★

H.T.L.**Trước giờ đi học**

Vòng tay, thưa mẹ, thưa cha,
Bé xin đi học, thực là ngoan ghê!
Xinh-xinh bộ áo đầm xoe,
Tay ôm sách vở, lăm-le đến trường.

**TẬP ĐỌC****Trường mới**

Hùng học ở trường mới. Trường này có năm lớp. Trường xây bằng gạch. Tường quét vôi vàng. Mái lợp ngói đỏ. Trước trường là hàng hiên (hàng ba) rộng. Chung quanh trường trồng nhiều cây. Hàng cây xanh-tốt có nhiều bóng mát.

Phát-âm.— Xây — Chung quanh — Trồng cây.

★

NGŨ-VỤNG**Trường học**

Bài giảng.— Trường học xây bằng gạch. Mái lợp ngói đỏ. Chung quanh trường trồng nhiều cây to.

Học tiếng.— 1) Gạch, Mái, Cây — 2) Ngói đỏ — 3) Trồng cây

★

H.T.L.**Trường em**

Trường em be-bé, xinh-xinh,
Vừa xây xong ở cạnh đình làng em.
Nhìn qua ai cũng phải khen,
Cửa xanh, mái đỏ, hàng hiên màu vàng.

TẬP ĐỌC Trường mới (t.t.)

Sau trường có rất nhiều cửa sổ. Cửa sổ, cửa ra vào đều sơn xanh. Trần quét vôi trắng. Hằng ngày, Hùng đến trường hai buổi. Ở đó, Hùng vui vẻ học-tập. Hùng được thầy yêu, bạn mến.

Phát-âm.— Cửa sổ — Sơn xanh — Vui-vẻ.



NGŨ - VỰNG Nhà trường

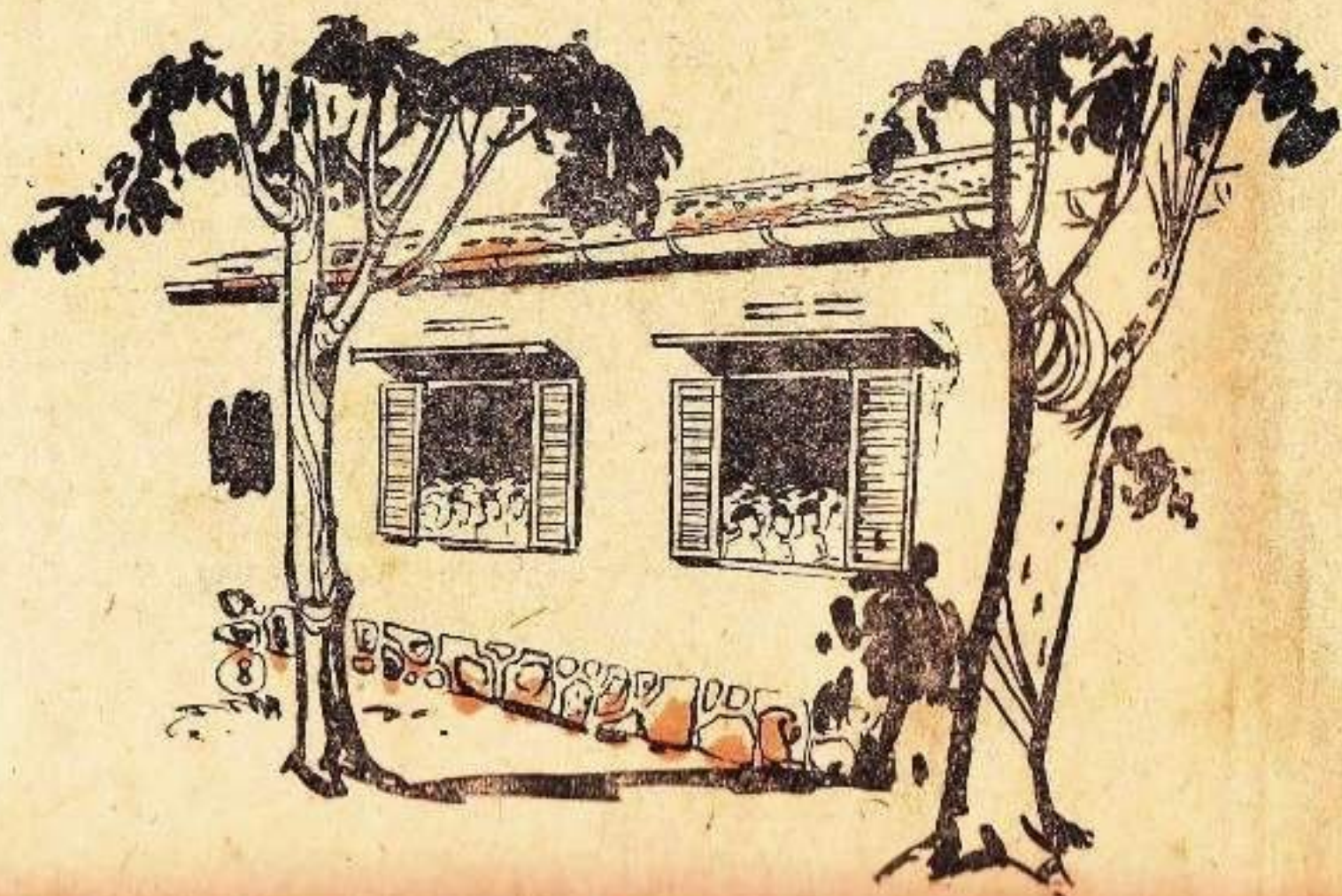
Bài giảng.— Ở trường học có nhiều cửa sổ. Trần được quét vôi trắng. Học-sinh đến trường để học.

Học tiếng.— 1) Cửa sổ, Trần — 2) Vôi trắng — 3) Đến trường.



TẬP ĐỌC VUI Ô-tô đồ

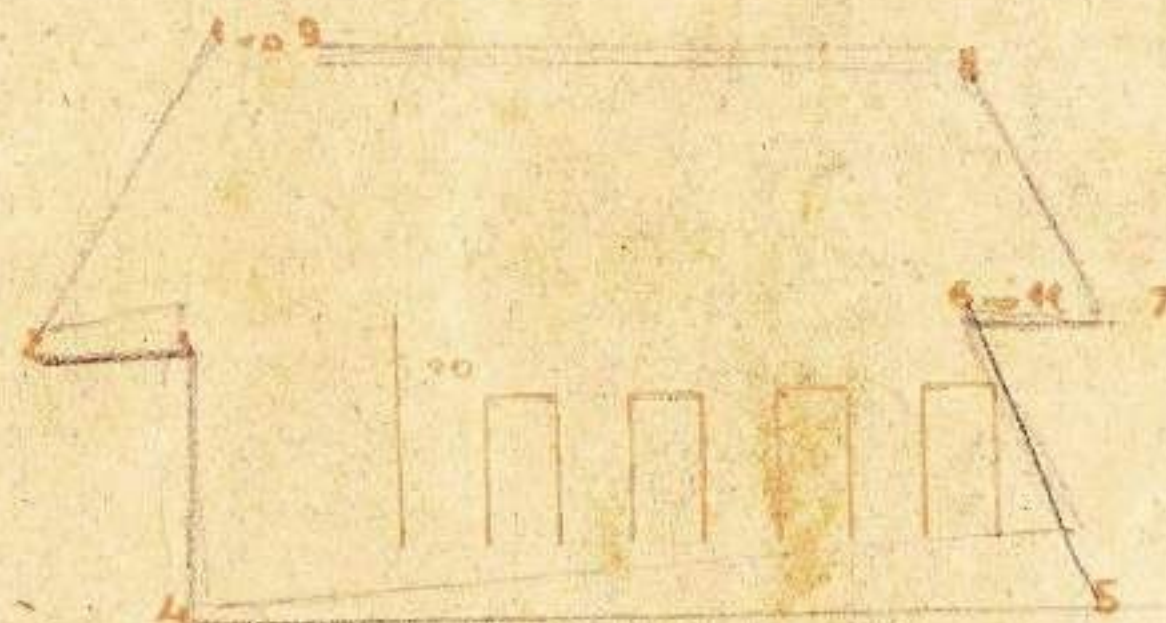
Trên xe buýt có người cầm tờ báo xem. Người ngồi cạnh hỏi: — «Có tin gì lạ không bác?». Người kia đáp: — «Có tin ô-tô đồ đây nè!». Người này vội dừng dậy xem. Thì ra không phải! Người xem báo mù chữ. Bác cầm ngược tờ báo. Hình ô-tô bị lộn ngược. Bác tưởng là ô-tô đồ.



TẬP VẼ



TẬP VIẾT



GIẢI TRÍ

Nội số tìm hình



TẬP ĐỌC

Ngoài cổng trường

Ngoài cổng trường, có hai cột cây lớn. Trên cột là tấm biển đề tên trường. Hai cánh cổng lúc nào cũng đóng kín. Gần tới giờ vào học. Bác gác mở rộng hai cánh cổng. Hùng và các bạn kéo nhau vào sân trường.

Phát-âm.— Cột, cây — Sân trường — Mở rộng.

NGŨ-VỤNG

Cổng trường

Bài giảng.— Ngoài cổng trường có hai cột lớn. Trên cột là biển đề tên trường. Bác gác mở và đóng cổng trường.

Học tiếng.— 1) Cột, Biển — 2) Cột lớn — 3) Mở cổng, Đóng cổng.

H.T.L.

Cổng trường

Cổng trường, vãi chiếc lá dừa,
Sân trường rung nhẹ tàu dừa xanh-xanh.
Vang-vang có tiếng học-hành,
Hòa theo chim hót trên cành cây cao.

TẬP ĐỌC

Ở ngoài sân

Sân trường không rộng lắm. Tuy thế cũng đủ chỗ chơi. Trước giờ vào học, Hùng đứng ở ngoài sân. Trong giờ học, sân trường không có bóng người. Đến giờ chơi, học-trò ủa ra sân. Hùng theo các bạn chạy, nhảy. Mọi người nô-đùa vui quá!

Phát-âm.— Rộng — Chỗ chơi — Ủa ra sân — Nhảy.

NGŨ-VỤNG

Sân trường

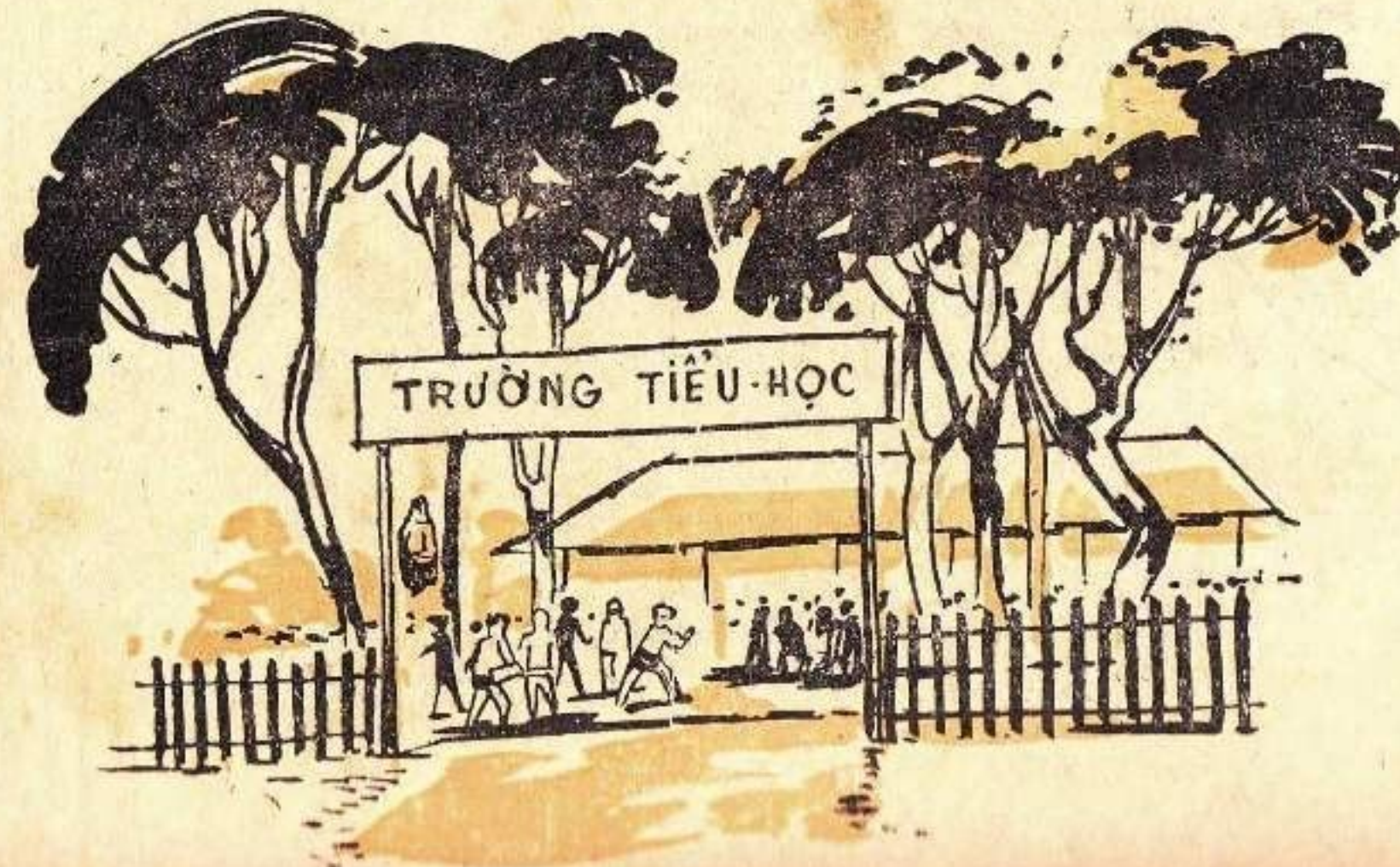
Bài giảng.— Phía trước trường là sân rộng. Trên sân có nhiều cỏ. Học-trò chạy, nhảy trong sân.

Học tiếng.— 1) Sân cỏ — 2) Sân rộng — 3) Chạy, Nhảy.

H.T.L.

Sân trường

Ngoài sân, vãi khóm cây xanh,
Xuân về đưa nở đầy cành, hoa tươi...
Học-sinh chạy, nhảy, reo, cười
Như đàn chim nhỏ, dưới trời ca vang...





TẬP ĐỌC

Thăm vườn

Sát hàng hiên là vườn hoa (*vườn bông*). Ở đó trồng nhiều hoa. Nào là hoa hồng, hoa cúc, hoa huệ, hoa lan... Buổi sáng, hoa nở đẹp quá! Học-sinh nhớ lời thầy. Chẳng ai ngắt hoa và bước chân lên vườn.

Phát-âm.— Vườn — Buổi sáng — Nhớ — Bước chân.



NGŨ - VỤNG

Vườn hoa

Bài giảng.— Trong vườn có nhiều hoa đẹp. Nào là hoa hồng, hoa cúc, hoa huệ, hoa lan. Học-sinh không ngắt hoa ở vườn.

Học tiếng.— 1) Hoa hồng, Hoa cúc, Hoa huệ, Hoa lan.
2) Hoa đẹp — 3) Ngắt hoa.



H. T. L.

Làm vườn

Chiều chiều, sau tiếng trống trường,
Chúng em đi thẳng ra vườn trồng hoa.
Hôm nay, đến lượt Toán Ba
Bắt sâu, tưới nước cho hoa nở đều.

TẬP ĐỌC

Nhỏ cỏ

Phía sau trường là vườn rau. Học-sinh lớn ra đó làm vườn. Họ cuốc đất, trồng cây, tưới nước. Những luống rau cải mọc xanh rờn. Hùng còn bé chưa biết cuốc đất. Hùng nhỏ cỏ ở chân luống rau.

Phát-âm.— Luống rau — Xanh rờn — Cuốc — Tưới.



NGŨ - VỤNG

Vườn rau

Bài giảng.— Chung quanh vườn rau có hàng rào. Trên các luống trồng nhiều cải xanh. Học-sinh cuốc đất và nhỏ cỏ.

Học tiếng.— 1) Hàng rào, Luống — 2) Cải xanh.
3) Cuốc đất, Nhỏ cỏ.



TẬP ĐỌC VUI

Đề đến ngày mai

Một hôm, người làm vườn thấy vườn rau có sâu. Bác ta định ra bắt sâu. Nhưng mắc việc, bác đánh đề đến ngày mai. Ngày mai, có người mời bác đi chơi. Rồi cứ thế mãi, sâu, bầy hôm. Tới lúc rảnh, bác trở ra vườn. Trời ơi! cả vườn rau đã bị sâu cắn trụi.





TẬP ĐỌC Cột cờ giữa sân

Cột cờ được dựng ở giữa sân. Thân cột sơn trắng. Cột thẳng và cao. Vòng chân cột có đặt nhiều chậu hoa. Sáng sớm, học-sinh xếp hàng chung quanh cột cờ. Các em làm lễ chào cờ. Lá Quốc-kỳ được kéo lên đỉnh cột.

Phát-âm.— Dựng — Giữa — Sơn trắng — Xếp hàng.

★

NGŨ-FUNG Cột cờ

Bài giảng.— Cột cờ cao và thẳng. Thân cột sơn trắng. Quốc-kỳ được kéo lên. Học-sinh chào cờ.

Học tiếng.— 1) Thân cột, Quốc-kỳ — 2) Cột cao, Cột thẳng, 3) Chào cờ.

★

H. T. L. Cột cờ

Cột cờ vừa thẳng, vừa cao
Dựng ngay giữa lối ra vào, ngoài sân.
Chào cờ, cả lớp quây-quần
Xếp hàng cùng đứng quanh chân cột cờ.

TẬP VẼ

TẬP VIẾT

Sân trường
thuongmaitrue
ngay giữa sân

GIẢI TRÍ

Tô màu tìm hình

Hùng và các bạn đang chơi ở ngoài sân. Bỗng mưa đổ xuống. Mọi người vội chạy vào nhà chơi. Nhà chơi khá rộng. Bốn bề không có tường. Ở giữa là hàng ghế để ngồi nghỉ. Hùng đá cầu ở trong nhà chơi.

Phát-âm.— Xuống — Rộng — Hàng ghế — Ngồi nghỉ.

★

NGŨ-VỤNG

Nhà chơi

Bài giảng.— Ngày mưa, học-sinh chạy vào nhà chơi. Nhà chơi khá rộng. Có ghế để ngồi nghỉ.

Học tiếng.— 1) Ngày mưa, Ghế. 2) Nhà chơi rộng. 3) Ngồi nghỉ.

★

H. T. L.

Nhà chơi

*Em đang nô-giỡn ồn-ào
Bỗng mưa xuống, vội chạy vào nhà chơi...
Bốn bề bỏ trống thoáng hơi
Thêm hàng ghế gỗ em ngồi nghỉ chân.*



TẬP ĐỌC

Hùng đi tiêu

Đang giờ học, Hùng thấy đau bụng. Hùng xin phép thầy để ra nhà tiêu. Đi tiêu xong, Hùng bỏ giấy bần (đỏ) vào giỏ. Bước ra khỏi nhà tiêu, Hùng đóng cửa lại. Nhờ thế, nhà tiêu lúc nào cũng sạch. Mùi hôi không bay ra khắp trường.

Phát-âm.— Giờ học — Giấy — Giỏ — Mùi hôi

★

NGŨ-VỤNG

Nhà tiêu

Bài giảng.— Trong nhà tiêu có giỏ đựng giấy. Bước ra, em đóng cửa lại. Nhà tiêu sạch không có mùi hôi

Học tiếng.— 1) Nhà tiêu, Giỏ—2) Nhà tiêu sạch—3) Đóng cửa.

★

H. T. L.

Lúc đi tiêu

*Ở trường, muốn tránh mùi hôi,
Đi tiêu đúng chỗ, chớ ngồi lung-tung.
Giấy dơ ỉn, vất vào thùng,
Ra, vào đóng cửa, sẽ không có ruồi.*

Bắn bi xong, tay Hùng dơ-bẩn quá! Hùng chạy tới hồ nước để rửa. Hùng khẽ mở vòi. Nước trong tuôn ra. Hùng rửa tay, rửa chân. Rửa xong, Hùng đóng vòi nước lại. Thầy khám sạch-sẽ. Hùng được thầy khen.

Phát-âm.— Dơ-bẩn — Rửa — Sạch-sẽ — Được khen.



NGŨ-VỤNG

Hồ nước

Bài giảng.— Hồ nước chứa đầy nước trong. Em mở vòi cho nước chảy ra. Rửa xong, em đóng vòi lại.

Học tiếng.— 1) Vòi, Nước — 2) Nước trong — 3) Mở vòi, Đóng vòi



TẬP ĐỌC VUI

Chào ai?

Sáng nào học-sinh cũng xếp hàng trước cột cờ. Thấy thế, cột cờ tưởng mình tài-giỏi lắm. Nó lên mặt coi khinh (thường) tất cả. Một hôm nó bảo lá Quốc-kỳ rằng: «Mãi học-sinh chào tôi, tôi sẽ không cho anh leo lên mình tôi nữa.» Lá cờ cười đáp: «Anh nhầm to rồi! Anh có biết học-sinh chào ai không? Họ chào Quốc-kỳ của họ đấy chứ!»



TẬP VIẾT

Cột cờ đứng ở giữa sân. 2

A



TẬP ĐỌC**Lớp Năm**

Hùng học lớp Năm. Lớp Năm trang-hoàng rất đẹp. Trên tường có lá Quốc-kỳ Việt-nam. Mấy bức tranh màu treo ở chung quanh. Trước bàn thầy-giáo là hai dãy bàn dài. Bảng lớn kê ở gần phía cửa ra vào.

Phát-âm. — Trang-hoàng — Quốc-kỳ — Treo tranh — Dãy bàn.

NGŨ-VỤNG**Lớp học**

Bài giảng. — Lớp học của em rất rộng. Trên tường treo nhiều tranh đẹp. Bảng lớn kê ở gần bàn thầy-giáo.

Học tiếng. — 1) Tranh, Bảng, Bàn thầy-giáo. — 2) Tranh đẹp. 3) Treo tranh.

H. T. L.**Trong lớp**

Sáng nay, vào lớp em ngồi
Làm quen với cảnh, với người, chung quanh.
Sát tường là bảng màu xanh
Ghế bàn mới đóng, xếp thành hàng đôi...

TẬP ĐỌC**Hùng vào lớp**

Hùng theo các bạn vào lớp. Hùng ngồi ở bàn đầu. Trước mặt là cái tủ đứng. Trong tủ xếp đầy sách-vở. Lại còn đồ dùng để dạy học nữa. Cửa sổ luôn mở rộng. Lớp học sáng-sủa, sạch-sẽ, vui quá!

Phát-âm. — Xếp sách-vở — Sáng-sủa — Sạch-sẽ.

NGŨ-VỤNG**Lớp học (t. l.)**

Bài giảng. — Trong lớp có hai dãy bàn học-trò. Sách-vở xếp đầy tủ. Cửa sổ sơn màu xanh.

Học tiếng. — 1) Bàn học-trò, Tủ, Cửa sổ. — 2) Màu xanh. 3) Xếp sách.

H. T. L.**Lớp Năm**

Lớp Năm có sáu chục trò
Có thầy săn-sóc, chăm-lo luyện-rèn.
Trò nào chăm-chỉ, thầy khen
Trò nào lười-biếng, thầy khuyên-bảo dẫn...





TẬP ĐỌC

Đi xin học

Hùng nhớ mãi ngày đi xin học. Hùng theo cha vào văn-phòng. Ông hiệu-trưởng mời cha Hùng ngồi. Cha Hùng đưa đơn xin học. Ông hiệu-trưởng nhận đơn. Ông kéo ngăn tủ. Ông ghi tên Hùng vào sổ. Rồi ông dẫn Hùng xuống lớp học.

Phát-âm.— Văn phòng — Kéo — Vào sổ — Dẫn.



NGŨ-VỤNG

Văn-phòng hiệu-trưởng

Bài giảng.— Ông hiệu-trưởng làm việc ở văn-phòng rộng. Sờ-sách xếp đầy bàn giấy. Ông nhận đơn xin học.

Học tiếng.— 1) Văn-phòng, Sờ-sách, Bàn giấy.
2) Văn-phòng rộng — 3) Làm việc, Nhận đơn.



H. T. L.

Ở văn-phòng

Ông hiệu-trưởng ở văn-phòng.
Bên ông, sờ xếp thành chồng khá cao...
Phụ-huynh tập-nập ra, vào
Được ông niềm-nở, đón-chào, nhận đơn.

TẬP ĐỌC

Hùng đọc sách

Giữa phòng đọc sách có chiếc bàn lớn. Chung quanh bàn đặt nhiều ghế. Sách, báo xếp gọn trong tủ. Hùng tới đó xem báo, đọc sách. Những tập báo có nhiều tranh màu đẹp quá! Hùng giở báo ra. Các bạn xúm lại xem.

Phát-âm.— Xếp sách — Giở báo — Xúm lại xem.



NGŨ-VỤNG

Phòng đọc sách

Bài giảng.— Ở phòng đọc sách có nhiều tủ lớn. Trong tủ xếp đầy sách, báo. Học-sinh đến đó xem sách, đọc báo.

Học tiếng.— 1) Tủ, Sách, Báo — 2) Tủ lớn — 3) Xem sách, Đọc báo.

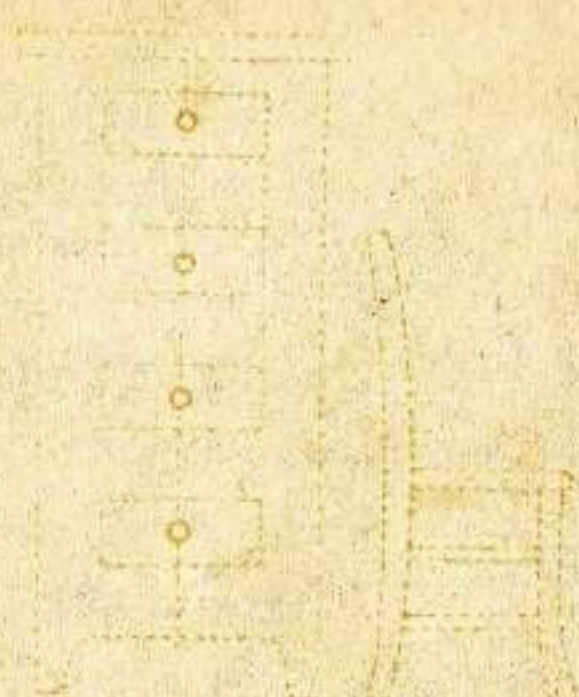
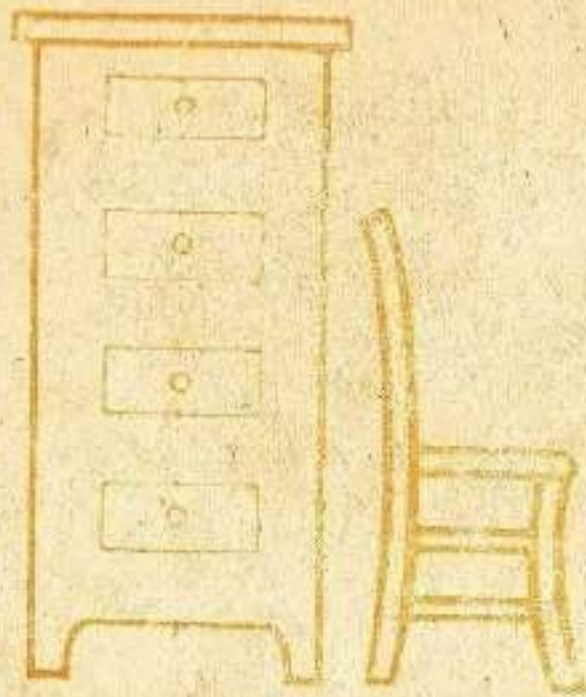


TẬP ĐỌC VUI

Dốt như bò

Năm hỏi Tư : « Tại sao người ta lại bảo dốt như bò, nhỉ ? » Tư đáp : « Chắc tại bò học mãi không thuộc chữ gì ? » Năm trả lời : « Không phải! Tại vì bò tham ăn nuốt cả sách vào bụng đấy! » Tư cười : « Nói dốt » Năm đáp : « Thế tại sao trong bụng bò lại có lá sách nào ? »





TẬP VIẾT

thuongmaitruongxua.vn

B



bò



bình hồ



bầu



bếp



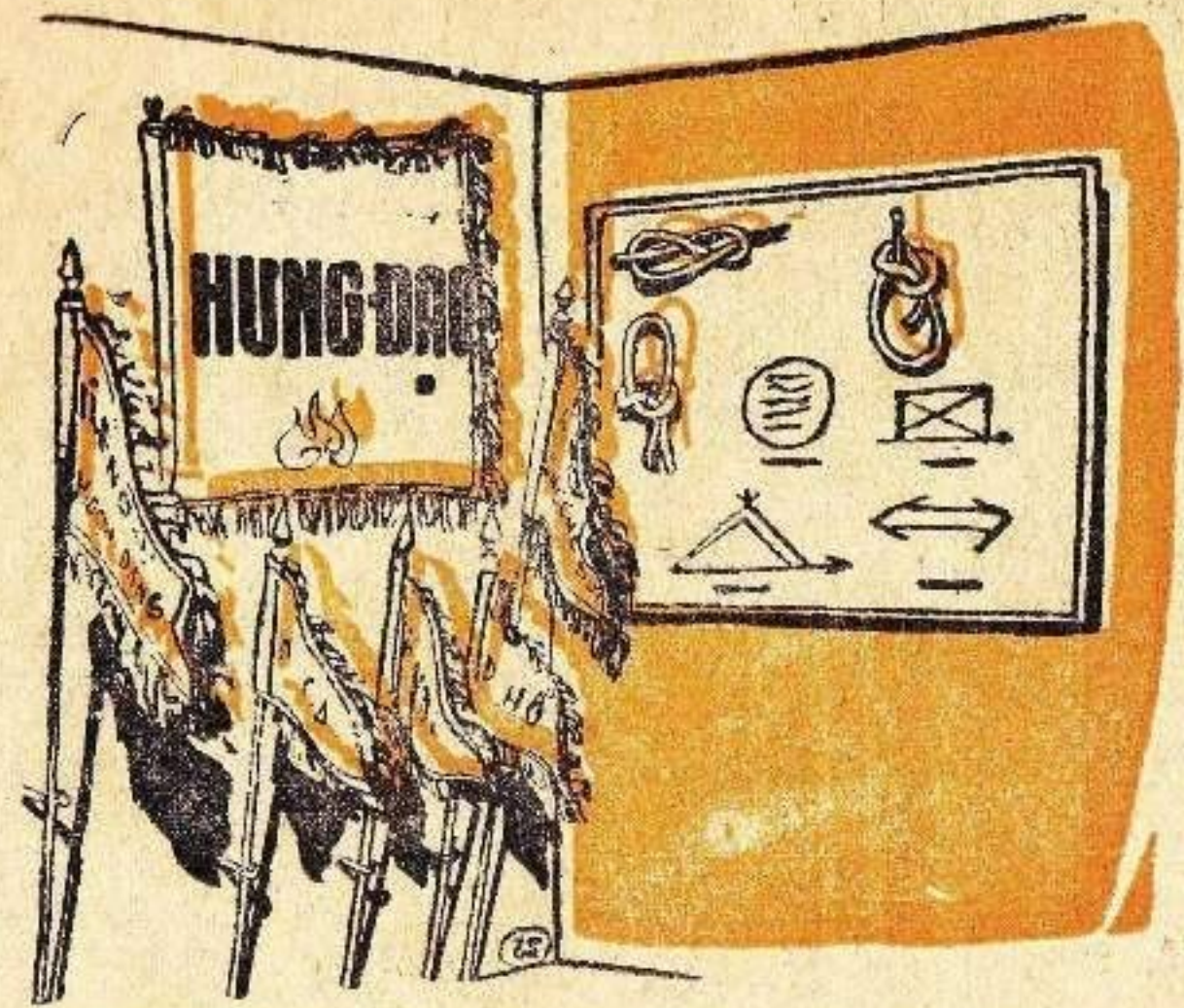
bầu



bớp

GIẢI TRÍ

Xem hình đọc tên



TẬP ĐỌC

Phòng họp

Phòng họp là nơi để hội-họp. Phòng khá rộng, kê nhiều bàn ghế. Trên tường treo cờ, cờ liên-toán và cờ toán. Lại có bảng nút dây và dấu đi đường. Khi có phiên họp, mọi người tới đó.

Phát-âm.— Hội-họp — Nút dây — Dấu đi đường.

NGŨ-VỤNG

Phòng họp

Bài giảng.— Phòng họp rất rộng. Trên tường treo cờ, bảng nút dây, bảng dấu đi đường. Học-sinh hội-họp ở đó.

Học tiếng.— 1) Cờ, Bảng nút dây, Bảng đi đường.
2) Phòng rộng — 3) Hội-họp.

H. T. L

Họp bàn

Hôm nay, nhiều việc phải làm
Việc trường, việc toán đem bàn lâu ghê !
Mọi người chăm-chú lắng nghe
Biên biên, chép chép đề về làm theo...

TẬP ĐỌC

Hai chiếc tủ

Cuối phòng hiệu-đoàn có hai chiếc tủ lớn. Tủ nào cũng chia ra làm nhiều ngăn. Trong những ngăn ấy xếp đầy học-cụ. Nào cây, nào bừa, nào xe-hơi, nào tàu-thủy, nào chai, nào lọ. Cái nào cũng nhỏ bé, xinh-xinh...

Phát-âm.— Cuối phòng — Xếp đầy — Xe — Xinh-xinh.



NGŨ-VỤNG

Tủ học-cụ

Bài giảng.— Tủ chứa học-cụ có nhiều ngăn. Trong các ngăn xếp đầy đồ-vật nhỏ bé. Đó là học-cụ để cho học-trò xem.

Học tiếng.— 1) Học-cụ, Ngăn, Đồ-vật. — 2) Đồ-vật nhỏ bé.
3) Xem.



H. T. L.

Rất vui!

Em đo bằng cái thước dây.

Em đếm bằng sỏi, luôn tay tập-tành.

Nghe bài, nhìn bảng nỉ xanh

Rõ-ràng dễ hiểu, học-hành rất vui!



TẬP ĐỌC

Hùng được buộc thuốc

Hùng trượt chân ngã. Đầu gối bị trầy da, chảy máu. Thầy cho dẫn Hùng xuống phòng phát thuốc. Cô y-tá dùng bông sạch lau, rửa vết thương. Rồi cô bôi thuốc đỏ vào đó. Sau hết, cô buộc lên một mảnh băng sạch.

Phát-âm.— Buộc thuốc — Trượt chân — Trầy da — Rửa.



NGŨ-VỤNG

Phòng phát thuốc

Bài giảng.— Học-sinh xin thuốc ở phòng phát thuốc. Có thứ thuốc viên, có thứ thuốc nước. Vết thương được buộc bằng băng sạch.

Học tiếng.— 1) Thuốc viên, Thuốc nước, Bông, Băng
2) Băng sạch — 3) Xin thuốc.



H. T. L.

Chữa khỏi mất tiền

*Mỗi khi đầy bụng, nhức đầu,
Chạy chơi té ngã, ta mau xuống liền
Phòng phát thuốc ở kề bên,
Đề xin chữa khỏi mất tiền, bạn ơi!*

TẬP ĐỌC

Bàn giấy của thầy

Bàn giấy của thầy bằng gỗ dầu. Mặt bàn, chân bàn đánh véc-ni bóng. Hai ô kéo lúc nào cũng khóa. Trên mặt bàn trải khăn màu vàng... Bàn giấy đặt trên bục cao. Ở đó, thầy nhìn cả lớp dễ dàng.

Phát-âm.— Bàn giấy — Véc-ni — Dễ - dàng.



NGŨ . VỤNG

Bàn giấy

Bài giảng.— Bàn giấy đặt trên bục gỗ. Mặt bàn, chân bàn, ô kéo đều đánh bóng. Trên mặt bàn, thầy trải khăn màu vàng.

Học tiếng.— 1) Mặt bàn, Chân bàn, Ô kéo, Bục gỗ.
2) Màu vàng, Trải khăn.

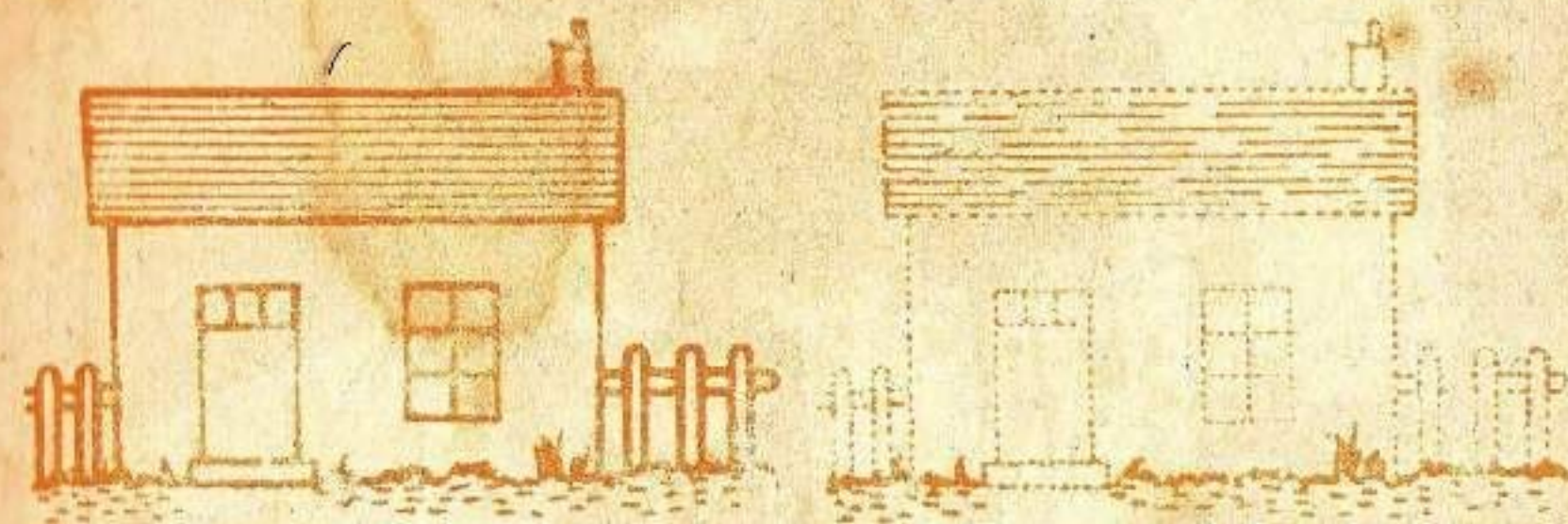


TẬP ĐỌC VUI

Đồ vô ơn!

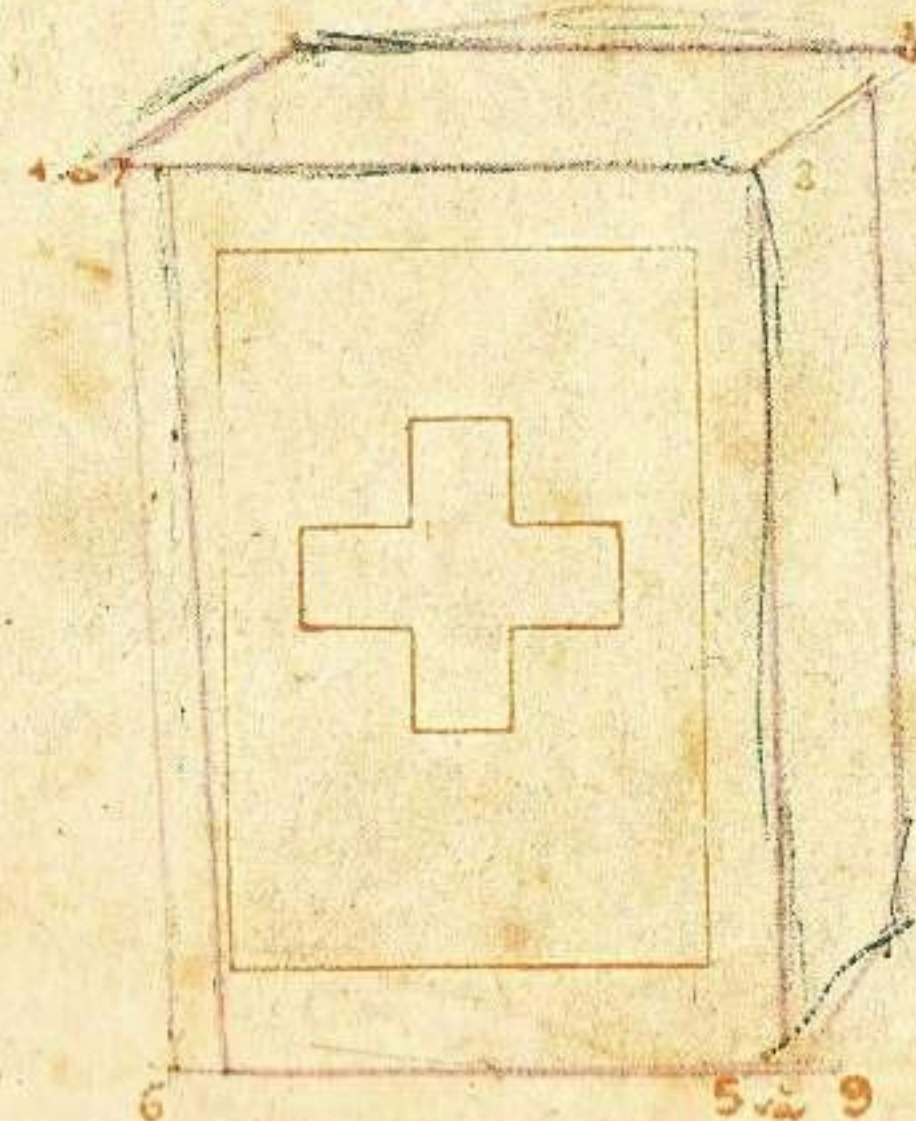
Cáo bị học xương ở cổ. Cáo há miệng nhờ Cò lấy xương ra hộ. Cò thò mỏ dài vào cuống họng Cáo gắp xương ra. Mọi việc xong-xuôi, Cò đòi tiền công. Cáo quát mắt quát : «Cút đi! Mi thò đầu vào miệng ta. Ta đã tha không cắn chết rồi còn đòi tiền gì?»

Cò đành bỏ đi. Cáo thật là đồ vô ơn!



TẬP VIẾT

lin thuốc ở phòng phat thuốc.



TẬP ĐỌC**Trên bàn giấy**

Trên bàn giấy, thầy xếp sách, vở, bút, mực. Bình cắm hoa tươi đặt ở phía trước. Trông lên thật vui mắt... Thầy-giáo ngồi sau bàn giấy. Thầy giảng bài, gọi điểm. Khi đọc bài hoặc đưa chấm bài, Hùng lên cạnh bàn giấy.

Phát-âm.— Xếp sách — Phía trước — Giảng bài.

NGŨ-VỤNG**Bàn giấy (t.t.)**

Bài giảng.— Trên bàn giấy, thầy xếp sách-vở. Trong bình có mấy cành hoa tươi. Học-sinh lau bàn giấy giúp thầy.

Học tiếng.— 1) Sách-vở, Bình — 2) Hoa tươi — 3) Lau bàn giấy.

H. T. L.**Đọc bài**

Sáng nay, nghe thấy gọi tên,
Em liền mang sách, đặt lên bàn thầy,
Thế rồi em đứng thật ngay
Đọc bài, chẳng vấp mấy-may chút nào!

Ghế dựa của thầy

Ghế dựa đặt sau bàn giấy. Bốn chân ghế to và chắc. Chỗ dựa bằng gỗ đánh bóng. Vân gỗ nổi lên rất đẹp. Bước chân lên bục, thầy-giáo kéo ghế ra ngồi. Khi đứng dậy, thầy xếp ghế vào chỗ cũ.

Phát-âm.— Ghế dựa — Vân gỗ — Kéo ghế.

NGŨ-VỤNG**Ghế dựa**

Bài giảng.— Ghế dựa đặt sau bàn giấy. Chân ghế to. Chỗ dựa bằng gỗ. Thầy kéo ghế ra ngồi.

Học tiếng.— 1) Ghế dựa, Chân ghế, Chỗ dựa —
2) Chân ghế to — 3) Kéo ghế.

H. T. L.**Sung-sướng quá !**

Từ khi em biết đánh vần,
Đọc thông, viết thạo, nhiều lần thầy khen.
Bạn-bè xúm lại làm quen,
Em sung-sướng quá ! mặt em đỏ bừng.





TẬP ĐỌC

Cái tủ đứng

Tủ đứng kê ở phía sau bảng. Trong tủ có nhiều ngăn. Ngăn nào cũng xếp sách và đồ dùng để dạy học. Khi vào lớp, Cường lên mở tủ. Cường lấy sách ra cho thầy. Tan học, Cường cất sách vào tủ rồi khóa lại.

Phát-âm.— Xếp sách — Dạy học — Khóa — Cường.



NGŨ-VỤNG

Tủ

Bài giảng.— Tủ đứng có hai cánh cửa kính. Ngăn rộng để đựng sách. Em mở tủ lấy sách. Rồi em khóa tủ lại.

Học tiếng.— 1) Tủ đứng, Cánh cửa kính. — 2) Ngăn rộng. — 3) Mở tủ, Khóa tủ.



H. T. L.

Trường em

Trường em xây ở ven sông,
Bóng in đáy nước, nhòa trong sóng vàng.
Trước đây là bãi cỏ hoang,
ngôi trường đẹp với hàng cây xanh...

TẬP ĐỌC

Bàn học-trò

Hùng và Cường ngồi ở bàn đầu. Những chiếc bàn này đều mới đóng. Mặt bàn chênh-chếch xuống. Phía trên có rãnh để bút và thước. Phía dưới bàn có ngăn đựng cặp. Sáng nào Hùng cũng lau bàn cho sạch.

Phát-âm.— Học trò — Chênh-chếch xuống — Rãnh.



NGŨ-VỤNG

Bàn học-trò

Bài giảng.— Học-trò viết trên bàn dài. Bút, thước để trên rãnh. Cặp cất ở ngăn bàn. Em lấy giấy lau bàn.

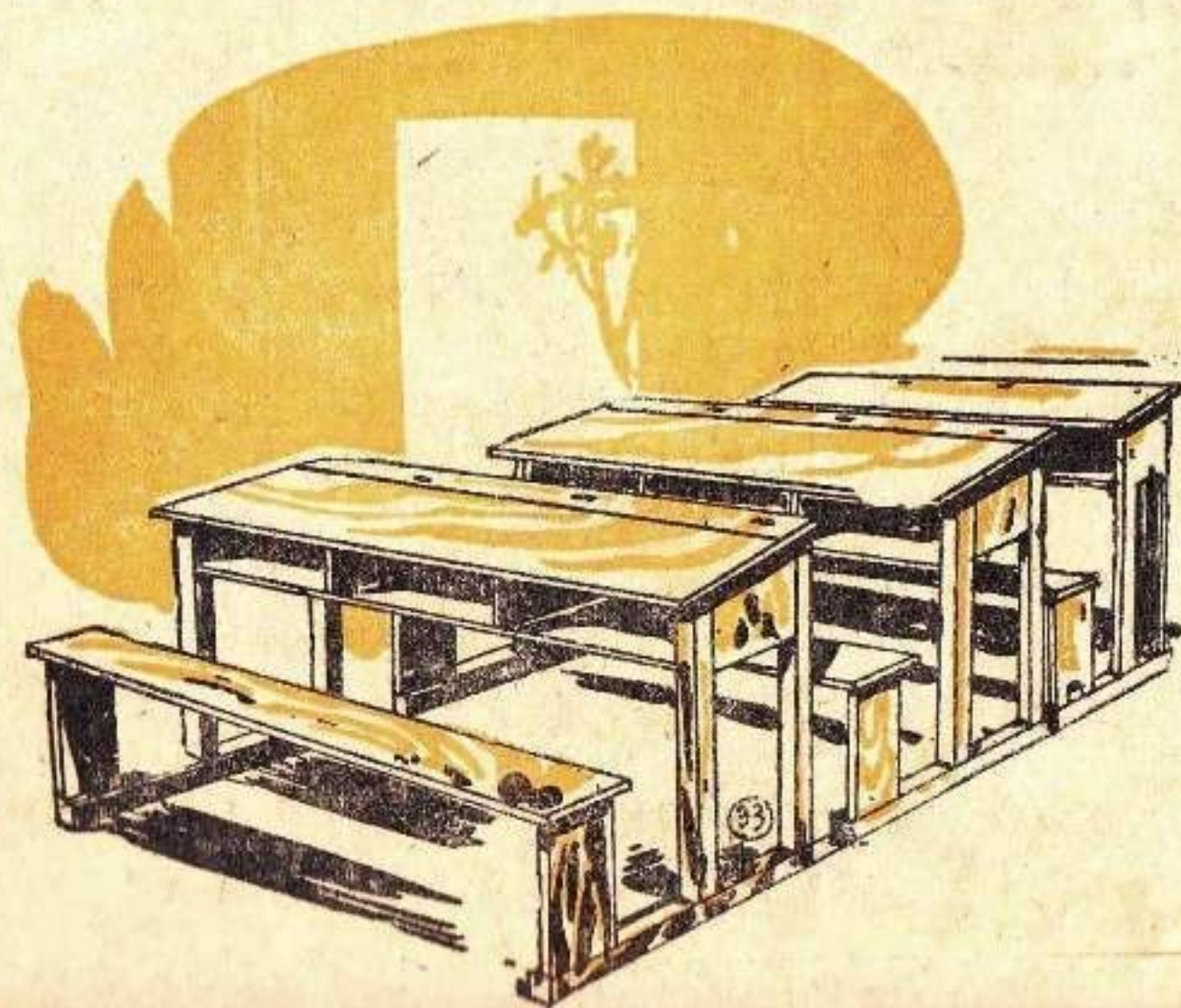
Học tiếng.— 1) Rãnh, Ngăn bàn — 2) Bàn dài — 3) Lau bàn.

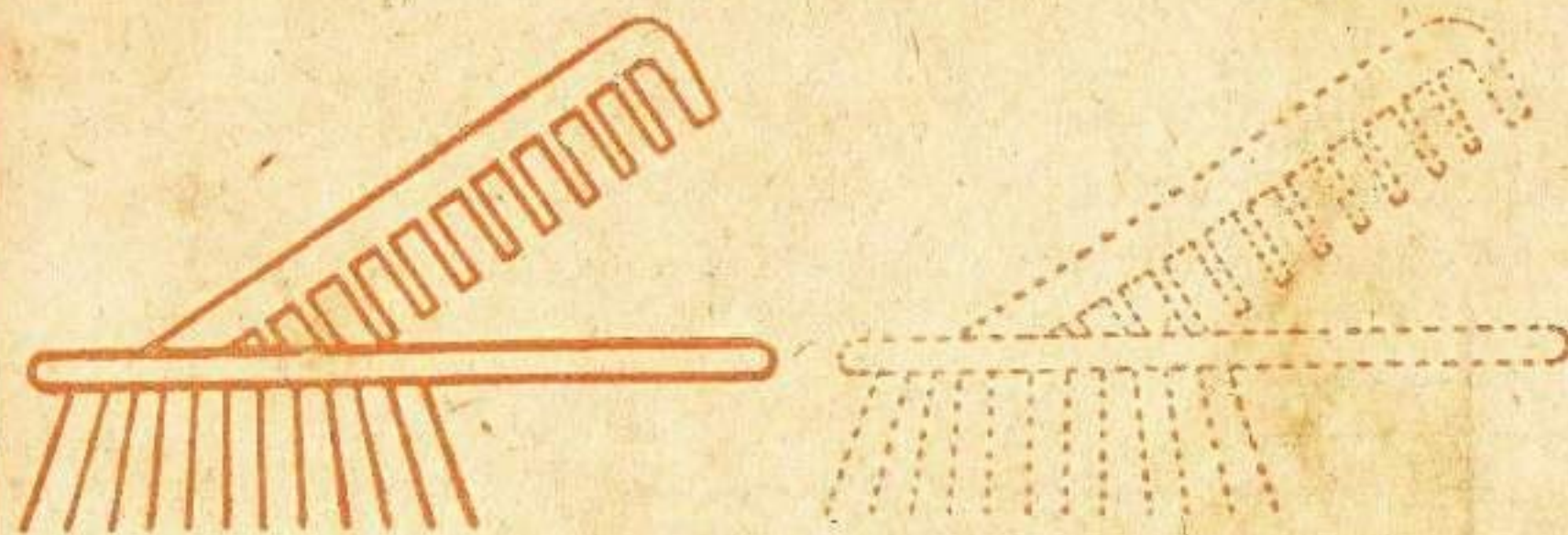


TẬP ĐỌC VUI

Đàn một trong tủ

Có một đàn một đục gỗ trong tủ. Chúng thường bảo nhau rằng: «Chúng ta nằm trong này. Loài người đành chịu thua. Muốn bắt ta thì phải phá tủ. Đó là điều mà họ không dám làm». Nào ngờ loài người đã có kế khác. Họ khênh cả cái tủ, thả xuống ao, ngâm nước. Thế là đàn một bị chết ngộp. Và tủ vẫn không bị phá!





TẬP VIẾT

Bàn thầy giáo đặt trên bức gỗ.

C



GIẢI TRÍ

Xem hình đọc tên



TẬP ĐỌC

Cái ghế dài

Học-trò ngồi trên ghế dài. Chân ghế to nên ngồi rất vững. Mặt ghế là một tấm ván dày. Ngồi lâu, mặt ghế nhẵn bóng. Bàn ghế ở lớp Năm đều thấp. Vì thế các em bé ngồi rất vừa.

Phát-âm.— Vững — Ván dày — Nhẵn bóng — Rất vừa.



NGŨ-VỤNG

Ghế dài

Bài giảng.— Học-sinh ngồi xuống ghế. Mặt ghế là tấm ván dày. Bàn ghế ở lớp Năm đều rất thấp.

Học tiếng.— 1) Ghế, Mặt ghế, Tấm ván — 2) Bàn ghế thấp.
3) Ngồi xuống.



H. T. L.

Dây bàn

Sắn dây, tám dây bàn dài,
Chúng em ngồi học, chép bài cùng nhau...
Ghế bàn đóng đã từ lâu,

Lại đây viết nữa, năm năm thôi...

Tấm bảng lớn

Tấm bảng lớn sơn xanh đặt trên giá gỗ. Thầy gọi Hùng lên bảng. Hùng lấy tay chỉ vào những chữ đã viết sẵn. Hùng đọc thật to. Cả lớp đọc theo. Sau đó, thầy gọi những người khác. Học-sinh lần-lượt lên bảng tập đọc và làm tính.

Phát-âm — Sơn xanh — Giá gỗ — Viết sẵn — Lần-lượt.



NGŨ-VỤNG

Bảng lớn

Bài giảng.— Bảng lớn đặt trên giá bằng. Thầy dùng phấn trắng viết chữ lên bảng xanh. Thầy quay bảng đi.

Học tiếng.— 1) Giá bằng, Phấn. — 2) Phấn trắng, Bảng xanh.
3) Quay (Xoay) bảng.



H. T. L.

Sạch - sẽ

Mỗi khi sắp hết giờ chơi,
Em ra hồ nước, mở vòi rửa tay.
Mồ-hôi, cát bụi phen này
Em rửa thật sạch, nên thầy thường khen.



TẬP ĐỌC

Bảng nhỏ

Ở lớp, ngoài tấm bảng lớn, còn tấm bảng nhỏ. Mặt bảng bọc nỉ màu xanh đậm. Mỗi khi kể chuyện, giảng bài, thầy lại trưng bảng nhỏ ra. Kể tới đâu, thầy gắn hình cắt sẵn tới đó. Vừa nghe chuyện, Hùng vừa xem hình, thích quá!

Phát-âm.— Kể chuyện — Giảng bài — Trưng — Xanh đậm.



NGŨ-VỤNG

Bảng nhỏ

Bài giảng.— Bảng nhỏ bọc bằng nỉ xanh. Thầy gắn hình lên đó để giảng bài. Xong thầy lại gỡ hình ra.

Học tiếng.— 1) Bảng nhỏ, Hình — 2) Nỉ xanh.
3) Gắn hình, Gỡ hình.



H. T. L.

Xem tranh

Chiều nay, trong lúc ra chơi
Vào phòng đọc sách, em ngồi xem tranh...
Xem chưa xong, hãy để dành
Tới giờ vào học, phải nhanh quay về.

TẬP ĐỌC Những bức tranh màu

Chung-quanh tường lớp treo nhiều tranh màu. Vài bức được lồng trong khung kính. Đó là tranh vẽ mấy chú thỏ, rất xinh. Thỉnh-thoảng thầy thay vào đó tranh hoa lá hoặc phong-cảnh. Tranh màu làm cho lớp học vui-tươi hẳn lên.

Phát-âm.— Khung kính — Xinh — Thỉnh-thoảng — Phong-cảnh.

NGŨ-VỤNG

Tranh ảnh

Bài giảng.— Tranh ảnh nhỏ được lồng khung kính. Tranh lớn đóng nẹp gỗ. Thầy treo tranh ảnh đẹp cho lớp học vui thêm.

Học tiếng.— 1) Khung kính, Nẹp gỗ — 2) Tranh ảnh đẹp.
3) Treo tranh.

TẬP ĐỌC VUI

Bảng và Phấn

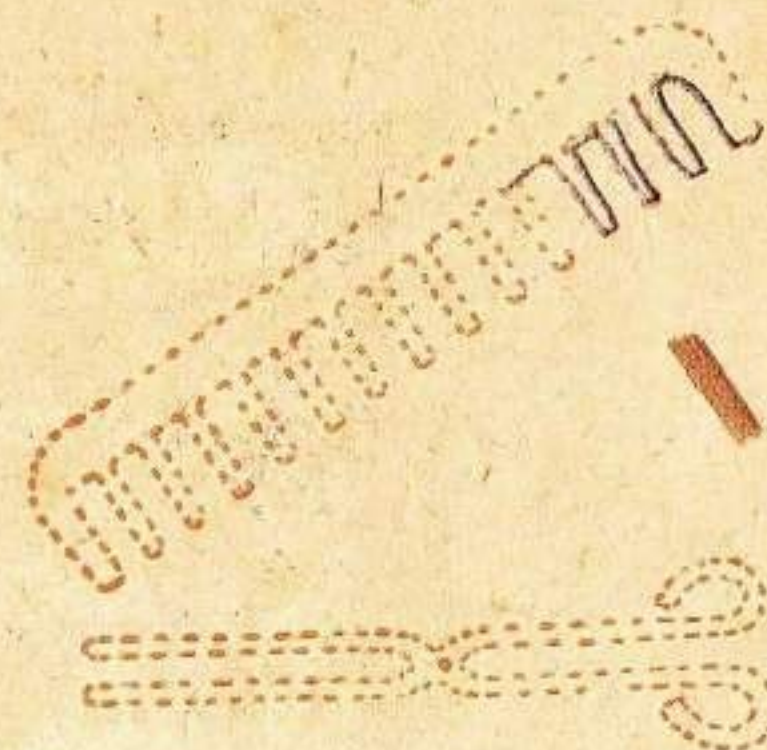
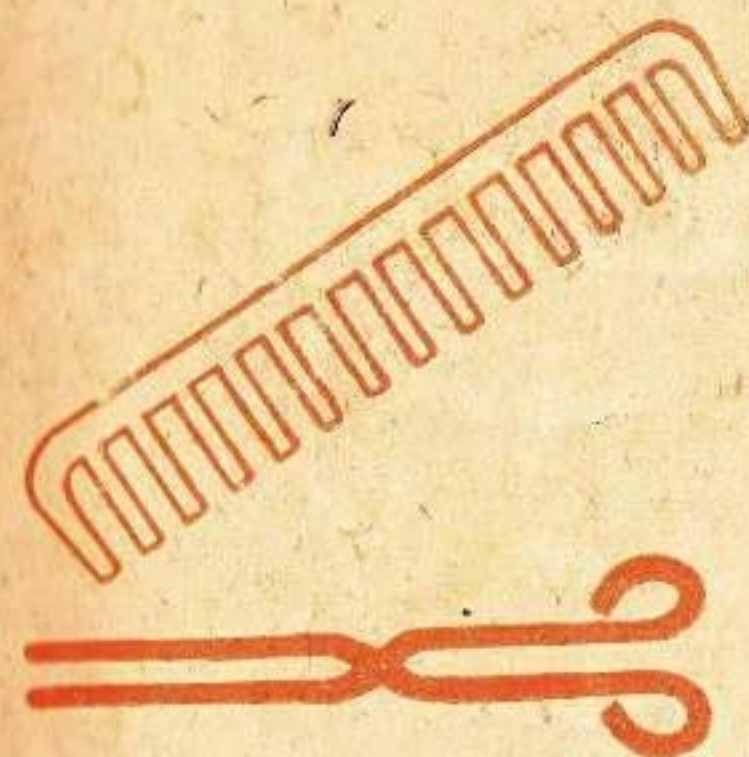
Bảng trách Phấn : « Anh tệ quá ! Minh tôi bõng đẹp thế này. Tại sao anh cứ vẽ, cứ vạch lên mình tôi thế? »

Phấn đáp : « Có tôi vẽ lên thì học-sinh mới cần tới anh chứ ! Nếu không có tôi, họ đã vất anh vào một xô rồi ! »

Bảng chột hiệu, không oán-trách Phấn nữa.

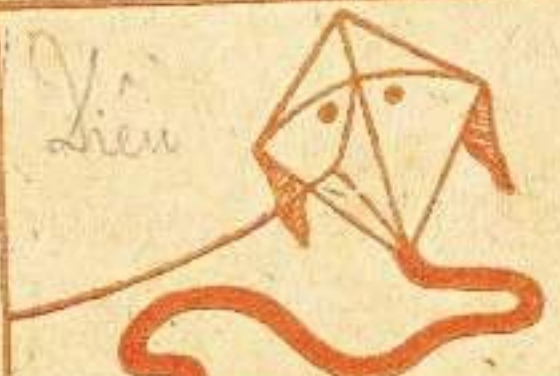


TẬP VẼ



TẬP VIẾT

Tranh ảnh treo kín trên tường.

D	Liên 	đẹp 
	dừa 	đốt 
	Đùi 	đẻ 

GIẢI TRÍ

Xem hình đọc tên



TẬP ĐỌC **Thế mới thích chứ!**

Tháng này Hùng được lên bảng danh-dự. Thầy viết tên Hùng vào mảnh bìa nhỏ. Mảnh bìa đó được gài vào bảng danh-dự. Bảng này vẽ hoa rất đẹp! Chỉ có sáu người được lên bảng danh-dự. Thế mà Hùng có tên mới thích chứ!

Phát-âm.— Danh-dự — Mảnh bìa — Gài — Thích.

NGŨ-VỤNG **Bảng danh-dự**

Bài giảng.— Trên bảng danh-dự có vẽ hoa là rất đẹp. Thầy ghi tên học-trò giỏi vào mảnh bìa. Rồi thầy gài lên bảng danh-dự.

Học tiếng.— 1) Hoa lá, Mảnh bìa — 2) Học-trò giỏi
3) Ghi tên, Gài.

H. T. L.

Bảng danh-dự

Hùng vừa chăm học, vừa ngoan,
Thầy yêu, bạn quý, xóm làng cũng khen.
Đẹp lòng cha mẹ, anh em,
Bảng vàng danh-dự được lên đứng đầu.

Hùng hỏi Cường: « Ngày mai có bài gì? »
Cường đáp: « Xem thời-khóa-biểu thì biết! Thời-khóa-biểu của Hùng đâu? » Hùng trả lời: « Rớt mất rồi! » Cường giục: « Hùng phải chép lại đi. Lên mượn thời-khóa-biểu treo ở kia kia! ».

Phát-âm.— Thời-khóa-biểu — Giục — Trả lời — Treo.

NGŨ-VỤNG

Thời-khóa-biểu

Bài giảng.— Mỗi ngày học mấy bài? Mỗi bài dài mấy phút? Ngày nào là ngày nghỉ? Muốn biết, phải xem thời-khóa-biểu.

Học tiếng.— 1) Ngày, Bài, Phút — 2) Ngày nghỉ.
3) Xem thời-khóa-biểu.

H. T. L.

Khuyên em

Kể từ khi lọt lòng ra,
Các em nhờ mẹ, nhờ cha, nhờ thầy.
Phải chăm-chỉ, học đêm ngày,
Nếu giờ lười-biếng, sau này ngu-si...





TẬP ĐỌC

Ai vắng mặt?

Thầy mở sổ điểm-danh gọi tên. Toán-trưởng nói tên người nghỉ. Thầy chấm vào sổ. Rồi thầy lấy bảng sĩ-số để ghi. Lớp Hùng có năm chục học-sinh. Hôm nay vắng mặt hai em. Như vậy chỉ có bốn mươi tám học-sinh đi học.

Phát-âm. — Sổ điểm-danh — Bảng sĩ-số — Toán-trưởng



NGŨ-VỤNG

Bảng sĩ-số

Bài giảng — Bảng sĩ-số treo ở góc. Trên bảng đề sẵn: sĩ-số, vắng mặt, có mặt. Gọi tên xong, thầy ghi vào bảng sĩ-số.

Học tiếng. — 1) Sĩ-số — 2) Học-sinh vắng mặt, Học-sinh có mặt.
3) Gọi tên.



H. T. L.

Xếp hạng cao

Tháng này, em xếp hạng cao,
Điều mà ba má ước-ao lâu rồi.
Mừng vui, nói chẳng hết lời,
Ba cười bảo má: « Con tôi nhất nhà! »

TẬP ĐỌC

Cố gắng thêm

Thầy đọc bảng xếp hạng cho cả lớp nghe. Xong rồi, bảng được lồng vào khung kính. Rồi thầy treo lên tường. Hùng sung-sướng quá! Tuần này, Hùng được xếp hạng ba. Hùng cố gắng thêm để được xếp hạng nhất. Như vậy ba má còn vui hơn...

Phát-âm. — Xếp hạng — Sung-sướng — Khung kính.

NGŨ-VỤNG

Bảng xếp hạng

Bài giảng. — Cuối tuần thầy cộng điểm. Trên bảng xếp hạng có tên học-sinh và số điểm. Người xếp hạng cao. Người xếp hạng thấp.

Học tiếng. — 1) Tên, Số điểm — 2) Hạng cao, Hạng thấp.
3) Xếp hạng, Cộng điểm.

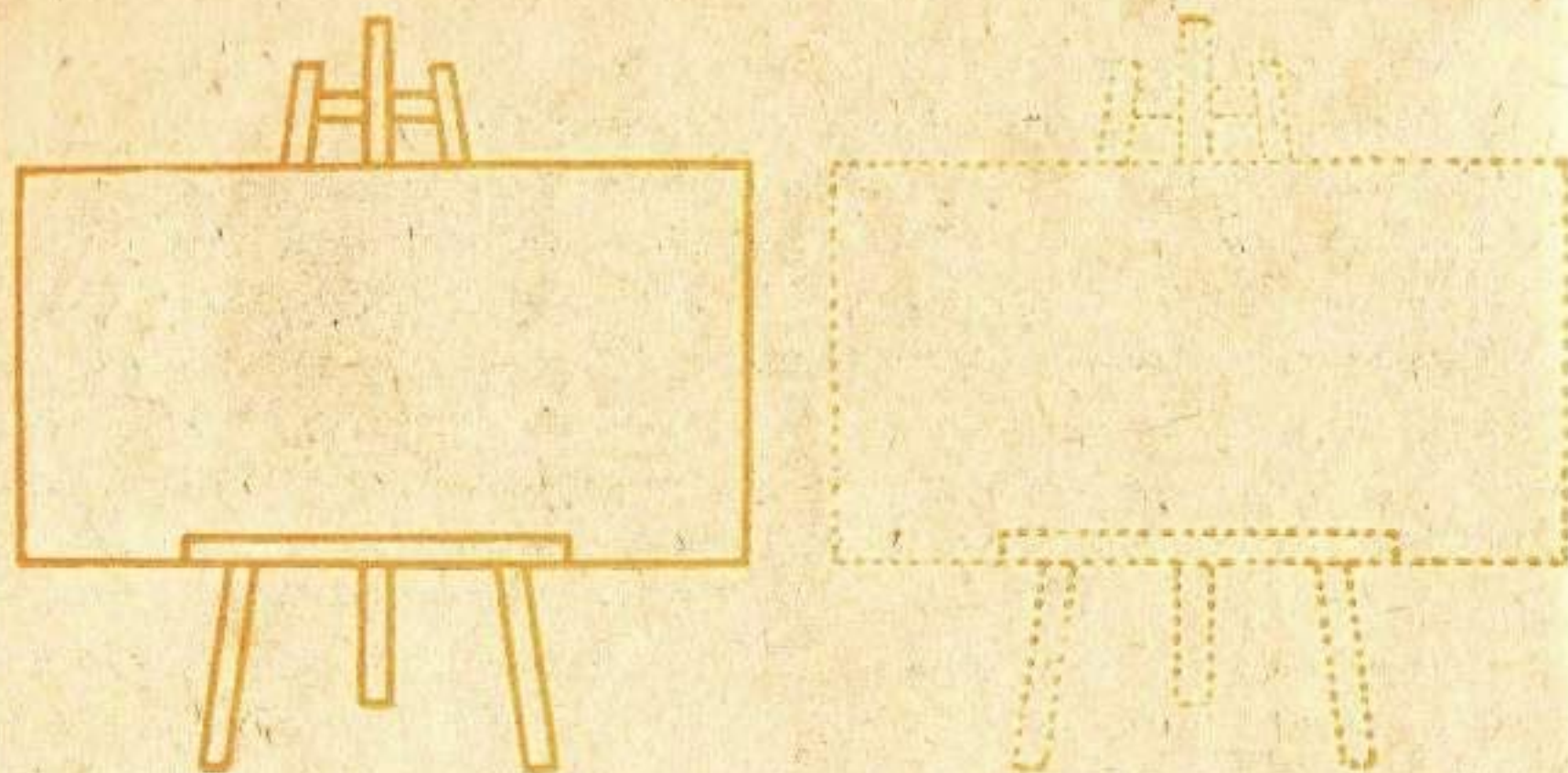


TẬP ĐỌC VUI

Qua cầu

Hai con dê gặp nhau giữa khoảng cầu hẹp. Không con nào chịu nhường con nào. Con nào cũng muốn chen chân đi trước. Dê này bảo: « Anh còn ít tuổi cần tránh ta. » Dê kia đáp: « Lớn phải nhường bé chứ? ». Rồi không con nào chịu con nào. Chúng tranh nhau qua cầu. Rớt cuộc cả hai té xuống vực sâu, chết tốt!





TẬP VIẾT

Cổ được lên bảng Danh-dự

thuongmaitruc.com.vn

GIẢI TRÍ

Tổ màu tìm hình



TẬP ĐỌC

Xem chương-trình

Cạnh bảng xếp hạng là bảng phân - chia chương-trình. Mỗi tháng, thầy dán lên đó một tờ giấy. Trong tờ giấy này ghi các bài sẽ học. Thỉnh-thoảng thầy lại tới xem. Nhờ vậy bài dạy mới đúng với chương trình.

Phát-âm — Chương-trình — Dán giấy — Thỉnh-thoảng.



NGŨ-VỤNG

Bảng chương-trình

Bài giảng.— Chương-trình học được phân-chia trước. Thầy theo chương-trình soạn bài. Bài học như thế mới đủ, không thiếu.

Học tiếng.— 1) Chương-trình, Bài . — 2) Bài học đủ
3) Phân-chia chương-trình.



H. T. L.

Ở nhà

Ở nhà, yêu mẹ, quý cha,
Mến anh, nhường chị, thuận-hòa cùng em.
Họ-hàng nội ngoại đôi bên,
Thường năng thăm-viếng, chẳng quên bao giờ.

Ông Thanh-tra vào thăm lớp. Ông lấy bảng âm-đọc treo trên tường. Ông chọn một bài và gọi Hùng đọc. Hùng đọc thông-thả, rõ-ràng. Ông bảo Cường đọc tiếp. Cường đọc rất trôi-chảy. Ông Thanh-tra xoa đầu, khen-ngợi các em.

Phát-âm.— Thanh-tra — Thông-thả — Rõ-ràng — Xoa đầu.

NGŨ-VỤNG

Bảng âm-đọc

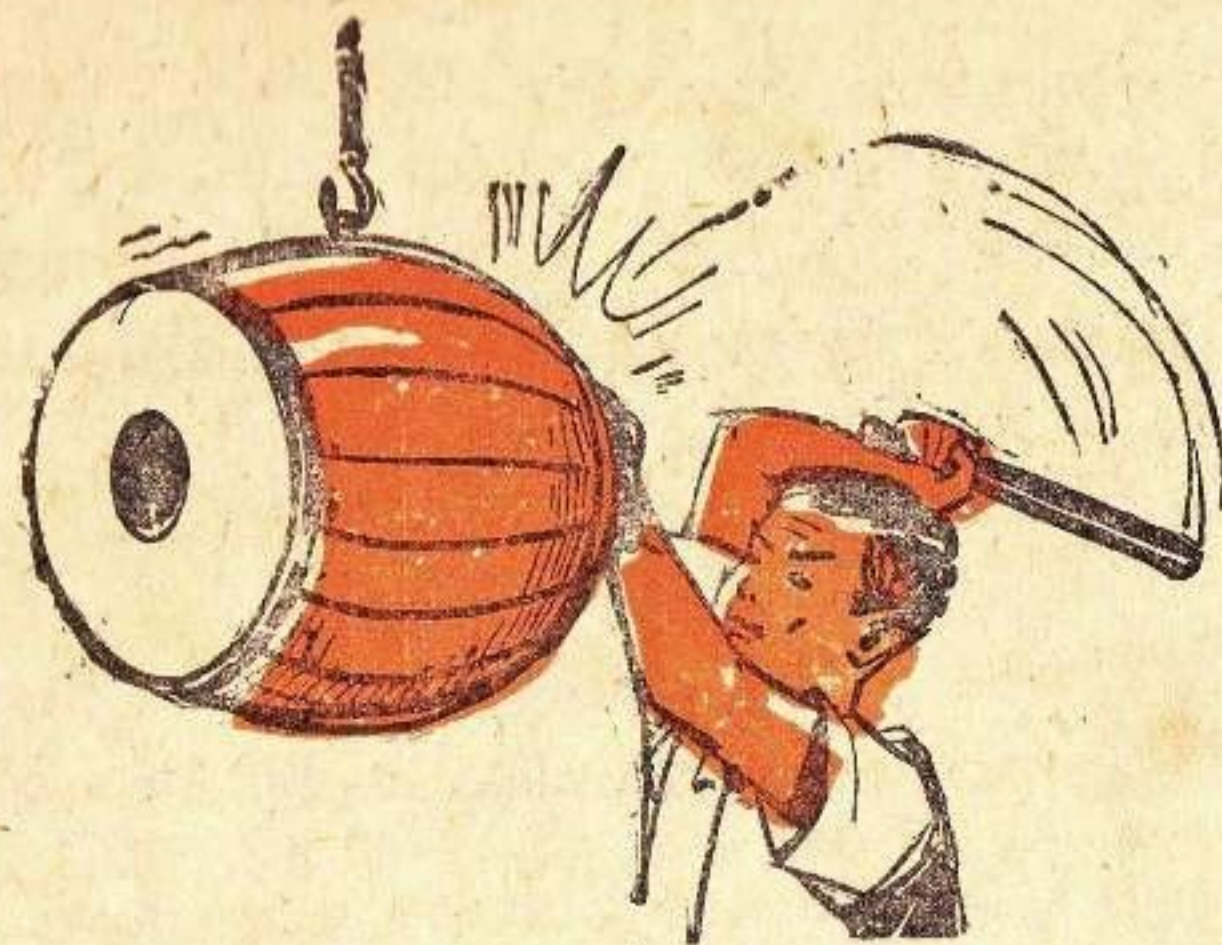
Bài giảng.— Trên bảng âm-đọc, các bài học thuộc lòng đều đề tên tác - giả. Có bài ngắn, có bài dài. Học-sinh học thuộc lòng những bài đó.

Học tiếng.— 1) Bài học thuộc lòng, Tên tác - giả.
2) Bài dài, Bài ngắn. — 3) Học thuộc lòng.

H. T. L.

Đọc bài

Thầy ngồi mở cuốn sổ dày,
Thấy em muốn đọc nên thầy gọi tên.
Thuộc bài, em đứng thẳng lên.
Đọc to và rõ, thầy biên sổ mười...



TẬP ĐỌC

Tiếng trống trường

« Thùng ! Thùng ! Thùng ! » Tiếng trống báo giờ vào học, ra chơi. Tan học cũng có tiếng trống. Bác tùy-phái giữ việc đánh trống. Tiếng trống kêu to. Nó vang ra rất xa. Hùng và các bạn theo lệnh chiếc trống này.

Phát-âm.— Tiếng trống, — Tùy-phái, — Theo lệnh.

NGŨ-VỤNG

Trống

Bài giảng.— Trống lớn treo ở hiên trường. Hai mặt trống bọc da trâu. Em đánh trống bằng dùi gỗ.

Học tiếng.— 1) Trống, Mặt trống, Dùi trống, Da trâu.
2) Trống lớn. — 3) Đánh trống.

H. T. L.

Nghe tiếng trống

Trong sân, kẻ đứng, người ngồi,
Vừa nghe tiếng trống là thôi không đùa.
Xếp hàng, vào lớp ganh-đua,
Chép bài làm tính, thâu-thò...

TẬP ĐỌC Quyền sách tập đọc

Cha mua cho Hùng một quyển sách in. Đó là quyển Việt-ngữ tân-thư lớp Năm. Ngoài bìa in hình bản đồ Việt-nam. Trong gồm hơn một trăm trang giấy. Trang nào cũng có tranh màu rất đẹp. Chữ in to nên dễ đọc lắm!

Phát-âm.— Quyển sách — Trăm trang giấy — Tranh màu.



NGŨ - VỤNG Quyển sách in

Bài giảng.— Quyển sách in hình chữ-nhật. Bìa sách màu hồng. Ngoài bìa in tên sách. Em mở sách ra tập đọc.

Học tiếng.— 1) Hình chữ-nhật, Bìa sách, Tên sách.
2) Màu hồng. — 3) Mở sách.

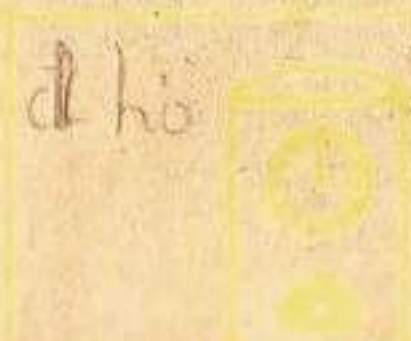


TẬP ĐỌC VUI Tờ giấy bọc ngoài

Quyển sách in rất ghét tờ giấy bọc ngoài. Nó thường giầy-giũa, phá-phách. Một hôm nó cố đập thật mạnh. Tờ giấy bọc rách tung. Rồi nó bãng mình ra đi chơi. Nó la-cà khắp nơi này đến nơi khác. Nó vô ý đụng phải lọ mực. Thế là lọ mực đổ đầy mình. Lúc này nó dơ-bẩn quá! Nó ngồi ôm mặt khóc. Nhưng đã muộn mất rồi!!!



đầu





TẬP ĐỌC

Quyền sách tập đọc (tiếp theo)

Đến giờ tập đọc, Hùng mở sách đọc. Về nhà, Hùng lấy sách ra cho các em xem. Em Mai rất thích xem hình. Hùng theo lời thầy, giảng cho các em. Dùng xong, Hùng cất sách vào cặp. Vì thế quyền sách lúc nào cũng mới.

Phát âm. — Xem — Giảng — Cất sách vào cặp.

NGŨ-VỤNG

Quyền sách in (tiếp theo)

Bài giảng. — Trang sách nào cũng có tranh rất đẹp. Chữ in to nên dễ đọc. Đọc xong em cất sách vào cặp.

Học tiếng. — 1) Trang, Tranh, Chữ in.
2) Tranh đẹp. — 3) Cất sách.

H. T. L.

Của em

Của em : quyền sách bìa vàng,
Em bao giấy đỏ, trông càng thêm xinh.
Mở ra những chữ và hình,
Trên trang giấy trắng được tình trẻ thơ.

TẬP ĐỌC

Cuốn vở

Cuốn vở này có năm chục trang. Ngoài bìa in hình cậu bé đi học. Bên trong giấy mịn và trắng. Hùng chép bài, làm toán vào vở. Hùng không bỏ trống trang nào. Hùng giữ cẩn-thận nên góc vở không quăn...

Phát âm — Chục trang — Bỏ trống — Giữ cẩn-thận.



NGŨ-VỤNG

Cuốn vở (Cuốn tập)

Bài giảng. — Cuốn vở này mỏng. Giấy ở trong rất trắng. Trang nào cũng kẻ ô vuông. Em làm tính, chép bài vào vở.

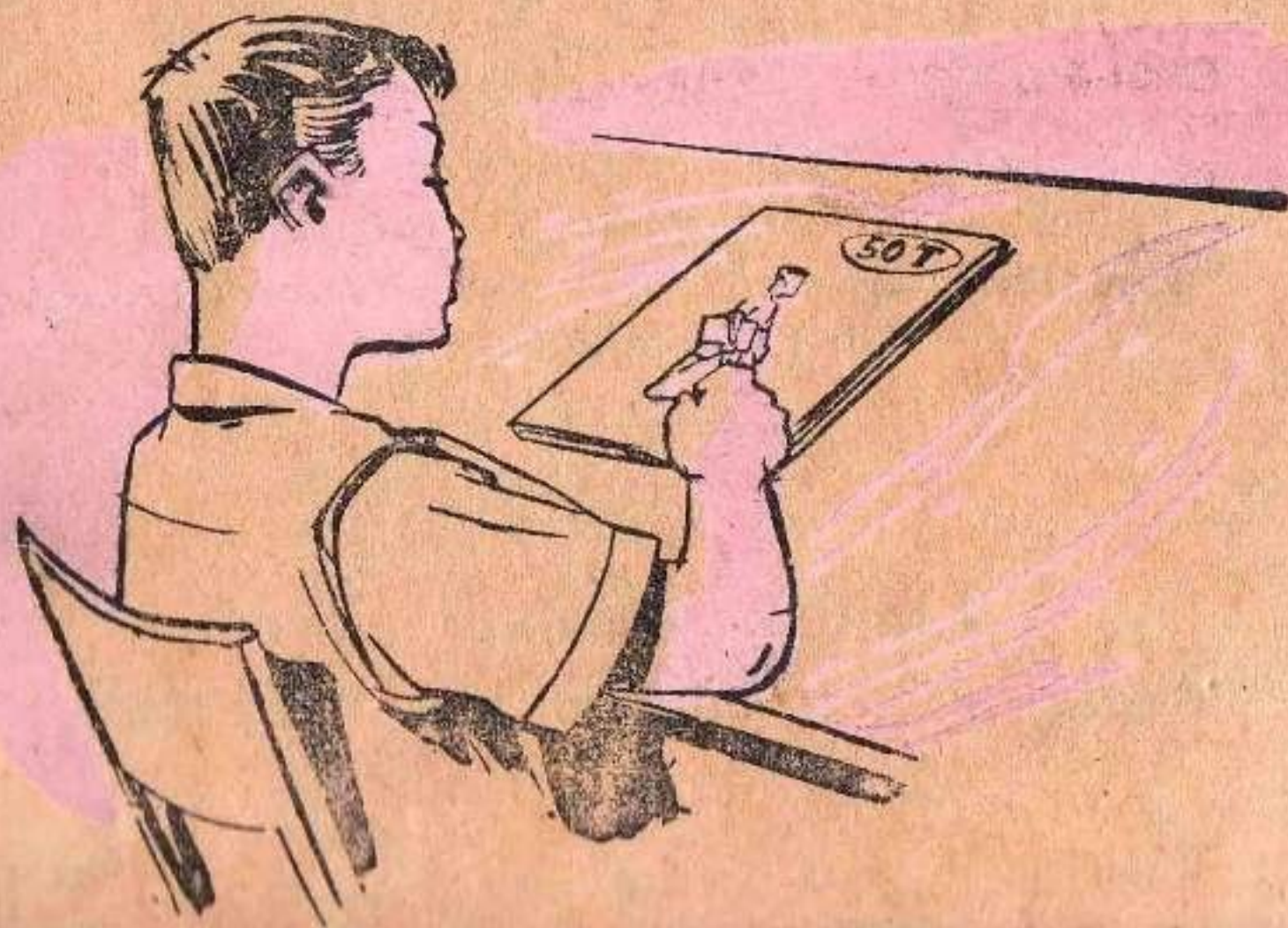
Học tiếng — 1) Giấy, Ô vuông — 2) Vở mỏng, Giấy trắng.
3) Làm tính, Chép bài.



H. T. L.

Lời cuốn vở

Em là cuốn vở trăm trang,
Lòng em trong trắng, mịn-màng dễ yêu.
Chị ơi! Chị gắng nuông chiều
Vì em giúp-đỡ chị nhiều lắm cơ!





TẬP ĐỌC

Chiếc quần bút

Chú Minh cho Hùng chiếc quần bút mới. Quần bút này bằng gỗ sơn hai màu. Hùng cầm lên ngắm mãi. Ngòi bút bằng sắt mạ kền sáng bóng. Khi viết, ngòi bút không làm sòn giấy. Nhờ đó, chữ của Hùng càng đẹp thêm.

Phát-âm.— Quần bút — Ngắm — Sắt — Kền sáng bóng.



NGŨ - VỤNG

Bút (Cây bút)

Bài giảng.— Quần bút bằng gỗ. Ngòi bút bằng sắt. Em cầm bút, viết bài. Chữ em khá đẹp.

Học tiếng.— 1) Quần bút, Ngòi bút — 2) Chữ đẹp.
3) Cầm bút, Viết.



H. T. L.

Của em

Của em: cái quần bút cây
Nâng lên, em viết liền tay mấy dòng.
Mực đen, giấy trắng vẽ vòng
Run-run mấy nét giữa lòng giấy thơm...

TẬP ĐỌC

Trong giờ vẽ

Đã đến giờ vẽ gạch. Hùng lấy thước ở cặp ra. Cái thước này bằng gỗ (cây) sơn bốn màu. Cạnh thước sắc. Hùng dùng thước vẽ hình thang. Kẻ bằng bút, mực thường giây ra cạnh thước. Hùng lấy giấy thấm chùi thước cho sạch mực.

Phát-âm.— Giờ vẽ — Giấy mực — Chùi thước.



NGŨ - VỤNG

Thước

Bài giảng.— Thước có bốn mặt và hai đầu. Thước dùng để kẻ đường thẳng. Thước bằng gỗ hoặc nhựa.

Học tiếng.— 1) Mặt, Đầu, Gỗ, Nhựa. — 2) Đường thẳng.
3) Kẻ.



TẬP ĐỌC VUI

Bút gỗ và bút máy

Bút máy thường khinh bút gỗ. Nó lên mặt bảo rằng: «Hãy trông đây! Ngòi của ta bằng vàng, nắp của ta sơn bóng rất đẹp! Còn mi, tại sao mi đen thui và dơ-dáy thế?».

Cậu học-trò nghe tiếng liền bảo: «Bút gỗ cũng chép được bài chữ có kém gì đâu! Thôi! Bút máy ơi! Đừng tự-phụ nữa!». Bút máy mắc-cổ, nín thinh.



TẬP ĐỌC**Bút chì đen**

Sáng nay, Hùng xin cha một chiếc bút chì đen. Bút chì này gọt sẵn. Ngòi chì đen bóng, nhỏ bằng đầu tăm. Vô ý để rơi là gãy liền. Thân bút chì bằng gỗ sơn. Phía đầu có gắn cục tẩy nhỏ.

Phát-âm.— Gọt sẵn — Gãy — Rơi — Cục tẩy.

★

NGŨ-VỤNG**Chì**

Bài giảng.— Thân bút chì bằng gỗ sơn. Ngòi chì nhỏ màu đen. Bút chì để viết hoặc vẽ. Em gọt (chuốt) bút chì bằng dao.

Học tiếng.— 1) Thân bút chì, Ngòi chì, Dao. — 2) Ngòi chì nhỏ.
3) Viết, Vẽ, Gọt bút chì.

★

H. T. L.**Bút chì**

Em là một chiếc bút chì,
Thường dùng để vẽ hoặc ghi-chép bài.
Mỗi khi vẽ nét nào sai,
Đã cố chị tẩy ở ngoài xóa cho...



TẬP ĐỌC

Lọ mực không đồ

Ở trường về, tay chân Hùng đầy mực. Hùng đã nút chặt lọ mực rồi cơ mà! Có lẽ tại Hùng chạy dầy! Vậy từ nay, Hùng đi thông thả nhé! Hùng sẽ mua lọ mực không đồ. Phải đấy! Lọ mực của Cường không bị đồ bao giờ.

Phát-âm.— Nút chặt — Thông thả — Lọ mực.



NGŨ-VỤNG

Lọ mực (Bình mực)

Bài giảng.— Lọ mực bằng thủy-tinh đựng đầy mực tím. Phía trên có nút (nắp) đây. Em lấy bút chấm mực để viết.

Học tiếng.— 1) Thủy-tinh, Nút, Nắp. — 2) Mực tím.
3) Chấm mực, Đựng mực.



H. T. L.

Cuốn vở mới

Bắt đầu cuốn vở trắng tinh
Em ngồi viết chữ, vẽ hình đẹp thay!
Lòng em như tấm giấy này
Nhờ thầy dạy-dỗ nên đầy điểm son.

TẬP ĐỌC

Tây khéo

Cường vẽ sai rồi lấy ngón tay tây-xóa hoài! Vì thế vở thường bị rách. Hùng lấy cục tẩy đưa cho Cường. Rồi Hùng tẩy giúp những nét vẽ sai. Hùng tẩy khéo thật! Những vết lem biến hết mà giấy vẫn y nguyên.

Phát-âm.— Tẩy xóa — Rách — Vết lem — Vẽ sai.



NGŨ-VỤNG

Cục tẩy (Cục gôm)

Bài giảng.— Cục tẩy bằng cao-su. Tẩy chì mềm. Tẩy mực cứng. Cục tẩy dùng để xóa những nét vẽ sai.

Học tiếng.— 1) Cao-su, Tẩy chì, Tẩy mực.
2) Cục tẩy mềm, cứng. — 3) Xóa (bôi).



H. T. L.

Của em

Của em còn một cục gôm
Em bôi, em tẩy, sạch trơn thế này.
Em yêu, em giữ trong tay
Đồ-dùng cha mẹ cùng thầy cho em...

TẬP ĐỌC Những chiếc bảng con

Cả lớp cùng giơ bảng con lên. Thầy đưa mắt nhìn. Thầy chỉ cho mấy em viết sai, sửa lấy. Hùng làm tính đúng lại viết đẹp. Thầy cầm bảng của Hùng cho cả lớp xem. . . Thầy gõ thước xuống bàn. Mọi người hạ bảng xuống.

Phát-âm.— Giơ bảng — Viết sai — Sửa — Xuống.



NGŨ - VỤNG

Bảng con

Bài giảng.— Bảng con bằng bìa dày. Học-sinh làm tính, viết tập trên bảng. Rồi cả lớp giơ bảng lên để thầy xem.

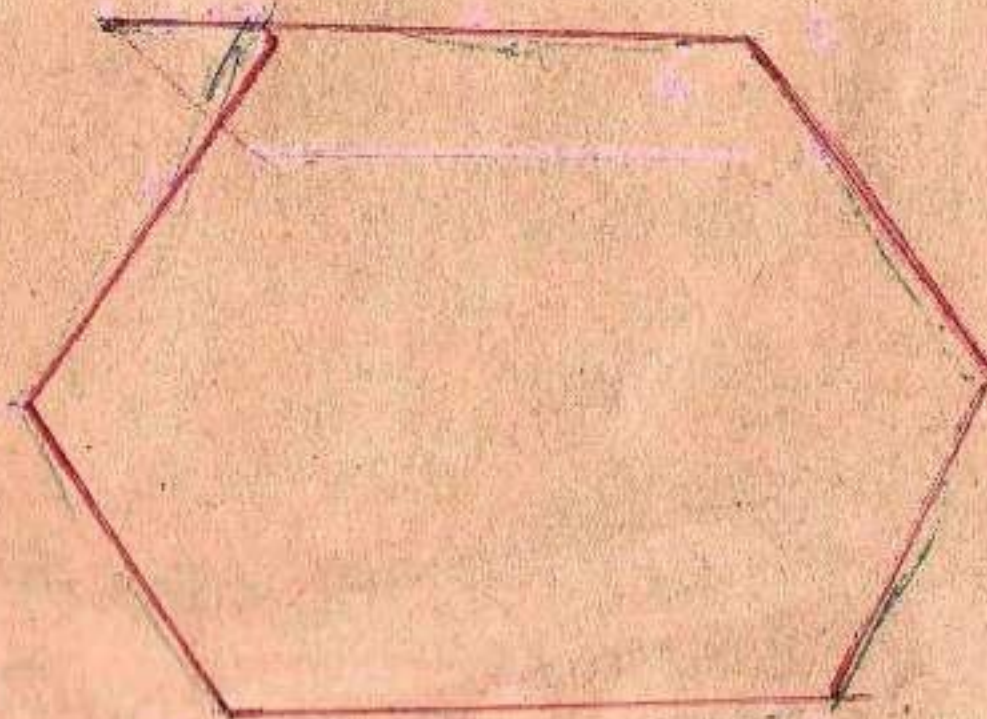
Học tiếng.— 1) Bìa. — 2) Bìa dày.
3) Làm tính, Viết tập, Giơ bảng.



TẬP ĐỌC VUI Xin lỗi anh nhé!

Bút chì mắng cục tẩy : « Anh ác quá ! Tôi vạch được mười nét thì anh xóa đi đến tám nét ! Anh ghét gì lời thế ! » Cục tẩy mỉm cười trả lời : « Tôi chỉ xóa những nét vẽ sai, vết bẩn ! Tôi làm cho hình do anh vẽ ra thêm đẹp. Như thế người ta mới khen anh chứ ! »

Bút chì chợt hiểu vội nói : « Xin lỗi anh nhé Anh không nói rõ thì tôi đâu biết ? »





TẬP ĐỌC

Dùng giấy thấm

Hùng viết đã hết trang. Nét chữ còn ướt. Hùng vội lấy tờ giấy thấm màu hồng đặt lên trang vở. Hùng dùng bàn tay xoa khẽ một lượt. Mực bị hút cả vào giấy thấm. Hùng mở sang trang bên. Chữ viết không bị nhòe nữa!

Phát-âm.— Ướt — Xoa khẽ — Giấy thấm — Nhòe.

NGŨ-VỤNG

Giấy thấm (giấy chặm)

Bài giảng.— Tờ giấy thấm này dày và xốp. Nó hút mực rất nhanh. Dùng giấy thấm thì chữ viết không bị nhòe.

Học tiếng.— 1) Giấy thấm — 2) Giấy dày, Giấy xốp.
3) Hút mực, Dùng giấy thấm.

H. T. L.

Lời thầy

Muốn cho mực viết chóng khô
Không nhòe, không bẩn, các trò trông đây:
Ta cầm tờ giấy thấm này
Đặt lên trang vở, nhẹ tay xoa dần...

TẬP ĐỌC

Hộp đồ khâu

Mai đựng đồ khâu trong hộp sắt nhỏ. Thật là chẳng thiếu thứ gì! Kéo này! Kim này! Chỉ này! Vải này! Lại có cả thước nhỏ để đo nữa. Hộp đồ khâu để sẵn trong cặp. Đến giờ khâu, Mai mở hộp lấy kim chỉ ra khâu...

Phát-âm.— Khâu — Thiếu — Thước — Để sẵn.



NGŨ-VỤNG

Đồ khâu (Đồ may)

Bài giảng.— Đồ khâu gồm có : kim, chỉ, kéo, vải. Mai cắt mảnh vải trắng. Rồi em dùng kim chỉ để khâu.

Học tiếng.— 1) Kim, Chỉ, Kéo, Vải. — 2) Vải trắng.
3) Cắt, Khâu.



H. T. L.

Cái kim

Thân em bé nhỏ tí-tì
Các bà, các chị, em thì ở tay.
Em đi, em lại, suốt ngày
Quần quần, áo áo, em may cho người...





TẬP ĐỌC

Bó thẻ tre

Bó thẻ tre này Hùng nhờ anh Đồng vót giúp. Mỗi chiếc thẻ to gần bằng chiếc đũa. Cả bó gồm hai chục chiếc. Nửa để trắng, nửa nhuộm đỏ. Chiếc nào cũng dài một gang. Có bó thẻ này, Hùng làm tính cộng, tính trừ rất đúng.

Phát-âm. — Vót giúp — Chiếc đũa — Nhuộm — Trắng.

NGŨ-VỤNG

Bó thẻ

Bài giảng. — Bó thẻ có hai chục chiếc thẻ tròn và ngấn. Em tập đếm bằng thẻ. Đếm xong, em cột thẻ lại.

Học tiếng. — 1) Bó thẻ, Chiếc thẻ. — 2) Thẻ tròn, Thẻ ngấn.
3) Tập đếm, Cột.

H. T. L.

Tập đếm

Mỗi khi đếm, muốn khỏi nhầm,
Thẻ tre một bó em cầm trên tay.
Một, hai, ba, bốn, năm này
Sáu, bảy, tám, chín và đây là mười.

TẬP ĐỌC

Tô màu

Chị Trang mới mua hộp chì màu. Trong hộp có sáu cây. Có cây màu đỏ, có cây màu xanh, có cây màu vàng, có cây màu tím... Hùng thích tô màu các hình vẽ. Chị Trang cho Hùng mượn hộp chì màu.

Phát-âm. — Chị Trang — Màu xanh — Thích — Mượn.

NGŨ-VỤNG

Chì màu

Bài giảng. — Trong hộp có sáu cây chì màu. Đó là các màu : đỏ, xanh, vàng, tím, hồng và đen. Chì màu dùng để tô màu.

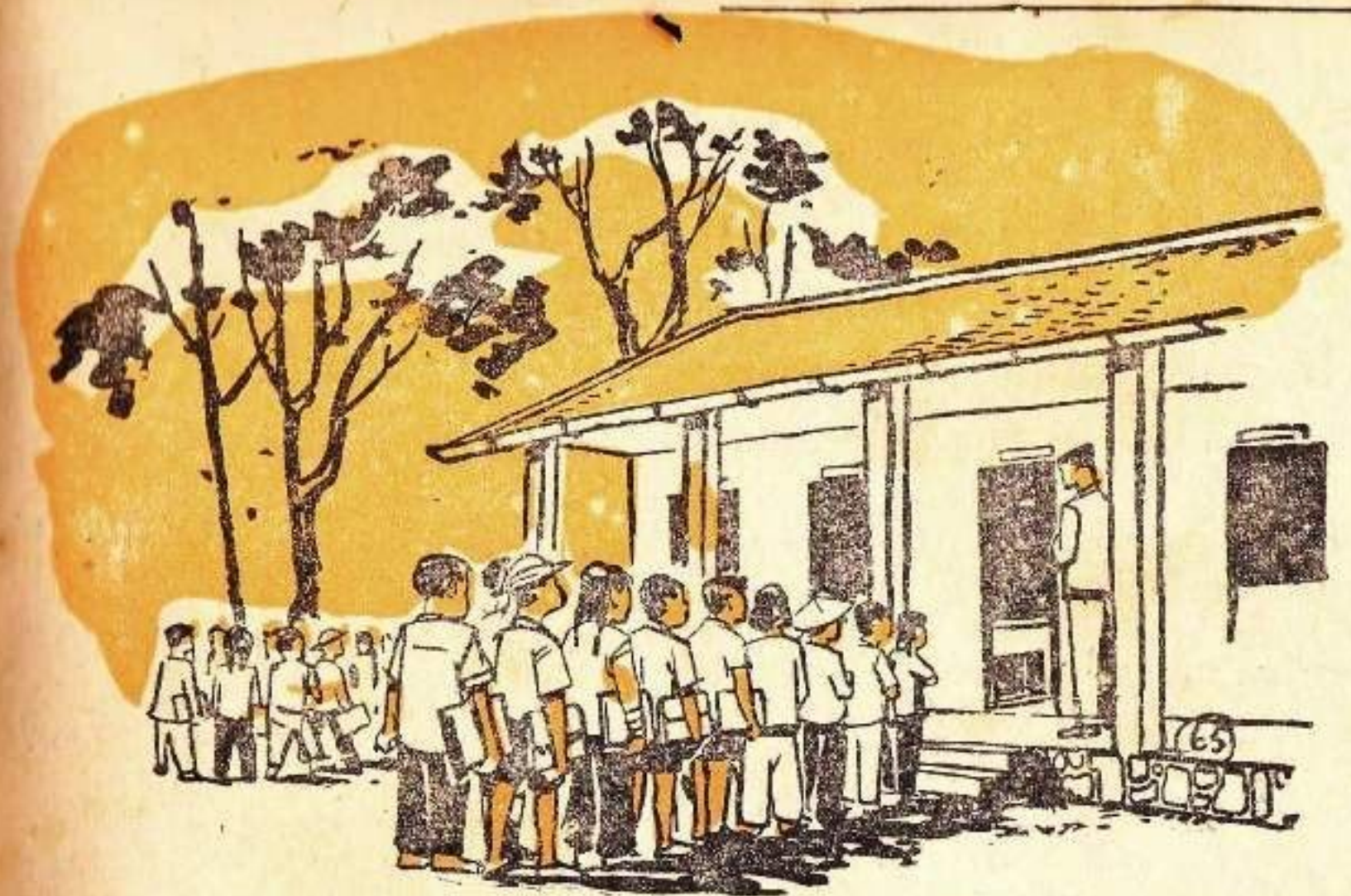
Học tiếng. — 1) Hộp, Cây chì.
2) Màu xanh, vàng, đỏ, tím, hồng, đen.
3) Tô màu.

TẬP ĐỌC VUI

Bẻ đũa

Cha đổ các con bẻ gãy bó đũa. Các con lần - lượt cố hết sức mà không bẻ nổi. Cha tháo rời bó đũa ra. Rồi cha bẻ từng chiếc rất dễ - dàng. Các con cùng nói : « Thưa cha, bẻ cả bó chứ bẻ từng chiếc thì dễ lắm ! » Cha đáp : « Đúng đấy ! Bẻ một chiếc đũa thì dễ nhưng bẻ cả bó đũa tre thì khó vô cùng ! ... »



TẬP ĐỌC**Khi xếp hàng**

Mỗi khi ra, vào đều phải xếp hàng. Hùng xếp hàng với Cường. Các em thấp-bé nên được đứng hàng đầu. Các anh lớn phải ở hàng cuối. Hùng đứng thẳng người. Hùng không cười-dùa, nói chuyện. Vì thế thầy rất bằng lòng.

Phát-âm.— Mỗi khi — Hàng cuối — Đứng thẳng — Bằng lòng.

NGŨ-VỤNG**Xếp hàng**

Bài giảng.— Học-sinh xếp hàng đôi. Bé đứng trước. Lớn đứng sau. Hàng nào cũng đều và thẳng.

Học tiếng — 1) Học-sinh, Hàng đôi.
2) Hàng đều, Hàng thẳng. — 3) Xếp hàng, Đứng.

H. T. L.**Xếp hàng đôi**

Ra, vào cùng xếp hàng đôi,
Chẳng ai đùa-giỡn, nói-cười, ngả-nghiêng...
Bé thường được xếp lên trên,
Đề người cao-lớn đứng liền phía sau.



TẬP VIẾT

thuongmaitrue

H

Lễ chào cờ

Hùng xếp hàng cùng các bạn. Ai nấy hướng về phía cột cờ. Sau tiếng « Nghiêm » thầy giáo hô tiếp . « Chào cờ ! Chào ». Học-sinh đứng thẳng người. Các em nhìn theo lá quốc-kỳ được kéo lên. Theo gió quốc-kỳ bay phất-phới.

Phát-âm. — Hường — Nghiêm — Thẳng — Quốc-kỳ — Phất-phới



NGŨ - VỤNG

Chào cờ

Bài giảng. — Học-sinh đứng nghiêm chào cờ. Quốc-kỳ được kéo lên đỉnh cột cờ. Quốc-kỳ rực-rỡ tung bay.

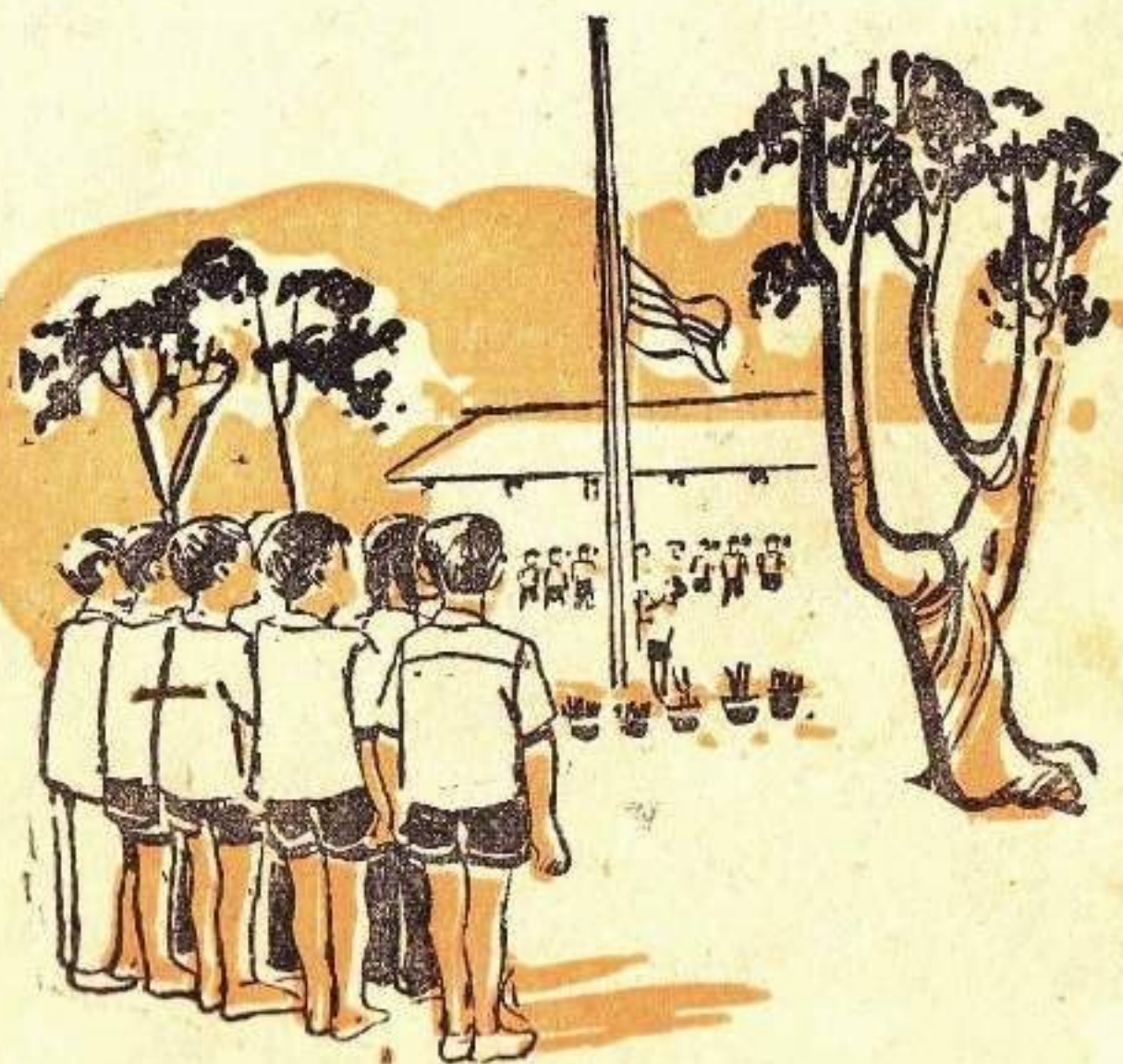
Học tiếng. — 1) Quốc-kỳ, Đỉnh cột cờ. — 2) Quốc-kỳ rực-rỡ.
3) Đứng nghiêm, Tung bay.



H.T.L.

Chào cờ

Chào cờ, em đứng thẳng người.
Tay buông, cặp mắt sáng ngời niềm tin.
Quốc-kỳ đã được kéo lên,
Muôn người như một, đứng nghiêm chào cờ.



TẬP ĐỌC

Trở về lớp

Lễ chào cờ đã chấm dứt. Theo lệnh thầy, học sinh quay lại phía sau. Các em từ-từ đi về lớp. Kẻ trước tiến, người sau theo. Vào lớp, học-sinh đứng thẳng để hô khẩu-hiệu. Rồi các em ngồi xuống đồng-thanh hát bài « Nhà Việt-nam ».

Phát-âm. — Chấm dứt — Hô khẩu-hiệu — Ngồi xuống.



NGŨ - VỤNG

Vào học

Bài giảng. — Lễ chào cờ chấm dứt. Học-sinh về lớp. Các em hô khẩu-hiệu rồi hát. Buổi học sáng bắt đầu.

Học tiếng. — 1) Khẩu-hiệu, Buổi học. — 2) Buổi học sáng.
3) Chấm dứt, Về lớp, Hát.



H.T.L.

Trống vào

Bỗng nghe trống đổ một hồi,
Bé rời tay mẹ đến nơi xếp hàng.
Bài ca liên-đội vang vang,
Bé cùng các bạn vội-vàng hát theo...

Thầy gọi Hùng đọc bài. Hùng mang vở đặt trên bàn giấy. Rồi Hùng đứng thẳng, quay mặt về phía các bạn. Hùng đọc bài thông-thả, rõ-ràng. Thầy rất vừa ý, cho Hùng tám điểm. Hùng sung-sướng quá, cúi đầu cảm-ơn thầy.

Phát-âm.— Giấy — Đứng thẳng — Rõ-ràng — Sung-sướng.

NGŨ - VỤNG

★
Độc bài

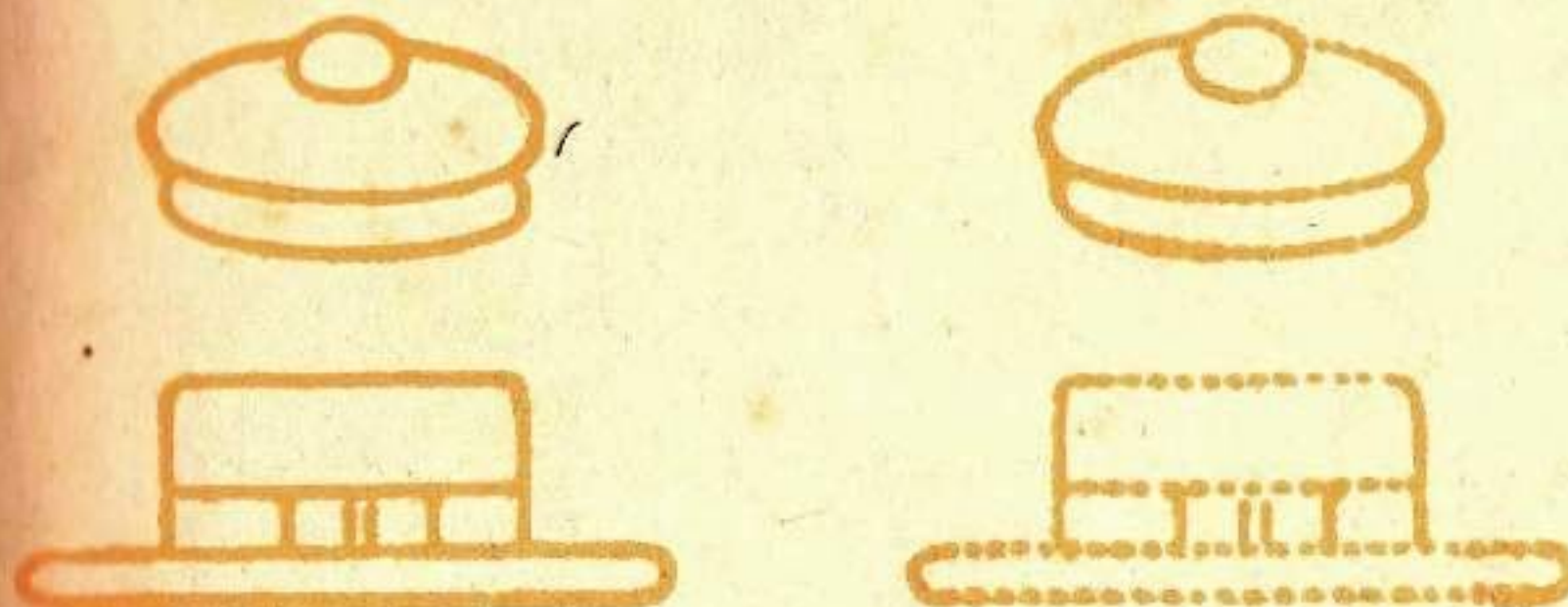
Bài giảng.— Hùng đọc bài. Tiếng của Hùng to. Thầy cho tám điểm. Hùng cúi đầu cảm-ơn thầy.

Học tiếng.— 1) Bài, Điểm. — 2) Tiếng to.
3) Cúi đầu, Đọc bài.

TẬP ĐỌC VUI

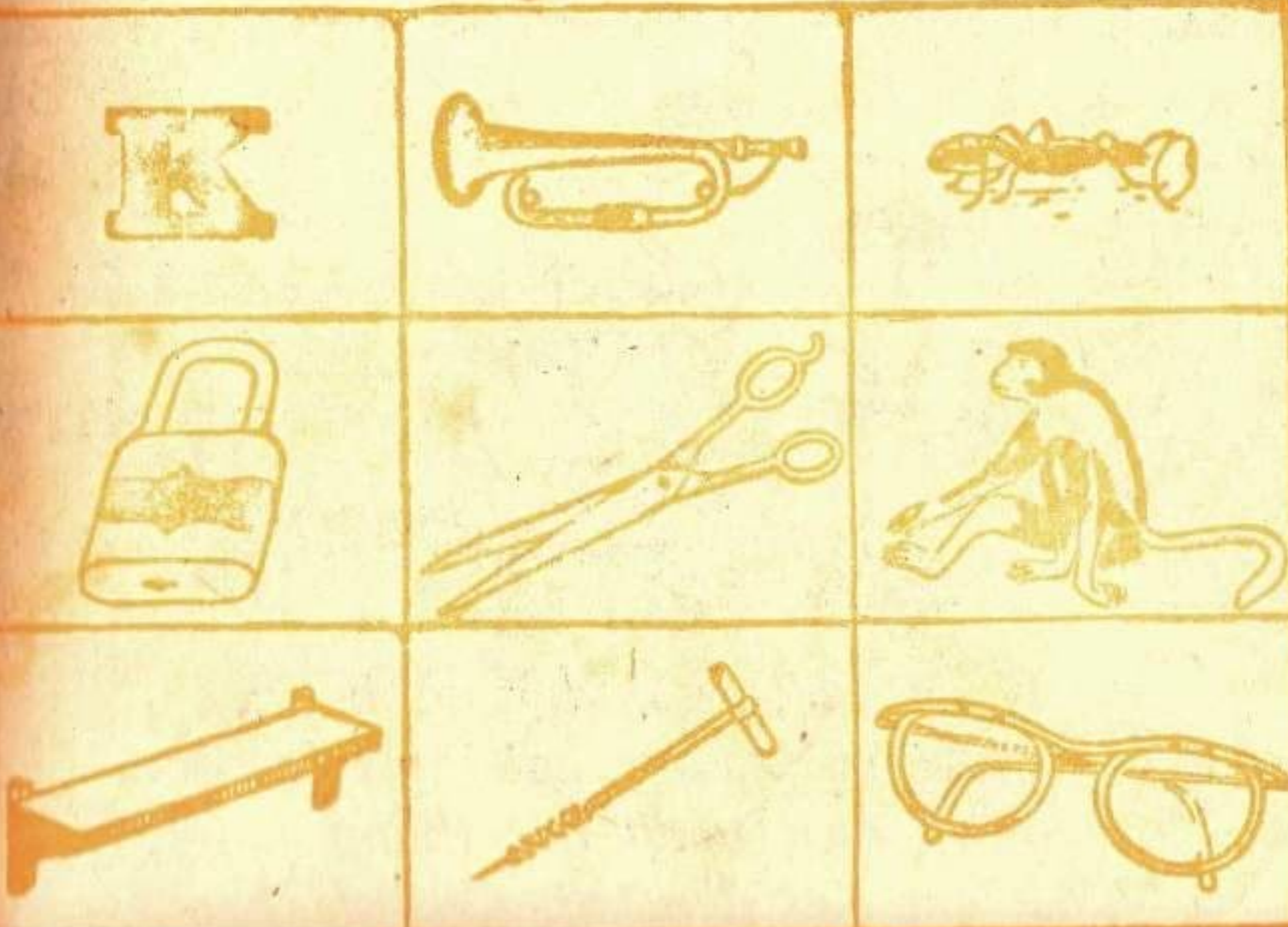
★
Đeo kính (Kiếng)

Mỗi khi đọc sách, ông vẫn đeo kính. Bé liền lấy kính của ông đeo. Rồi Bé mở sách ra đọc. Lạ quá! Bé không đọc được. Thấy thế, ông cười bảo: « Bé chưa đi học thì Bé đọc sao được? Kính chỉ làm cho mắt sáng thêm lên. Muốn đọc được chữ, Bé phải học vần đã! » Thế là Bé đòi mẹ mua sách cho Bé học vần...



TẬP VIẾT

Học chữ xếp hàng chao cờ



Ngồi vào chỗ rồi, Hùng lấy giẻ lau bàn. Hùng lau đi, lau lại cho hết bụi. Lau xong, Hùng chuyển giẻ lau cho Cường. Sáng nào Hùng cũng lau bàn. Vì thế sách để lên không bẩn (dơ). Và tay áo trắng không bị đen.

Phát-âm.— Giẻ lau — Chuyển — Áo trắng — Lau xong.



NGŨ-VỤNG

Lau bàn

Bài giảng.— Hùng lau bàn. Hùng lau mặt bàn, chân bàn. Vì thế bàn nhẵn bóng. Quần-áo, sách-vở sẽ không bị bẩn.

Học tiếng.— 1) Mặt bàn, Chân bàn, Quần-áo, Sách-vở.
2) Bàn nhẵn. — 3) Lau bàn.



H. T. L.

Càng bóng hơn

*Chia phiên, kẻ trước, người sau
Chúng em vào lớp, cùng nhau lau bàn...
Dùng khăn, lau rất nhẹ-nhàng
Mặt bàn đã nhẵn, nay càng bóng hơn...*



TẬP ĐỌC

Hùng chép bài

Bài đã chép sẵn ở sau bảng. Theo lệnh thầy, Hùng lên quay bảng. Đọc xong, thầy bảo vài em đọc lại. Rồi thầy cho mọi người chép bài. Bài của Hùng chép rất đúng. Khi thầy chấm, bài không có lỗi nào!

Phát-âm.— Chép sẵn — Quay bảng — Đọc xong — Đúng.

NGŨ-VỤNG

Chép bài

Bài giảng.— Bài học đã viết trên bảng. Học-sinh theo đó chép vào vở. Chữ khó được viết bằng phấn màu.

Học tiếng.— 1) Bài học, Vở, Bảng, Lỗi
2) Chữ khó — Phấn màu — 3) Chép vào vở

H. T. L.

Chép bài

*Chép bài, ngồi thật là ngay,
Đầu hơi cúi xuống, hai tay trên bàn.
Khê đưa từng nét thẳng hàng,
Chữ em viết đẹp, rõ-ràng để xem.*





TẬP ĐỌC

Quét lớp

Học-sinh lớn chia nhau quét lớp. Các em lấy nước vầy khắp sàn lớp. Làm thế, khi quét, bụi khỏi bay lên. Hùng còn bé nên đi nhặt giấy. Hùng bỏ giấy vụn vào giỏ. Lớp học có sạch thì học mới vui.

Phát-âm.— Quét lớp — Nhặt giấy vụn — Giỏ.



NGŨ-VỤNG

Quét lớp

Bài giảng.— Chúng em thay nhau quét lớp. Người nhặt giấy vụn. Người vầy nước. Người cầm chổi quét cho bụi khỏi bay lên.

Học tiếng.— 1) Chổi, Bụi — 2) Giấy vụn.
3) Quét lớp, Nhặt giấy, Vầy nước.



H. T. L.

Toán Ba

Sáng nay toàn-thể toán Ba
Lau bàn, xóa bảng, quét nhà, sạch ghê!
Chăm làm thật hết chỗ chê,
Nên khi chấm điểm, thầy phê luôn «mười»

TẬP ĐỌC

Hùng xóa bảng

Hôm nay đến phiên Hùng xóa bảng. Hùng đem giẻ lau đi giặt. Rồi Hùng vắt cho hết nước. Dùng giẻ ẩm xóa bảng mới sạch. Bụi phấn sẽ không bay lên... Hùng thấp không với tới hàng chữ trên cao. Hùng phải đứng kiềng chân trên ghế.

Phát-âm.— Xóa bảng — Giặt — Vắt — Giẻ ẩm — Kiềng chân.



NGŨ-VỤNG

Xóa bảng

Bài giảng.— Em giặt giẻ lau xóa (bôi) chữ viết trên bảng. Hùng xóa mặt trước, mặt sau. Bảng không còn một vết phấn.

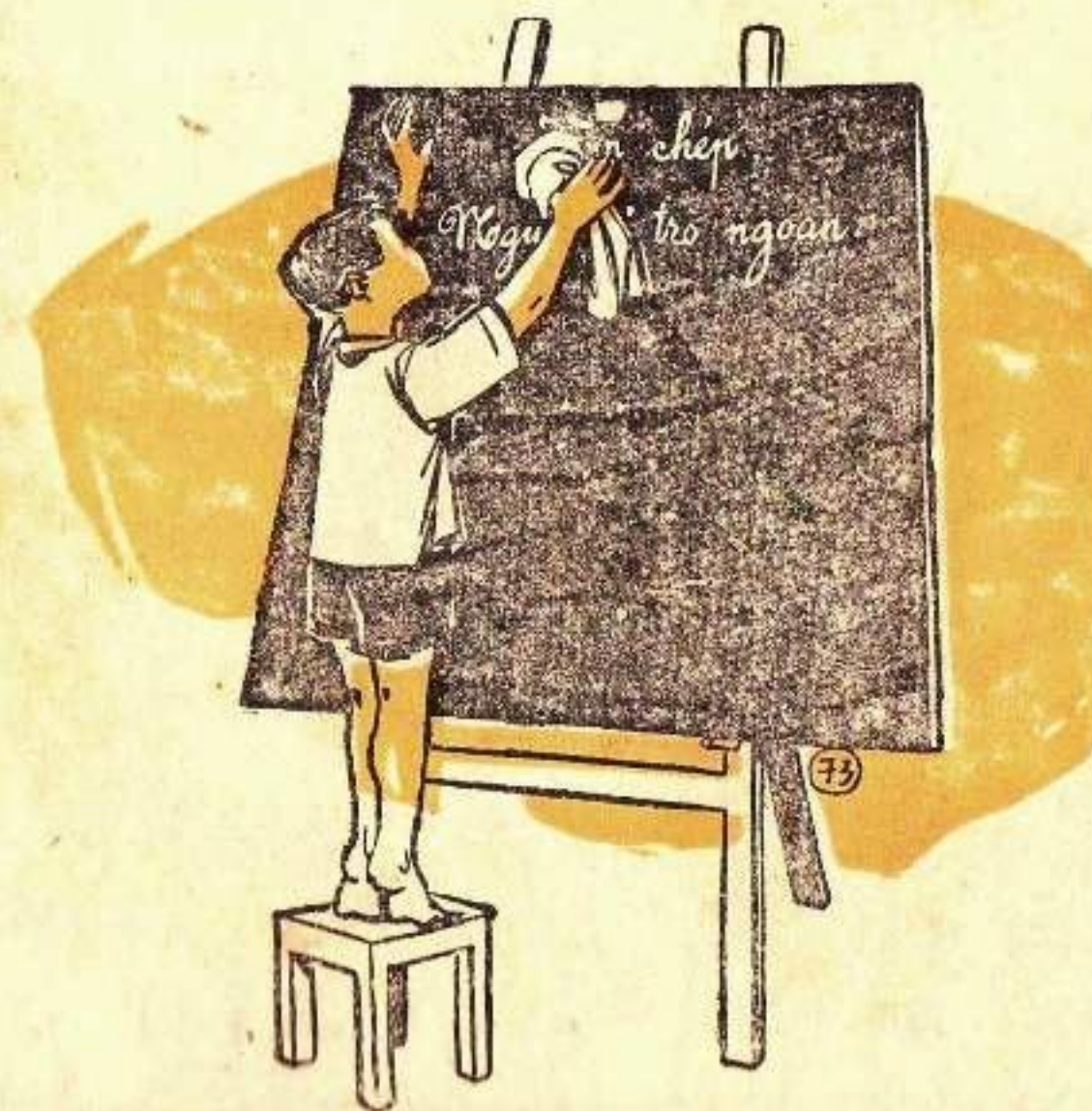
Học tiếng.— 1) Giẻ lau, Vết phấn. — 2) Mặt trước, Mặt sau.
3) Giặt, Xóa.



TẬP ĐỌC VUI Chớ vội cười lâu!

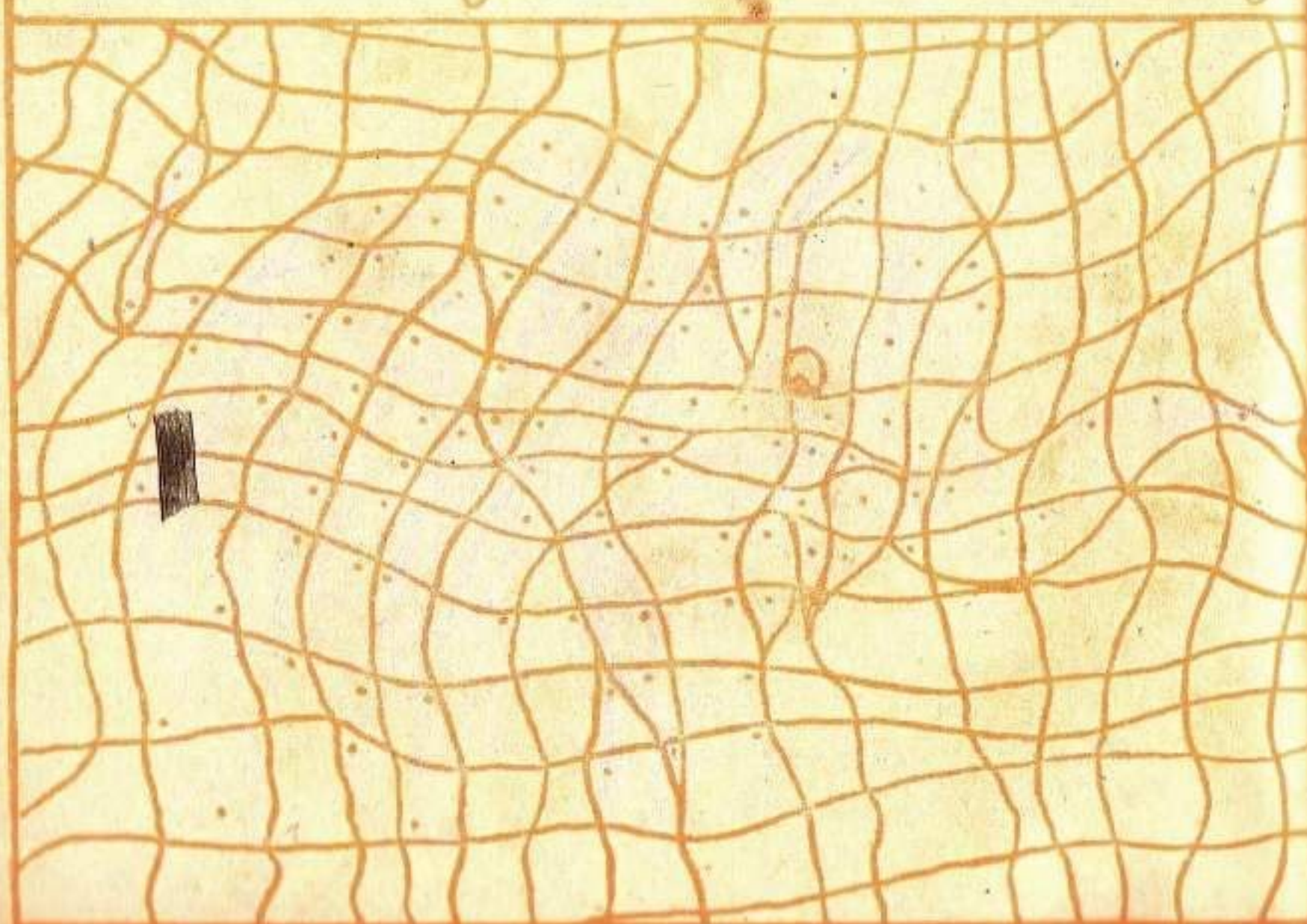
Thỏ bị chó săn vồ. Thấy thế, sể cười hỏi : « Chân chú để đâu mà không chạy ? » Nào ngờ lúc ấy có con ó bay qua. Nó đáp xuống quắp lấy sể. Tuy bị đau, thỏ con quay lại giễu : « Thế cánh chị đâu mà không bay ? »
Thật là : Cười người chớ vội cười lâu.

Cười người hôm trước, hôm sau người cười...





thuongmaitruc.vn



TẬP ĐỌC

Thầy chấm bài

Hùng đã viết xong bài tập viết. Hùng mang vở lên để thầy chấm. Thầy cầm bút chấm mực đỏ. Thầy sửa những nét viết sai. Rồi thầy phê sáu diềm vào bên lề. Sau Hùng đến các bạn khác. Mọi người lần-lượt đem vở lên chấm bài.

Phát-âm.— Viết sai — Sửa — Chấm — Lần-lượt.



NGŨ-VỤNG

Chấm bài

Bài giảng.— Thầy dùng bút mực đỏ để chấm bài. Thầy chữa những chữ sai. Thầy phê diềm vào lề vở.

Học tiếng.— 1) Vở, Lề vở, Bút mực đỏ. — 2) Chữ sai.
3) Chấm bài, Phê diềm.



H.T.L.

Chấm bài

Chấm bài, thầy đã khen em,
Và cho tám diềm, em đem về nhà.
Hết khoe má, lại khoe ba,
Học chăm, viết đẹp, ai mà chả yêu?

Giảng bài mới

Bắt đầu sang bài mới. Thầy giơ tranh vẽ đồng hồ cho học-sinh xem. Rồi thầy đặt câu hỏi. Học-sinh giơ tay xin trả lời... Giảng bài tới đâu, thầy viết lên bảng tới đó... Giảng xong, thầy hỏi lại. Cả lớp hiểu bài nên trả lời rất đúng.

Phát-âm.— Giơ tay — Trả lời — Giảng bài.

NGŨ-VŨNG

Giảng bài

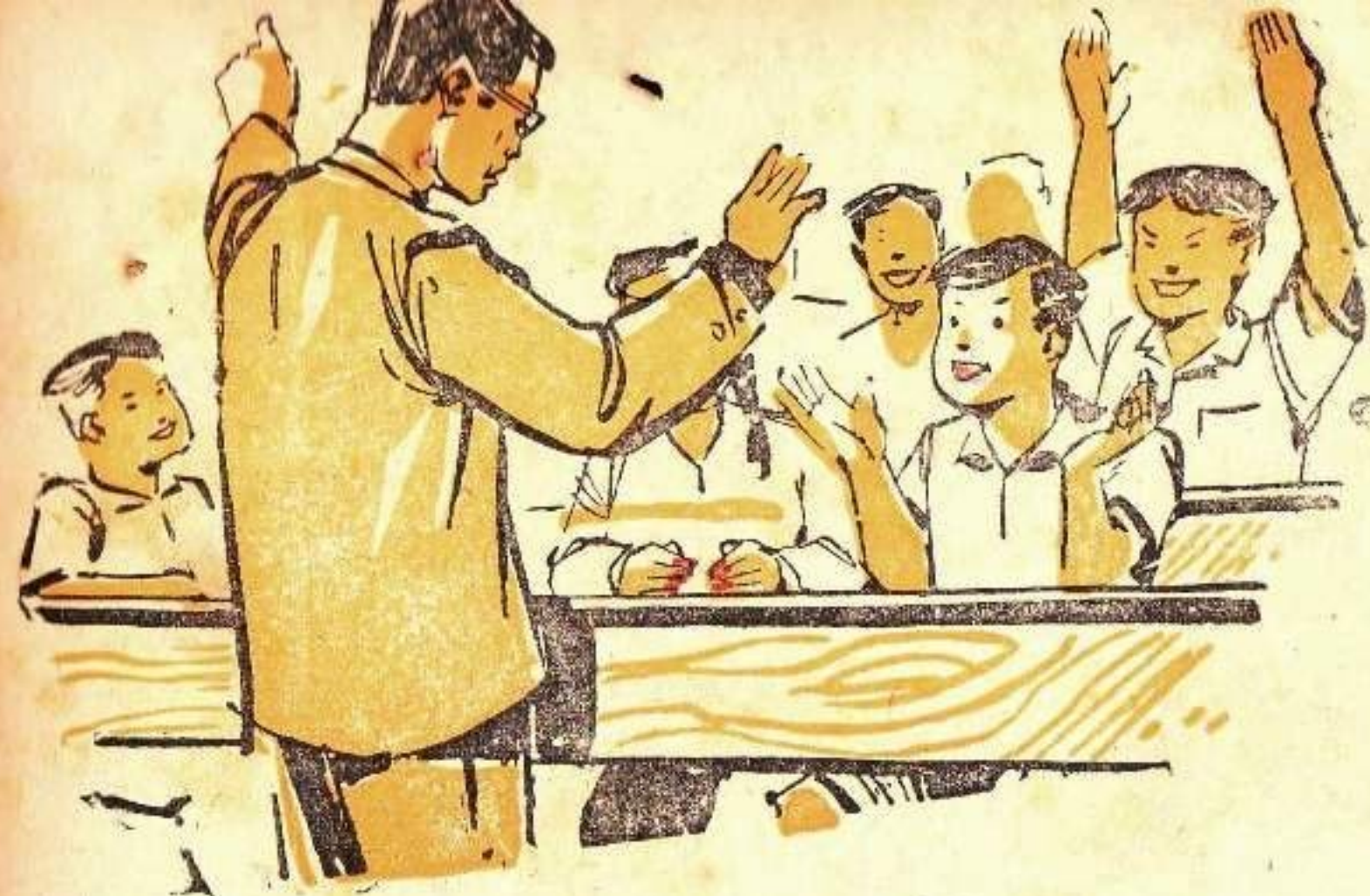
Bài giảng.— Thầy giảng bài mới. Thầy cho xem tranh rồi hỏi. Học-sinh trả lời. Thầy giảng xong cả lớp đều hiểu bài.

Học tiếng.— 1) Tranh — 2) Bài mới
3) Hỏi, Trả lời, Hiểu bài.

H. T. L.

Lời thầy

*Giữa bầy trẻ đẹp như hoa,
Lời thầy giảng dạy, thiết-hạ, dịu-hiền.
Gió lành hòa nhịp êm-êm,
Nhưng lời đầm-ấm như biên vào lòng.*



TẬP ĐỌC

Thầy kể chuyện

Chiều Thứ bảy, mọi bài đã học xong. Thầy bắt đầu kể chuyện giải-trí: «Ngày xưa, có một cậu bé lên ba mà chưa biết nói...» Thầy vừa kể vừa giơ tay làm điệu-bộ. Học-sinh chăm-chú lắng tai nghe. Đến đoạn nào hay, mọi người lại vỗ tay cười.

Phát-âm.— Kể chuyện — Giải-trí — Vang vang — Chăm-chú.

NGŨ-VŨNG

Kể chuyện

Bài giảng.— Thầy kể chuyện cổ-tích. Giọng nói của thầy rõ ràng. Học-sinh lắng tai nghe. Đến đoạn hay, mọi người vỗ tay cười.

Học tiếng.— 1) Cổ-tích, Giọng nói.
2) Giọng nói rõ-ràng.
3) Lắng tai nghe, Vỗ tay.

H. T. L.

Kể chuyện nước ta

*Nghe thầy kể chuyện nước ta,
Mới hay nguồn-gốc, con nhà Lạc-Long...
Em càng yêu-quí non-sông
Và em thương-mến giống-dòng Việt-nam.*

Chấm xong toán, thầy trở lên bàn giấy. Thầy mở sổ khuyên điểm. Rồi thầy bắt đầu gọi: « Điểm toán, Nguyễn văn An. » Tức thì An đáp: « Tám điểm » — « Nguyễn đức Ba » — Mười điểm.

Cứ thế, thầy ghi số điểm của các em vào sổ.

Phát-âm.— Trờ lên — Sổ khuyên điểm — Ghi số điểm.

NGŨ-VỤNG

Ghi điểm

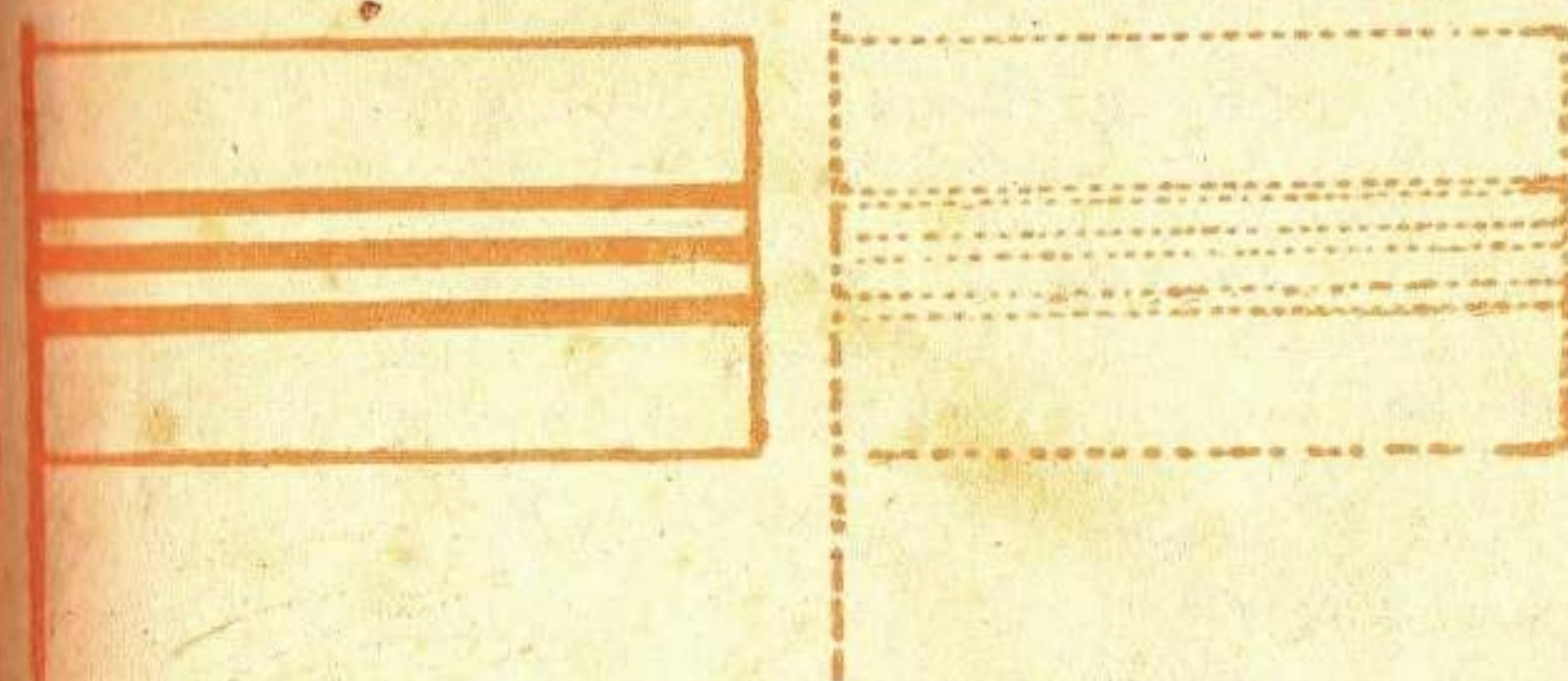
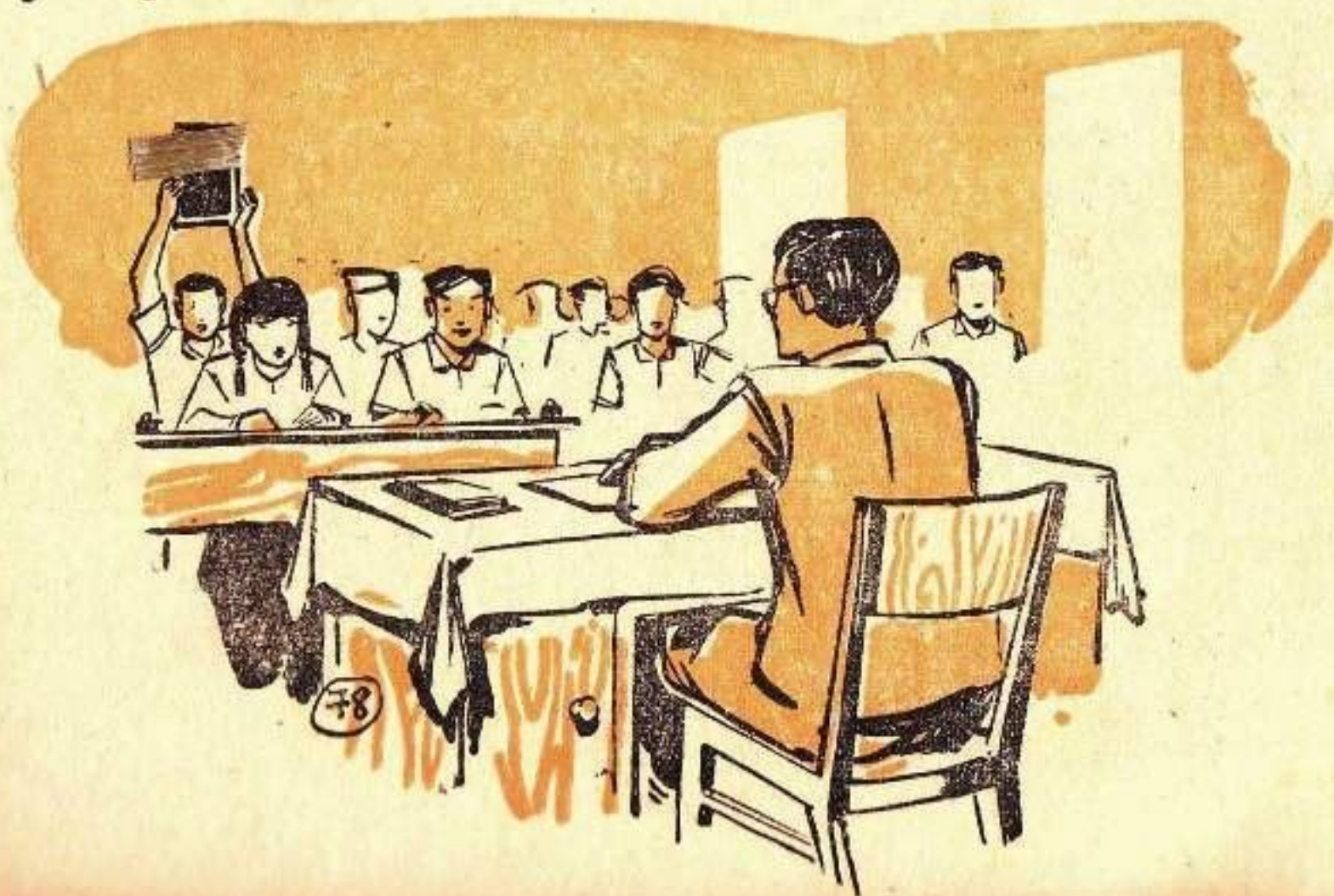
Bài giảng.— Thầy mở sổ khuyên điểm gọi tên. Học-sinh nói rõ số điểm tốt hoặc xấu. Thầy ghi số điểm vào sổ.

Học tiếng.— 1) Sổ khuyên điểm — 2) Điểm tốt, Điểm xấu.
3) Gọi tên, Ghi điểm.

TẬP ĐỌC VUI

Không oán thầy

Thửa nhỏ, ông Đào duy Từ theo học thầy-đồ trong làng. Một hôm, ông có lỗi. Thầy-đồ quở-mắng rất lâu. Ông Đào duy Từ chỉ cúi đầu xin lỗi thầy. Ông không hề oán-giận thầy-đồ. Lúc tan học về, bạn-bè hỏi: « Tại sao? » Ông đáp: « Thầy mắng trò là mong cho trò khá. Thầy có ghét trò bao giờ! » Vì không oán thầy nên sau này ông đã làm nên...



TẬP VIẾT

Thầy giáo chấm bài gọi điểm



GIẢI TRÍ

Xem hình đọc tên

Cuối tuần, thầy dạy học-sinh hát. Bài hát « Chú Cuội » được chép trên bảng. Thầy dạo đàn rồi hát làm mẫu. Sau đó, học-sinh cùng hát. Bài hát hay và dễ. Hùng hát đúng giọng ngay. Rồi thầy vỗ tay, đánh nhịp. Học-sinh hát theo.

Phát-âm.— Cuội — Dạo đàn — Giọng, — Đánh nhịp.



NGŨ-VỤNG

Hát

Bài giảng.— Hùng tập hát những bài hát ngắn và vui. Thầy dạo đàn và đánh nhịp. Hùng hát theo.

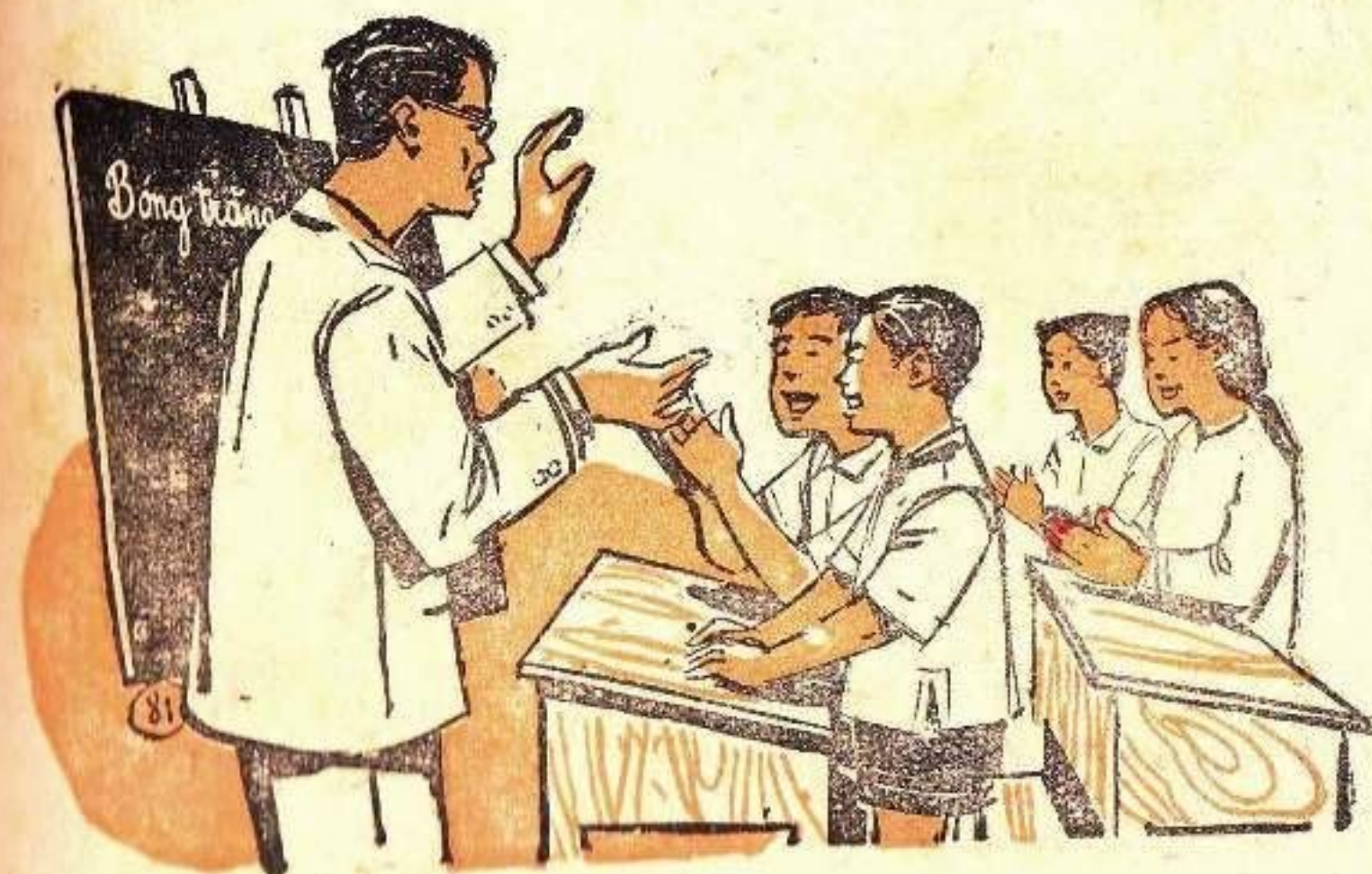
Học tiếng.— 1) Bài hát, Đàn.
2) Bài hát ngắn, Bài hát vui.
3) Dạo đàn, Đánh nhịp, Hát.



H. T. L.

Hát lên

Cùng nhau ta hãy hát lên,
Đời vui đẹp lắm, buồn-phiền làm chi !
Lắng tai, ta thử nghe đi
Suối reo, chim hót, khác gì lời ca ...



TẬP ĐỌC

Lúc tan học

Một hồi trống tan học vang lên. Theo lệnh thầy, các em thu-xếp sách-vở. Anh toán-trưởng lấy nón trả các bạn. Rồi các em ra xếp hàng đôi ở trước cửa lớp. Lần-lượt học-sinh ra về. Ra khỏi cổng trường, các em mới tan hàng.

Phát-âm.— Trống — Thu-xếp sách-vở — Toán-trưởng.

NGŨ-VỤNG

Tan học

Bài giảng.— Học-sinh xếp sách-vở rồi đi lấy nón và áo mưa. Các em xếp hàng thật thẳng. Đi ra khỏi cổng mới tan hàng.

Học tiếng.— 1) Sách-vở, Nón, Áo mưa. — 2) Hàng thẳng.
3) Xếp hàng, Tan hàng.



H. T. L.

Tan học

Chiều nay, tiếng trống đồ hồi,
Ở trường, đi thẳng một thôi về nhà.
Bước vào thưa mẹ, trình cha,
Cắt cặp, thay áo xong là ăn cơm ...



TẬP ĐỌC

Dưới ánh trăng

Mai cùng các bạn gái thích nhảy múa. Dưới ánh trăng, các em họp nhau lại. Rồi các em cùng hát những bài ca ngắn và vui. Theo nhịp vỗ tay, các em tập múa những điệu dễ. Nhiều em múa rất mềm. Tay giơ, chân bước nhịp-nhàng, trông rất đẹp!

Phát-âm.— Nhảy — Dưới ánh trăng — Dễ — Nhịp-nhàng.

NGŨ-VỤNG

Múa

Bài giảng.— Các em gái ưa nhảy múa. Theo nhịp vỗ tay, các em nghiêng đầu, giơ chân. Rồi các em múa những điệu múa dễ.

Học tiếng.— 1) Điệu múa, Nhịp vỗ tay — 2) Điệu múa dễ.
3) Nghiêng đầu, Giơ chân, Nhảy múa.

H. T. L.

Dưới trăng

Đêm nay, dưới ánh trăng trong
Chúng em múa hát, muôn lòng cùng vui.
Đồng quê tắm ánh vàng tươi
Từng bày trẻ nhỏ reo-cười, đón trăng.

TẬP ĐỌC

Đọc đồng-thanh

Lớp học của Hùng đông lắm. Trong giờ tập đọc, thầy chỉ gọi được vài chục em. Nhiều em chưa được đọc. Cuối giờ, thầy cho đọc đồng-thanh. Theo hiệu thước, dãy bên phải đọc trước. Kế đến dãy bên trái... Các em đọc rất đều.

Phát-âm.— Đồng-thanh — Cuối giờ — Dãy trái.



NGŨ-VỤNG

Đọc đồng-thanh

Bài giảng.— Đến giờ đọc đồng-thanh. Thầy gõ thước làm hiệu. Học-sinh cùng đọc. Tiếng các em nhỏ nhưng đều.

Học tiếng.— 1) Thước, Tiếng — 2) Tiếng nhỏ, Tiếng đều.
3) Đọc đồng-thanh, Gõ thước, Cùng đọc.

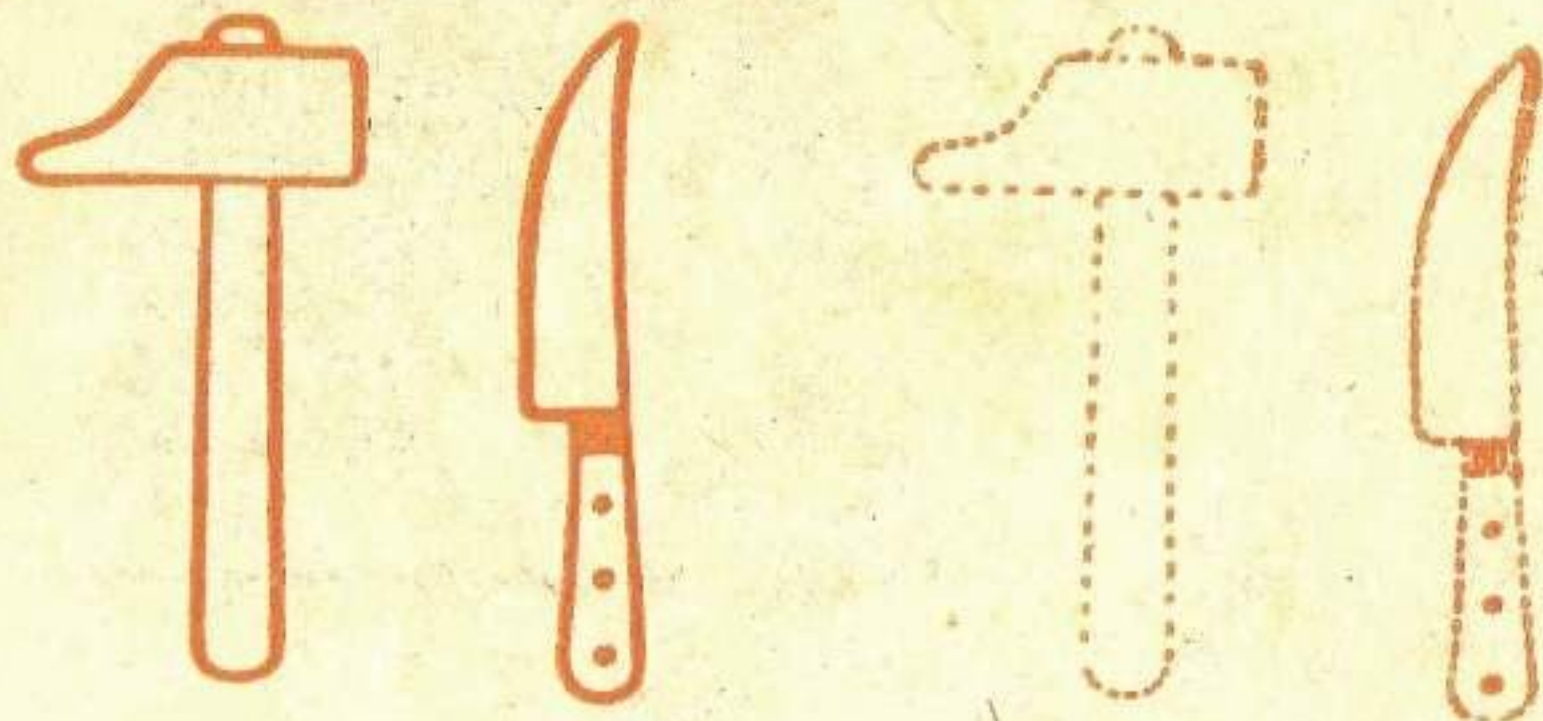


TẬP ĐỌC VUI

Ve và Kiến

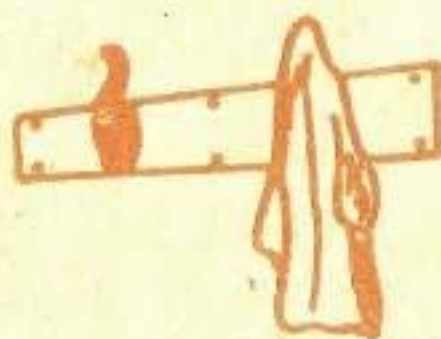
Suốt mùa hè, Ve chỉ múa hát. Ve không biết lo xa. Mùa đông tới, thức ăn hết cả. Ve đòi quà phải sang nhà Kiến vay. Kiến hỏi: « Cả mùa hè chị làm gì? Sao không tích-trữ lương-thực? » Ve đáp: « Tôi bận múa hát! » Kiến cười: « Vậy bây giờ chị hãy múa hát đi. Cả ngày chỉ múa hát quên kiếm ăn thì no bụng sao được? »





Chúng em tập mua, tập bán

M



TẬP ĐỌC

Học ngữ-vựng

Hùng học ngữ-vựng để biết thêm tiếng mới. Thầy giới hình-ảnh cho cả lớp xem. Thầy chỉ vào hình hỏi : « Đây là hình gì ? » Các em đua nhau giơ tay xin trả lời... Những tiếng tìm được, thầy viết lên bảng. Rồi các em tập nói chuyện.

Phát-âm.— Ngữ-vựng — Hình-ảnh — Trả lời — Nói chuyện.



NGŨ - VỰNG

Ngữ-vựng

Bài giảng.— Thầy giới hình-ảnh lên. Rồi thầy hỏi tên những hình do. Học-sinh trả lời. Trong khi nói chuyện, Hùng học được nhiều tiếng mới.

Học tiếng.— 1) Hình-ảnh, Tiếng, Tên hình — 2) Tiếng mới.
3) Hỏi tên, Trả lời, Nói chuyện.



H. T. L.

Thầy khen

Thầy khen em viết thẳng hàng,
Khen em tập đọc rõ-ràng, trước sau,
Khen em học thuộc lâu lâu,
Làm bài sạch-sẽ, tiến mau hơn người...

Bài tập đọc

Bài tập đọc ở trong sách. Bài này có nhiều tiếng đã học rồi. Thầy đọc làm mẫu thông-thả, rõ-ràng. Thầy giảng nghĩa mấy tiếng khó. Từng em đứng lên tập đọc. Các em khác dò theo. Thầy sửa tiếng đọc sai và cho điểm.

Phát-âm.— Thông-thả — Rõ-ràng — Giảng nghĩa — Sửa.



NGŨ-VỤNG

Tập đọc

Bài giảng.— Học-sinh mở sách tập đọc. Thầy đọc làm mẫu. Các em lần-lượt tập đọc chữ in. Thầy sửa tiếng sai rồi cho điểm.

Học tiếng.— 1) Sách tập đọc, Chữ in. — 2) Tiếng sai.
3) Đọc làm mẫu, Sửa tiếng sai.



H.T.L.

Được khen

Tháng này em được thầy khen
Vì từ hạng chót, em chen lên đầu.
Ông cười, rung cả hàm râu,
Mừng thằng cháu bé, mai sau tiến nhiều...



TẬP ĐỌC

Thích nhất

Mỗi tuần-lễ, có hai buổi học thuộc lòng. Hùng thích môn này nhất. Bài đã ngắn lại có vần. Vì thế học rất dễ. Nhiều khi thầy giảng xong là Hùng đã thuộc rồi. Hùng còn thuộc lòng những bài cũ. Hùng thường đem những bài đó ra dạy các em.

Phát-âm.— Ngắn — Vần — Giảng xong — Thuộc lòng.



NGŨ-VỤNG

Học thuộc lòng

Bài giảng.— Hùng thích học những câu thơ ngắn. Hùng thuộc lòng cả những bài cũ. Hùng dạy em các bài đó.

Học tiếng.— 1) Câu thơ — 2) Câu ngắn, Bài cũ.
3) Thuộc lòng, Dạy em.



H. T. L.

Được khen (t. t.)

Má khen em suốt buổi chiều :

« Con má ngoan quá ! má yêu nhất nhà ! »

Dạ-m-dà, câu nói của ba :

« Con ba học thế ai mà chẳng khen ! »

Tập đọc xong là đến tập chép. Bài tập chép chính là bài vừa tập đọc. Thầy đã viết trước bài đó lên bảng. Những tiếng khó được viết bằng phấn màu. Hùng nhắm đọc trước một lần. Rồi Hùng chép bài đó vào vở. Hùng chép thông-thả cho đẹp.

Phát-âm — Tập chép — Viết trước — Nhắm — Thông-thả.



NGŨ - VỤNG

Tập chép

Bài giảng.— Học-sinh chép bài đã tập đọc vào vở. Những chữ khó viết bằng phấn màu. Em chép thông-thả nên chữ khá đẹp.

Học tiếng.— 1) Chữ, Phấn, Vở.

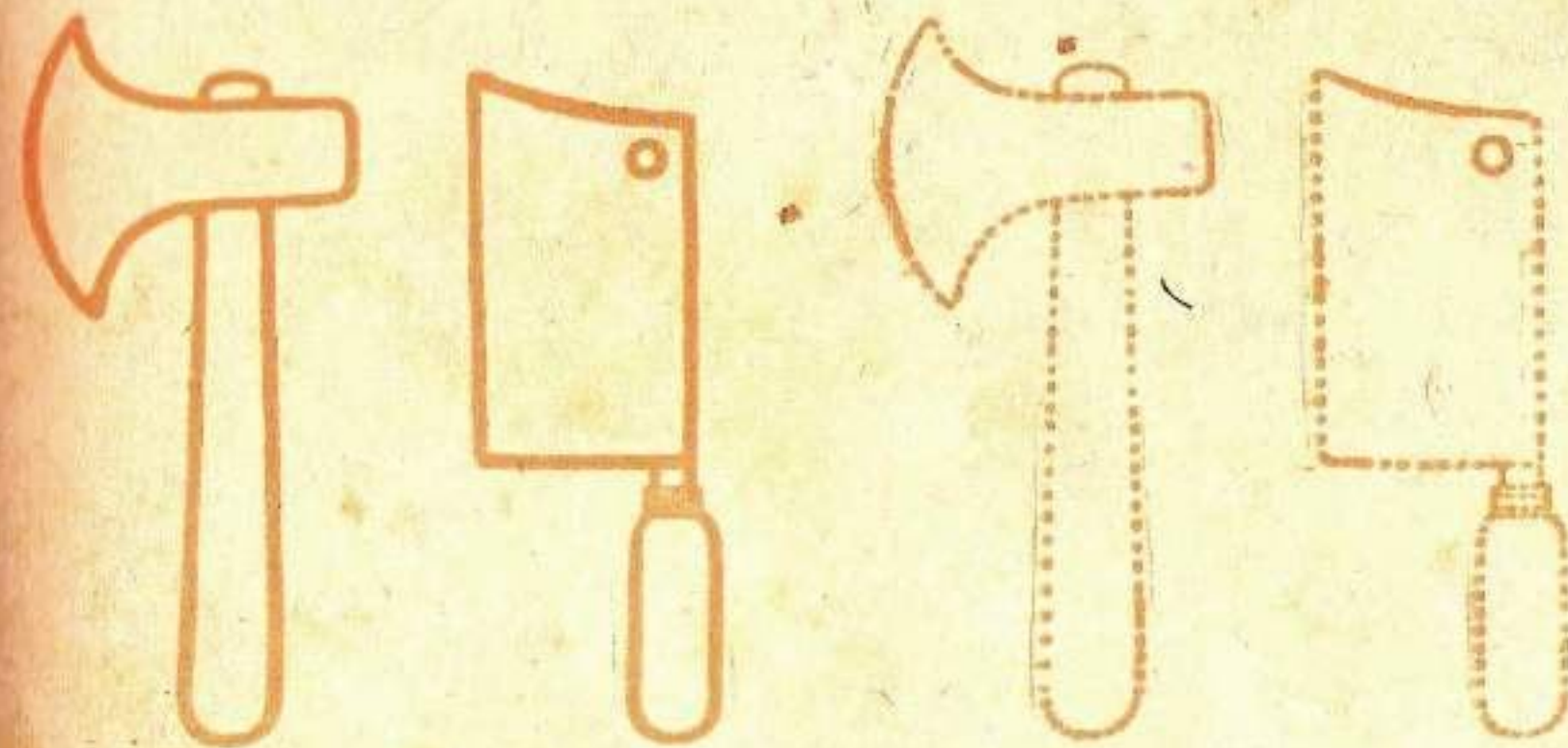
2) Chữ khó, Phấn màu, Chữ đẹp — 3) Chép bài.



TẬP ĐỌC VUI

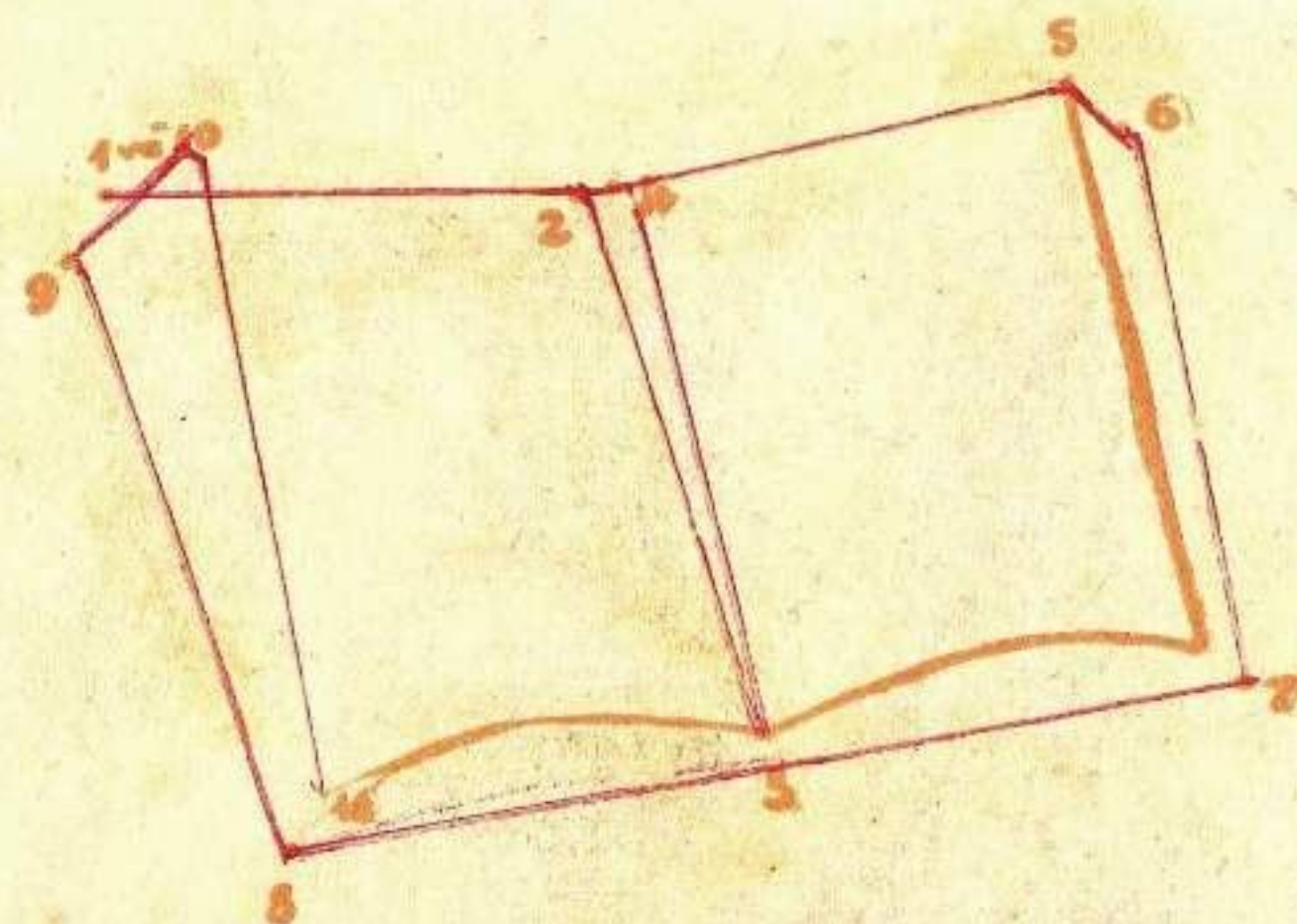
Gà bới

Ngày xưa, Gà cũng đã từng đi học. Trong giờ tập viết, Gà mãi chơi nhau, nô đùa. Đến khi thầy chấm, Gà vẫn chưa viết được chữ nào! Sợ bị phạt, Gà vội lấy hai chân vạch bừa xuống vở. Vì thế vở của Gà bần quạ! Thầy chê rằng: «Viết gì mà xấu như gà bới thế?» Từ đó, ai viết xấu, thì người ta bảo là viết như gà bới!



TẬP VIẾT

Tập đọc rõ ràng thông thả. 5



Hùng ngồi ngay-ngắn thẳng người. Tay phải cầm bút. Tay trái dè lên mép vở. Hùng nhìn chữ mẫu trên bảng. Hùng bắt đầu viết. Nét chữ của Hùng khá đẹp. Khi ngồi viết, Hùng không tì ngực vào bàn. Như vậy sẽ không sợ bị đau ngực hoặc ho lao!

Phát-âm.— Ngay ngắn — Trái — Mép vở — Tì ngực.

NGŨ-VỤNG

Tập viết

Bài giảng.— Hùng nhìn chữ mẫu rồi viết. Nét chữ rất mềm-mại. Viết xong một dòng, Hùng buông bút nghỉ, Hùng đợi lệnh rồi mới viết tiếp.

Học tiếng.— 1) Chữ mẫu, Nét chữ, Dòng.
2) Nét chữ mềm-mại — 3) Buông bút, Viết tiếp.

H. T. L.

★
Tập viết

Chị ơi! Em viết tập-dồ

Chữ a chữ ă em tô rõ ràng.

I, tờ em viết thẳng hàng

Đến khi thầy chấm lại càng được khen!



TẬP ĐỌC

Viết chính-tả

Thầy bắt đầu cho viết chính-tả. Bài chính-tả được chép sẵn trên bảng. Đó là vài câu ngắn đã học rồi. Học-sinh đọc lại và đánh vần. Rồi các em viết những tiếng khó vào bảng con. Sau đó thầy đọc đề các em viết vào vở.

Phát-âm.— Chính-tả — Chép sẵn — Tiếng khó.



NGŨ-VỤNG

Chính-tả

Bài giảng.— Mấy câu ngắn đã chép trên bảng lớn. Học-sinh đọc lại và đánh vần. Rồi các em viết chữ khó vào bảng con. Kể đó, thầy đọc cho mọi người viết.

Học tiếng.— 1) Bảng lớn, Bảng con — 2) Chữ khó, Câu ngắn.
3) Đọc lại, Đánh vần, Viết.



H. T. L.

Cô giáo lớp Năm

Em yêu cô giáo lớp Năm

Cô thích dạy hát, lại chăm chăm bài

Có lần cả lớp viết sai

Thế mà cô chẳng phạt ai bao giờ!



TẬP ĐỌC

Có lễ-phép

Giờ đức-dục, thầy thường kể chuyện. Hôm nay học về lễ-phép. Hùng được gọi lên đóng kịch. Hùng nhanh-nhẹn đi ra sân. Lúc vào lớp, Hùng ngả mũ chào thầy. Thầy gọi Hùng dạ. Thầy bảo Hùng vâng. Hùng đứng thẳng người đọc bài. Thầy khen Hùng có lễ-phép.

Phát-âm.— Kịch — Nhanh-nhẹn — Lễ-phép — Vâng.

NGŨ-VỤNG

Đức-dục

Bài giảng.— Môn đức-dục không có bài học. Thầy kể chuyện một trò ngoan, nết tốt. Thầy khuyên nên bắt-chước trò đó.

Học tiếng.— 1) Bài học, Đức-dục. — 2) Trò ngoan, Nết tốt. 3) Kể chuyện, Khuyên, Bắt chước.

H. T. L.

Lời thầy

Lời thầy, em đề ý nghe
Chim bay, bướm lượn, chẳng hề ngó ra,
Cho nên trong mấy tuần qua
Thầy cho điểm tốt, khen là trò ngoan.

TẬP ĐỌC

Công-dân tốt

Thầy cho xem quyển « Công-dân tốt ». Rồi thầy nói : « Các em học công-dân giáo-dục để làm gì ? Các em cũng như chị Hạnh, em Đức ở đây. Các em học để thành những công-dân tốt. Các em sẽ giúp ích cho nhà, cho làng-xóm, cho Tổ-quốc. »

Phát-âm.— Công-dân giáo-dục — Làng-xóm — Tổ-quốc.



NGŨ-VỤNG

Công-dân giáo-dục

Bài giảng.— Giờ công-dân, học-sinh tập giữ vệ-sinh chung. Giấy vụn được bỏ vào thùng rác. Đi tiêu xong phải đóng cửa. Các em sẽ thành công-dân tốt.

Học tiếng.— 1) Vệ-sinh chung, Giấy vụn, Thùng rác.

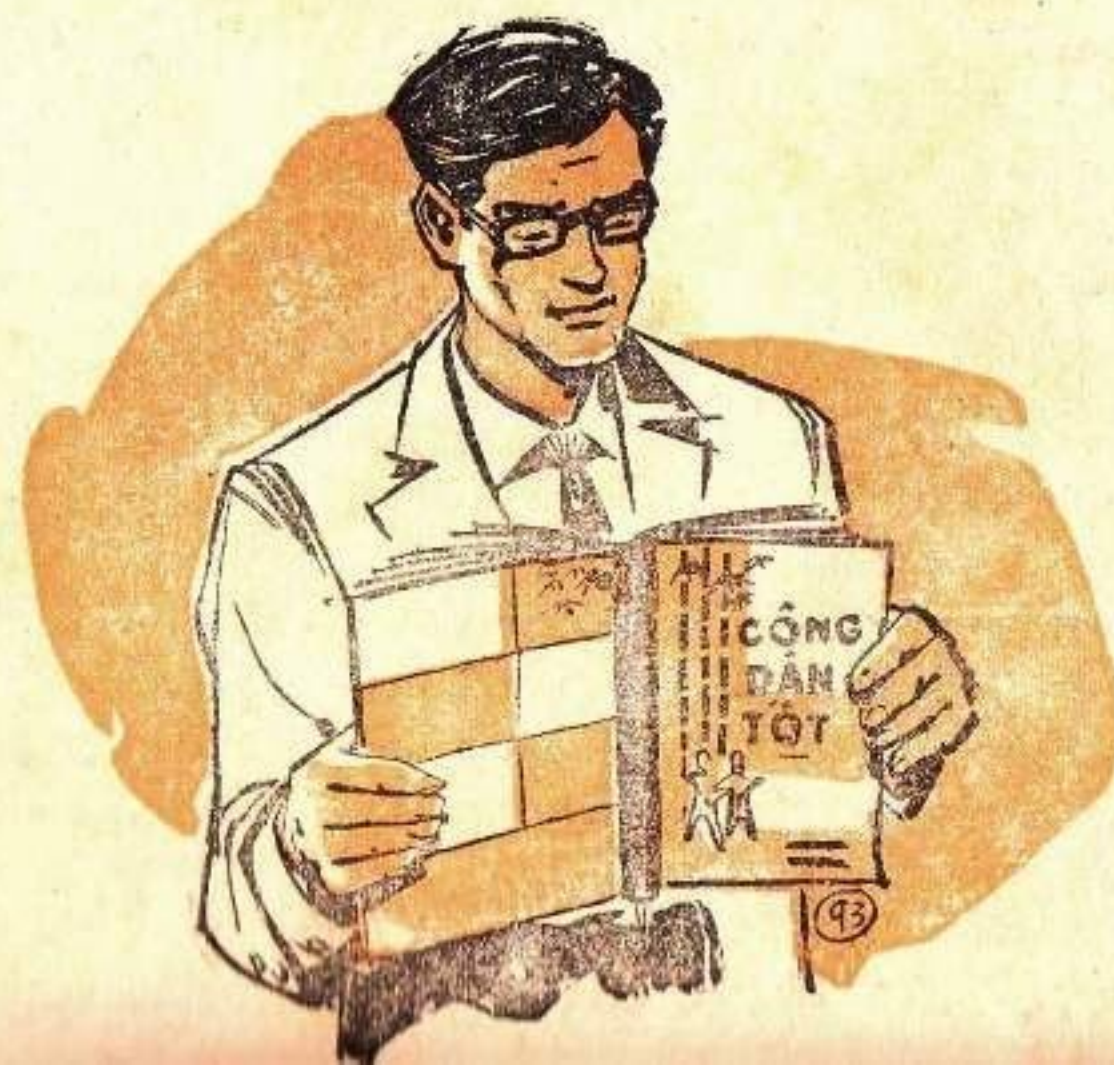
2) Công-dân tốt — 3) Giữ vệ-sinh chung, Đóng cửa.



TẬP ĐỌC VUI

Hai lưỡi cây

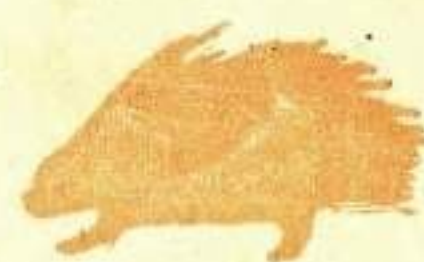
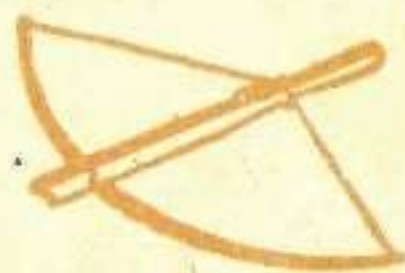
Có một lưỡi cây lâu không dùng đến. Nó bị han-gỉ trông rất xấu. Thấy bạn nó sáng bóng, nó hỏi : « Chị ơi ! Sao mình chỉ nhẵn bóng, đẹp thế ? ». Lưỡi cây kia đáp : « Tôi bóng vì tôi cây đất luôn. Chị có muốn bóng như tôi không ? Chị hãy chịu khó cây đất đi ! Có chăm làm mới đẹp chị ạ ! ».





Cổ vật chính tả ít lời.

N



TẬP ĐỌC

Giờ quan-sát

Mấy em được gọi lên cạnh bàn. Thầy cho xem chiếc đồng-hồ. Cường sờ vỏ. Mai lắng tai nghe. Thầy hỏi : « Các em thấy gì ? » — « Con thấy hai kim và những chữ số ! » — « Con thấy vỏ đồng-hồ nhẵn. » — « Con nghe tiếng tích-tắc ». Thầy ghi những điều đó lên bảng.

Phát-âm. — Chiếc đồng-hồ — Sờ — Tích-tắc.



NGŨ-VỤNG

Quan-sát

Bài giảng. — Thầy cho trò xem đồ-vật. Các em nhìn, sờ-mó, nghe nếm, ngửi. Thầy hỏi, các em trả lời. Câu trả lời đúng được viết lên bảng.

Học tiếng. — 1) Đồ-vật, Câu trả-lời. — 2) Câu trả lời đúng.
3) Nhìn, Sờ-mó, Nghe, Nếm, Ngửi, Trả lời.



H. T. L.

Tuổi thơ

Tuổi thơ trong-trắng vui-tươi,
Thầy thương, bạn quý, mọi người yêu ta.
Giờ còn nhờ mẹ, nhờ cha,

TẬP ĐỌC

Hùng học toán

Đầu niên học, Hùng chưa biết đếm. Nhờ học toán, Hùng đếm đã khá nhanh. Đến giờ toán, Hùng lấy bó thẻ ra tập đếm. Cường dùng sỏi để đếm thay thẻ. Thầy dạy cách thêm vào, bớt ra. Sau đó là tập viết những con số để làm tính.

Phát-âm.— Toán — Sỏi — Thêm — Bớt — Con số.



NGŨ-VỤNG

Toán

Bài giảng— Học-sinh tập đếm bằng thẻ tre hoặc sỏi. Các em tập thêm vào, bớt ra. Rồi các em làm tính viết, trên bảng nhỏ.

Học tiếng.— 1) Thẻ tre, Sỏi — 2) Bảng nhỏ.

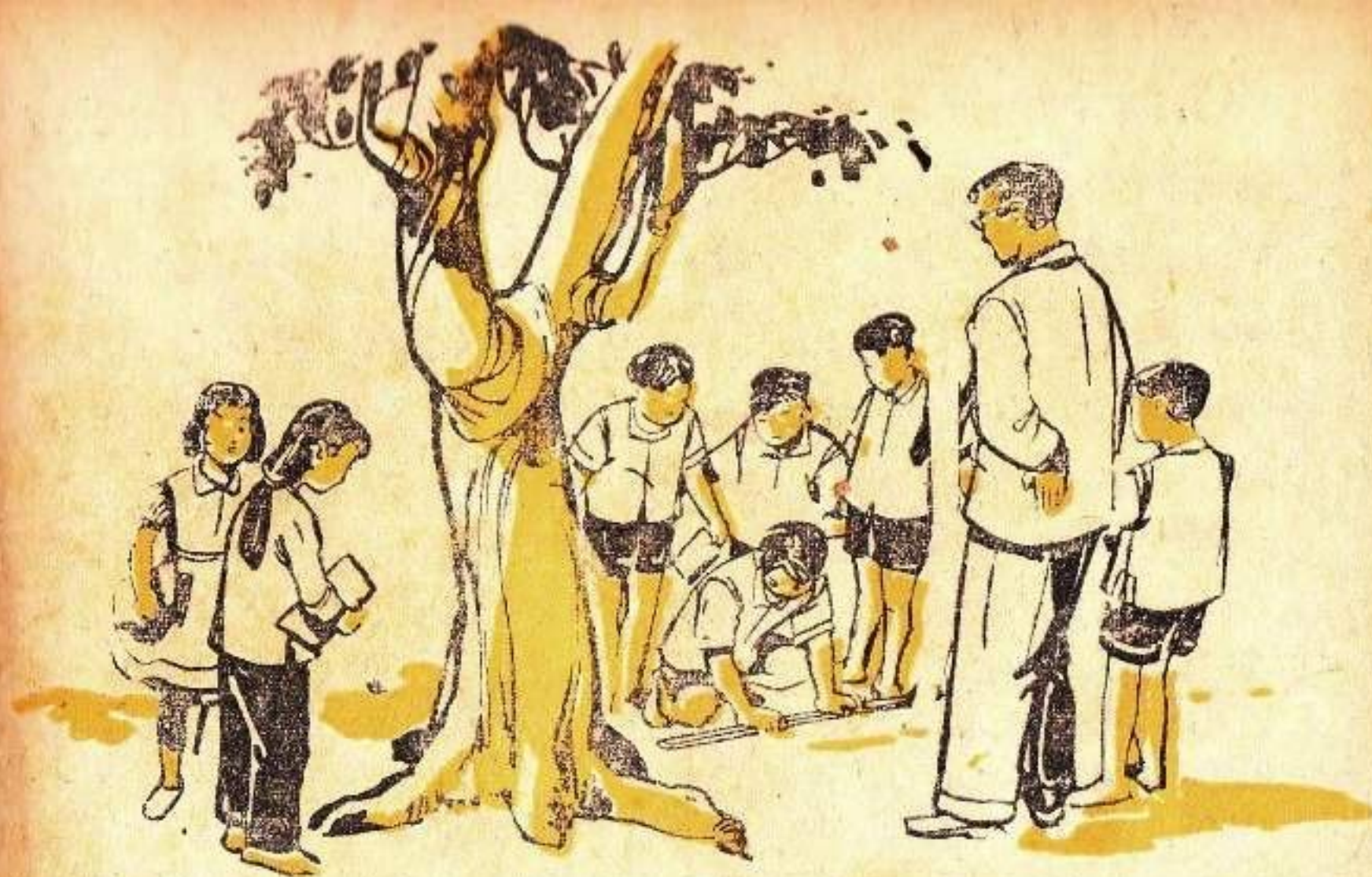
3) Tập đếm, Thêm vào, Bớt ra, Làm tính.



H. T. L.

Làm tính

Hôm nay, Bé học tính trừ
Bé làm trúng hết, chẳng hư một bài
Này: «Mười trừ tám còn hai
Má ơi! Con má có tài hay không?»



TẬP ĐỌC

Mấy mét?

Các em mang bảng con và phấn ra sân. Thầy cho xem cái mét bằng gỗ. Thầy hỏi: «Từ cửa lớp ra gốc cây kia mấy mét?» Hùng thưa: «Bảy mét ạ.» Cường cãi: «Mười mét chứ!» Mai nói: «Chỉ sáu mét thôi!». Thầy cười bảo Sơn đo lại. Thì ra tám mét mới đúng.

Phát-âm.— Mét — Cường cãi — Sáu, Bảy.



NGŨ-VỤNG

Toán

Bài giảng.— Học sinh tập đo bằng mét. Mét làm bằng gỗ, sắt hoặc vải. Các loại mét đều dài như nhau. Đo rồi các em viết chữ số vào bảng con.

Học tiếng.— 1) Mét, Chữ số, Gỗ, Sắt, Vải.

2) Mét dài — 3) Tập đo.



H. T. L.

Hỏi em

— «Hôm nay toán thế nào Hà?»
Thế là được dịp cô ta khoe tài
Nào là toán đúng cả hai
Thầy-cô, bạn-hữu khen hoài, thích không?

Thấy Hùng quên rửa tay, má hỏi : « Ở trường con có học vệ-sinh không ? » Hùng vội đáp : « Thưa má có ạ ! » — « Thế thầy bảo trước khi ăn phải làm gì ? » Sực nhớ ra, Hùng chạy xuống bếp. Hùng múc nước sạch rửa tay, rửa mặt. Má nhìn theo Hùng, khẽ mỉm cười.

Phát-âm.— Quên — Rửa tay — Vệ-sinh — Sực nhớ ra.

NGŨ-PỤNG

Vệ-sinh

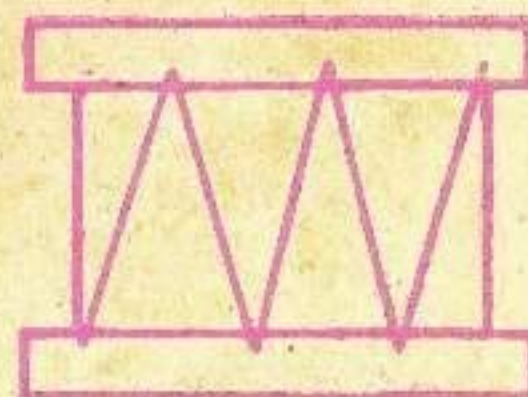
Bài giảng.— Em tắm rửa bằng nước sạch và xà-bông. Thân-thể có sạch-sẽ thì mới khoẻ-mạnh. Em sẽ tránh được nhiều bệnh.

Học tiếng.— 1) Nước, Xà-bông.
2) Nước sạch, Thân-thể khoẻ-mạnh.
3) Tránh bệnh.

TẬP ĐỌC VUI

Bắn chim

Tý đổ Tèo : « Trên cây kia có năm con chim. Bắn rơi một con thì còn mấy ? » Tèo đáp luôn : « Dễ ợt ! Còn bốn con chứ gì ? » « Trật rồi ! » Tý trả lời. Tèo còn chưa hiểu thì Tý đã cắt nghĩa : « Nếu một con bị bắn rơi thì bốn con kia sợ bay đi mất. Vậy trên cây chẳng còn con nào ! »



TẬP VIẾT

Giữ vệ-sinh mới khoẻ mạnh



TẬP ĐỌC**Thích vẽ**

Hùng thích vẽ lắm. Hùng thường lấy bút chì ra tập vẽ. Hùng nhận-xét rất đúng. Vẽ cái bàn, Hùng vẽ đủ cả bốn chân. Rồi Hùng lấy chì màu ra tô màu. Hùng tô màu cả những hình in trong sách. Thầy thường bảo: « Sau này Hùng sẽ thành họa-sĩ ».

Phát-âm.— Thích vẽ — Nhận-xét — Sách — Họa-sĩ.

NGŨ-VỤNG☆
Vẽ

Học tiếng.— Hùng tập vẽ bằng chì đen. Mẫu vẽ đặt ở trước mặt. Hùng tô màu xanh, màu đỏ lên hình ở trong sách.

Bài giảng.— 1) Chì đen, Mẫu vẽ. — 2) Màu đỏ, Màu xanh.
3) Tập vẽ, Tô màu.

H. T. L.☆
Tranh vẽ

Cả ngày, Bé thích vẽ tranh,
Rồi tô màu đỏ, màu xanh, màu vàng.
Hình tuy chẳng được rõ-ràng,
Nhưng mà ngộ-nghĩnh, nên càng đáng yêu.

TẬP ĐỌC**Cắt dán hình**

Hôm nay thầy dạy cắt hình vuông. Hùng mở cặp lấy kéo và giấy màu. Hùng kẻ rồi cắt. Kéo của Hùng mũi tròn. Thầy bảo dùng kéo mũi tròn không nguy-hiêm. Hùng phết keo sau hình vuông rồi dán vào vở. Khi đem chấm, thầy khen Hùng khéo tay nhất!

Phát-âm.— Dạy — Kéo — Giấy màu — Vuông — Nguy-hiêm.

NGŨ-VỤNG**Thủ-công**

Bài giảng.— Giờ thủ - công em dùng dao, kéo mũi tròn. Các em tập cắt giấy, bọc sách, gói đồ. Thầy làm mẫu cho trò bắt-chước.

Học tiếng.— 1) Dao, Kéo. — 2) Mũi tròn.
3) Cắt giấy, Bọc sách, Gói đồ, Bắt-chước.

H. T. L.**Khéo tay**

Em dùng chiếc kéo mũi tròn,
Cắt hình, cắt chữ để còn đem thi.
Phen này không nhất, cũng nhì,
Khéo tay, em có kém gì ai đâu?





TẬP ĐỌC Vui quá

Đến giờ hoạt động thanh-niên, chúng em ra sân. Người nào xếp hàng vào toán ấy. Thầy-giáo ngồi giữa. Chúng em xếp thành vòng tròn ở bốn chung-quanh. Thầy kể chuyện rồi dạy chúng em hát. Sau đến tập nhảy múa. Chúng em hoạt-động vui quá!

Phát-âm.— Hoạt-động thanh-niên, vòng tròn.

NGŨ-VỤNG Hoạt-động thanh-niên

Bài-giảng.— Thầy làm liên-toán-trưởng. Thầy dạy các em múa, hát. Thầy và trò vui-vẻ cùng nhau hoạt-động.

Học tiếng.— 1) Liên-toán-trưởng, Thầy, Trò.
2) Thầy trò vui-vẻ. — 3) Múa, Hát.

H. T. L. Hoạt-động thanh-niên

Tới giờ hoạt-động thanh-niên,
Toán em có tám toán-viên xếp hàng
Reo-hò, nhảy múa, ca vang
Sau khi diễn kịch, lại làm nút dây.

TẬP ĐỌC

Toán Ba

Toán Ba của Hùng có tám em. Hùng được bầu làm toán-trưởng. Cường làm toán-phó. Còn các em kia mỗi em giữ một việc. Toán Ba rất giỏi. Nhiều, tuần, toán Ba đã được giữ cờ danh-dự. Toán Ba quyết không thua toán Nhất, toán Nhì.

Phát-âm.— Toán-trưởng — Giỏi — Danh-dự — Quyết không thua.

NGŨ-VỤNG

Toán

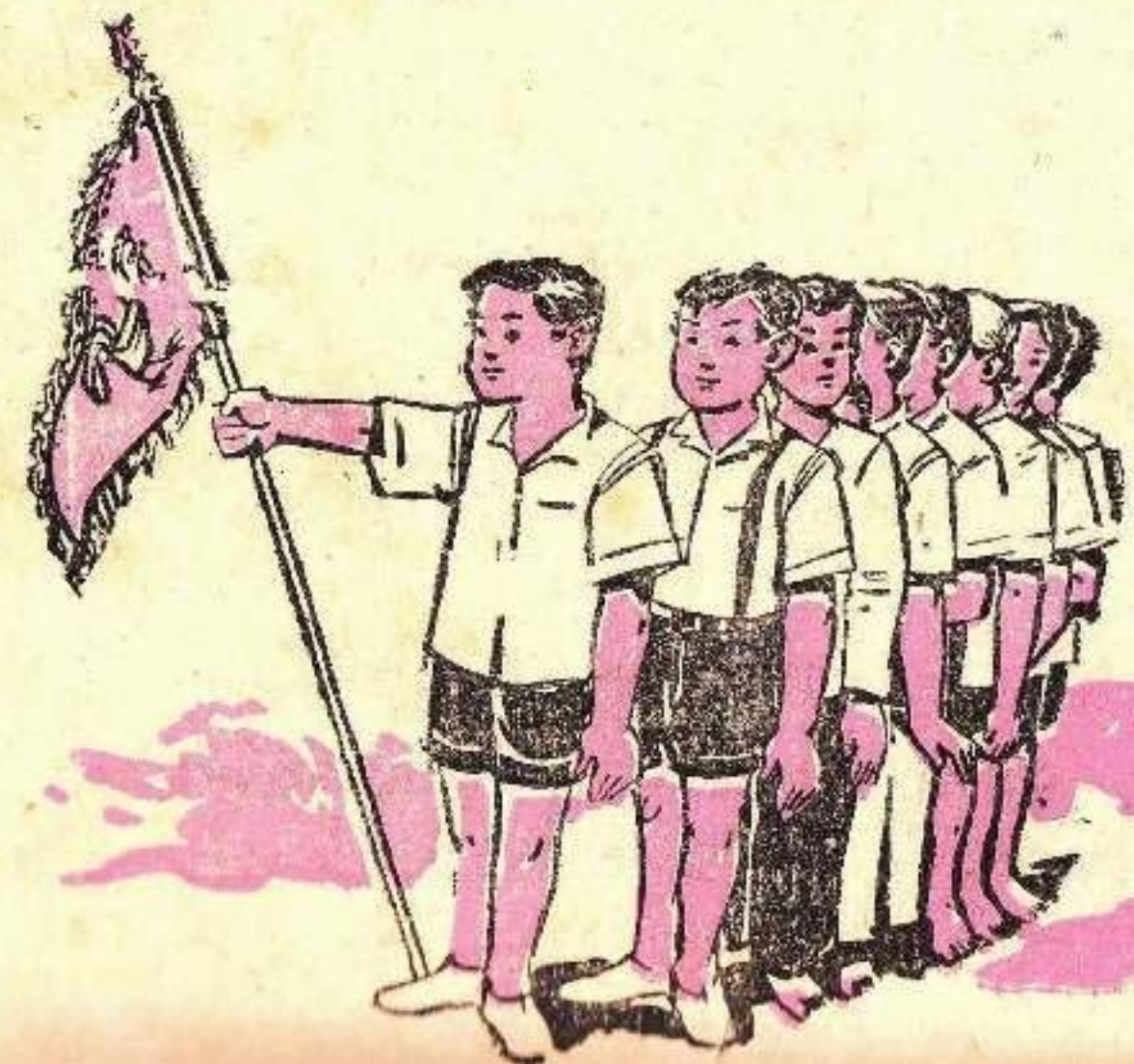
Bài giảng.— Toán của em có tám toán-viên. Toán-trưởng lớn và giỏi. Toán-phó giúp việc toán-trưởng.

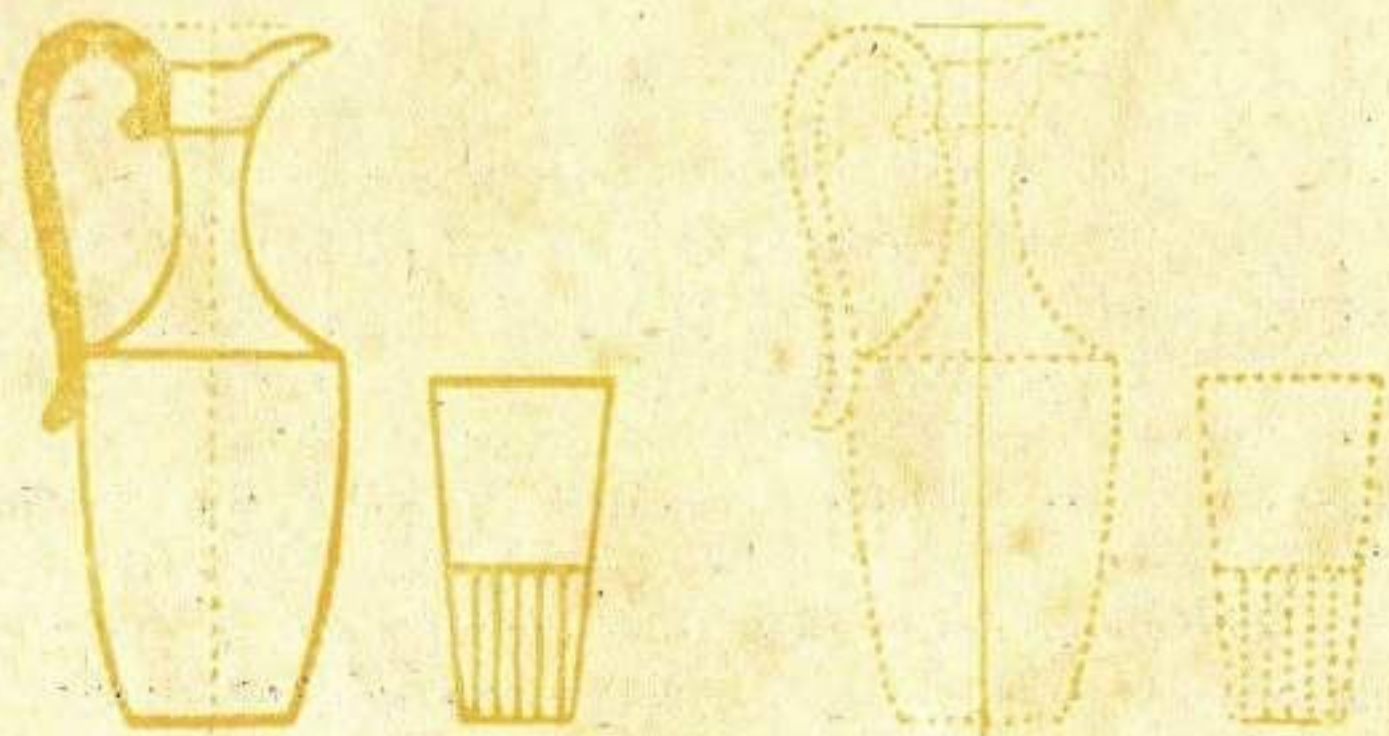
Học tiếng.— 1) Toán-trưởng, Toán-phó, Toán-viên.
2) Toán-trưởng lớn — 3) Giúp việc.

TẬP ĐỌC VUI

Vẽ ma dễ

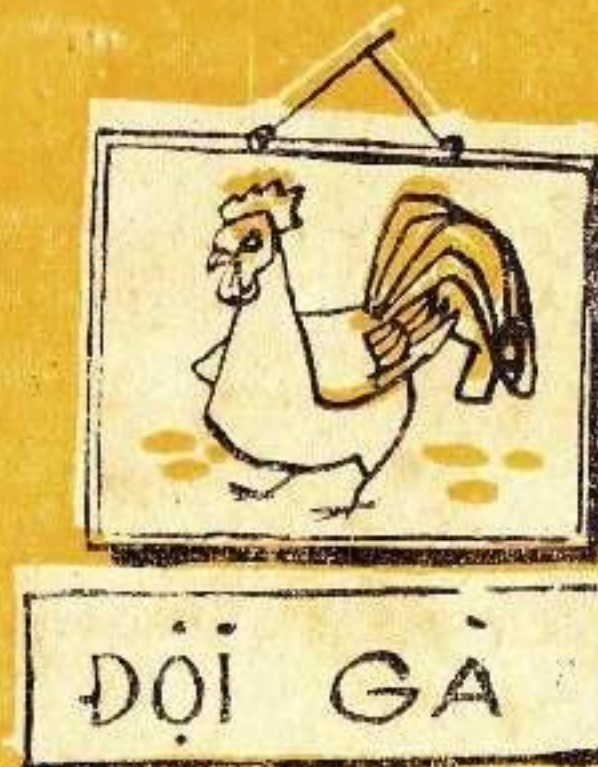
Tư hỏi Năm: « Vẽ gì khó? Vẽ gì dễ? » Năm đáp: « Vẽ người khó nhất! Vẽ ma dễ nhất! » — « Tại sao? » — « Này nhé! Người thì ai cũng trông thấy nên vẽ sao cho giống thật là khó! Còn ma thì mấy người đã gặp. Vẽ vẽ Ma dễ vô cùng. Vẽ thế nào cũng được! » Tư chịu là phải.





TẬP VIẾT

Dội Gà



TẬP ĐỌC

Trang - hoàng

Mỗi toán có một khoảng tường ở cuối lớp. Đó là góc toán. Toán Ba treo hình gà trống. Hình này do Hùng vẽ. Dưới là hàng chữ tên toán do Cường cắt dán. Rồi đến một ống hoa. Hùng thường cắm hoa tươi vào đó.

Phát-âm.— Trang-hoàng — Khoảng tường — Ống hoa.



NGŨ - VỤNG

Góc toán

Bài giảng.— Ở góc toán có bảng tên toán. Phía trên là ống hoa và tranh vẽ. Toàn-viên trang-hoàng góc toán cho đẹp.

Học tiếng.— 1) Bảng tên toán, Ống hoa, Tranh vẽ.
2) Góc toán đẹp — 3) Trang-hoàng.



H. T. L.

Vòi quà

Tháng rồi, ông đã hứa rằng :
« Tháng sau nếu cháu học chăm có quà.»
Tháng này cháu xếp hạng ba,
Ông ơi! cho cháu món quà ấy đi!

TẬP ĐỌC

Làm toán-trưởng

Hùng được bầu làm toán-trưởng toán Ba. Anh em bầu vì Hùng chăm và ngoan. Hùng mến anh em. Công-việc rất chạy. Toán-viên vui-vẻ, giúp-đỡ lẫn nhau. Toán Ba được chọn làm toán gương-mẫu. Đó là công của toán-trưởng.

Phát-âm — Chăm và ngoan — Giúp-đỡ — Gương-mẫu.

NGŨ - VỤNG

Toán - trưởng

Bài giảng. — Toán-viên bầu toán-trưởng. Toán-trưởng chăm và ngoan. Toán-viên giúp-đỡ toán-trưởng.

Học tiếng. — 1) Toán-trưởng, Toán-viên.
2) Toán-trưởng chăm, ngoan.
3) Bầu toán-trưởng, Giúp-đỡ toán-trưởng.

H. T. L.

Toán-trưởng Toán Ba

Cái anh toán-trưởng toán Ba
Học chăm, chơi giỏi, thật là đáng yêu!
Việc trường việc toán tuy nhiều
Mà anh cố gắng đến chiều là xong...



TẬP ĐỌC

Buổi họp toán

Mỗi tuần toán Ba họp một lần. Hùng đứng ra hô: « Toán ba ». Các em khắc đáp: « Vui-vẻ ». Sau đó cùng hát bài « Gà gáy sáng. » Hùng dạy các bạn làm nút dây. Rồi các em cùng chơi... Họp xong, Hùng chia công-việc cho các bạn.

Phát-âm. — Vui-vẻ — Gáy sáng — Nút dây.

NGŨ - VỤNG

Họp toán

Bài giảng. — Toán-viên hô khẩu-hiệu và hát. Toán-trưởng làm nút dây. Cả toán cùng múa hát. Cuộc họp rất vui-vẻ.

Học tiếng. — 1) Nút dây — 2) Cuộc họp vui-vẻ.
3) Hô khẩu-hiệu, Múa hát.

H. T. L.

Chúng em

Chúng em là những mầm non,
Chúng em chẳng khác đàn con một nhà.
Bên em có gốc tre già.
Ngày đêm che-chở, đậm-dà tình thương.

Tuần này học làm nút dẹt. Thầy gọi mấy toán-trưởng lên. Mỗi em có sẵn một đoạn dây nhỏ. Thầy làm nút dẹt. Các em bắt-chước làm theo. Làm đi, làm lại nhiều lần. Đến khi họp, toán-trưởng sẽ dạy lại các toán-viên.

Phát-âm.— Nút dẹt — Đoạn dây nhỏ — Bắt-chước.



NGŨ - VỤNG

Học chuyên-môn

Bài giảng.— Các em tập làm nút dây. Em dùng chỉ nhỏ, em dùng dây thừng. Các em tập làm nút dẹt.

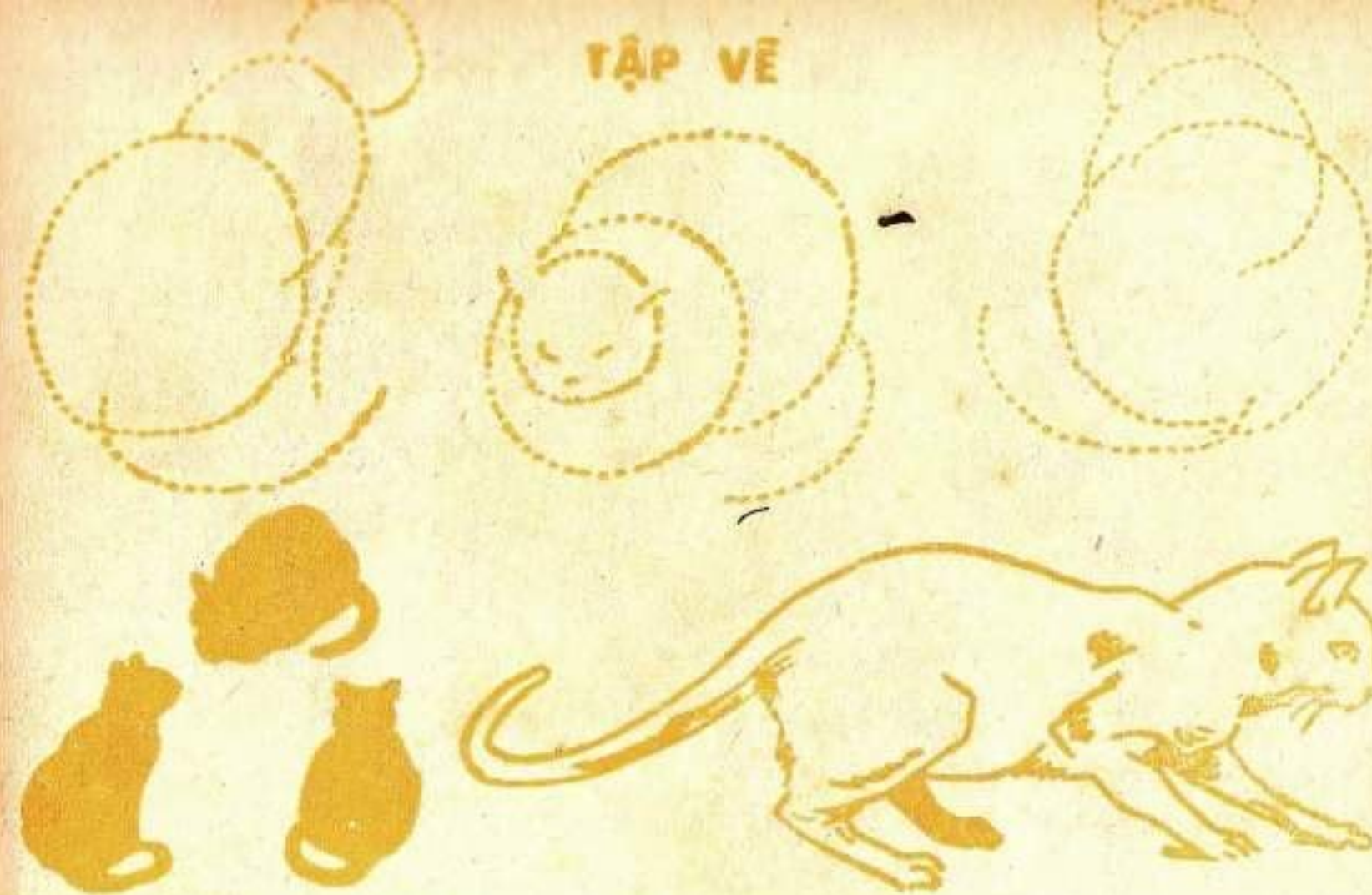
Học tiếng.— 1) Chỉ, Dây thừng, Nút dẹt. — 2) Chỉ nhỏ.
3) Làm nút dây.



TẬP ĐỌC VUI

Bưởi nổi

Hồi còn bé, Lương Thế-Vinh đã nổi tiếng thông-minh. Vinh thường chơi đùa cùng lũ trẻ. Có người đánh rơi trái bưởi xuống hồ sâu. Người ấy bảo: « Ai lấy trái bưởi lên sẽ được thưởng ». Hồ sâu, miệng hồ lại nhỏ. Mọi người chưa biết làm thế nào. Lương Thế-Vinh bảo bạn múc nước đổ đầy hồ. Trái bưởi nổi lên. Ai cũng khen là tài.



TẬP VIẾT

Đội trưởng họp với anh em

P	 Phong bì	 Phôi
	 Phượng hoàng	
 Phao	 Phi cơ	 Phiên

Khi mới đi học, Hùng còn nhút-nhát. Bây giờ Hùng bạo-dạn lắm rồi! Hùng, Cường, Mai, Hằng vui-vẻ chơi-dù. Các thầy, các cô đi đi, lại lại. Chơi đang vui thì trống vang lên. Ai nấy chạy đi rửa tay. Rồi lại xếp hàng vào lớp...

Phát-âm.— Nhút-nhát — Bạo-dạn — Trống vang.



NGŨ-VỤNG

Giờ chơi

Bài giảng.— Thầy bày trò chơi cho học-sinh. Thầy ngăn-cản trò-chơi nguy-hiêm. Hết giờ-chơi, sân trường lại vắng lặng.

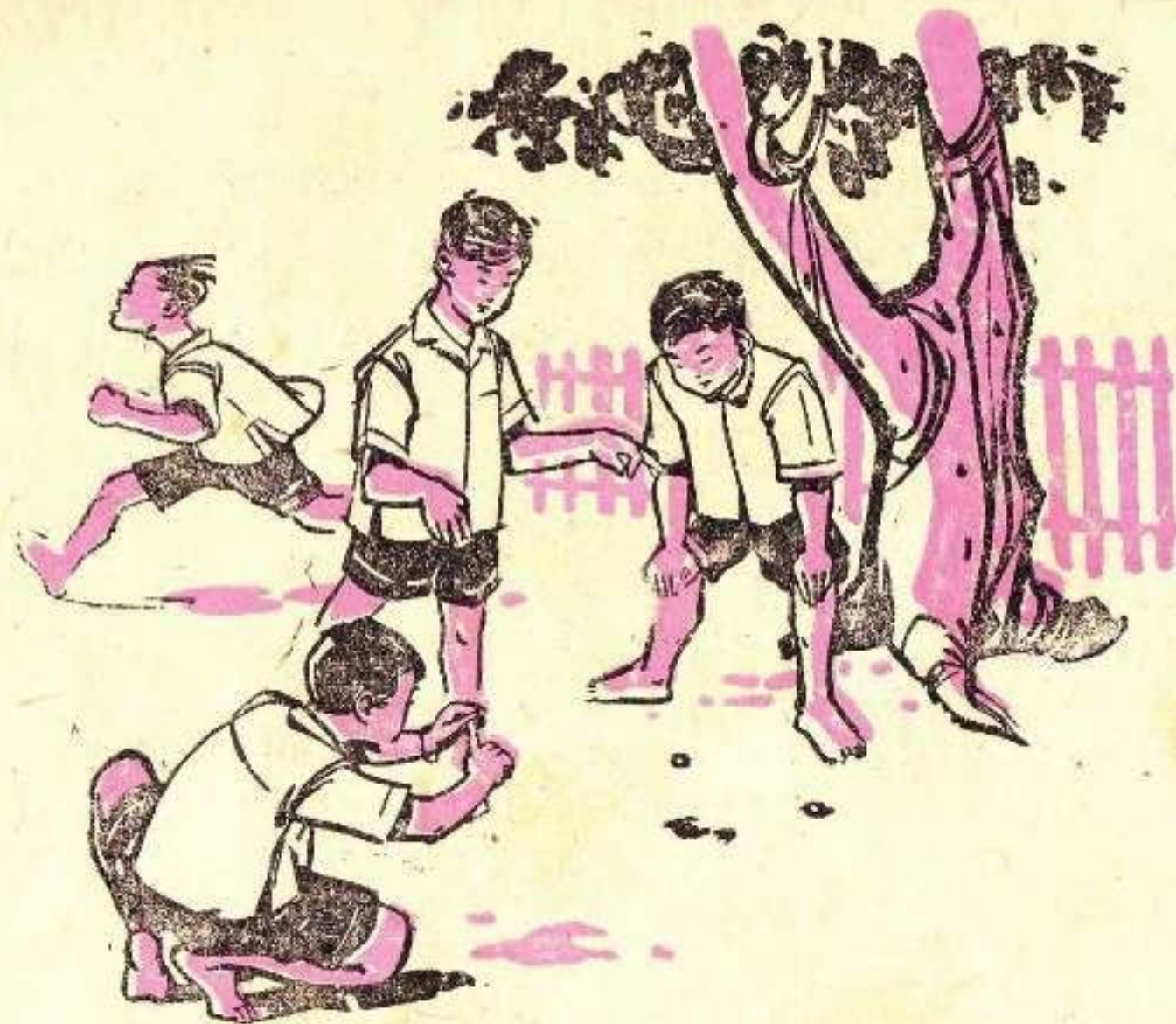
Học tiếng.— 1) Học-sinh, Sân-trường
2) Trò-chơi nguy-hiêm, Sân-trường vắng lặng
3) Bày trò-chơi, Ngăn-cản.



H. T. L.

Chúng em

Cùng nhau chạy, nhảy, múa, ca
Chúng em khỏe-mạnh, mẹ cha vui lòng.
Đẹp, xinh như nắng xuân hồng
Muôn hoa đua nở, mùa đông qua rồi.



TẬP ĐỌC

Giờ ra chơi

Ba tiếng trống báo hiệu giờ chơi. Hùng và các bạn xếp hàng ra sân. Đó là giờ vui-thích nhất. Học-sinh lớn đá cầu, chuyền bóng. Các em gái nhảy dây, đánh chuyền. Ai nấy hăng-hái nô-dùa. Khắp nơi vang lên những tiếng cười, tiếng nói.

Phát-âm.— Trống — Vui-thích — Chuyền bóng — Hăng-hái.



NGŨ-VỤNG

Giờ chơi

Bài giảng.— Giữa buổi học có giờ chơi. Học-sinh ra sân đá cầu, chuyền bóng, nhảy dây. Đó là giờ vui-vẻ nhất.

Học tiếng.— 1) Buổi học, Bóng, Dây — 2) Giờ vui-vẻ.
3) Đá cầu, Chuyền bóng, Nhảy dây.



H. T. L.

Chơi chơi

Sân trường vắng lặng như tờ,
Bỗng hồi trống đánh báo giờ ra chơi...
Chúng em chạy nhảy, reo, cười,
Đầy sân em-ì, muôn người đùa-nô...



TẬP ĐỌC

Tập thể-dục

Buổi học chiều vừa xong. Học-sinh ra sân tập thể-dục. Các em trai đều mặc quần cộc. Tiếng còi vang lên. Các em xếp hàng đôi. Bé đứng trước, đứng sau. Rồi các em chạy thành vòng tròn. Vừa chạy, vừa giơ tay rất đều.

Phát-âm.— Thể-dục — Em trai — Quần cộc — Giơ tay.

NGŨ-VỤNG

Thể-dục

Bài giảng.— Học-sinh đều mặc quần cộc. Theo hiệu còi các em xếp hàng trước huấn-luyện-viên. Các em vừa chạy vừa giơ tay lên.

Học tiếng.— 1) Huấn-luyện-viên, Còi — 2) Quần cộc, 3) Chạy, Giơ tay.

H. T. L.

Buổi sáng

Sáng ngày, dậy sớm, ra sân
Vươn vai, vươn ngực, giơ chân một hồi.
Tới khi mệt thấm mồ-hôi,
Thì em tập thở, theo lời thầy khuyên.

TẬP ĐỌC

Tập thể-dục (t.l.)

Học-sinh tập nhảy, tập chạy. Khi đi, Hùng đếm một hai, một hai, thật đều. Thầy cho chơi chuyền bóng vui quá! Sau đó, các em đi thông-thả đề thở, Hùng lấy giọng. Mọi người nắm tay nhau hát. Bài ca «Khỏe vì nước» vang lên khắp sân.

Phát-âm.— Nhảy — Chạy — Chuyền — Lấy giọng.

NGŨ-VỤNG

Thể-dục

Bài giảng.— Các em tập nhảy, tập chạy, tập thở. Tập thể-dục làm cho bắp thịt nở-nang. Do đó, thân-thể càng khỏe-mạnh.

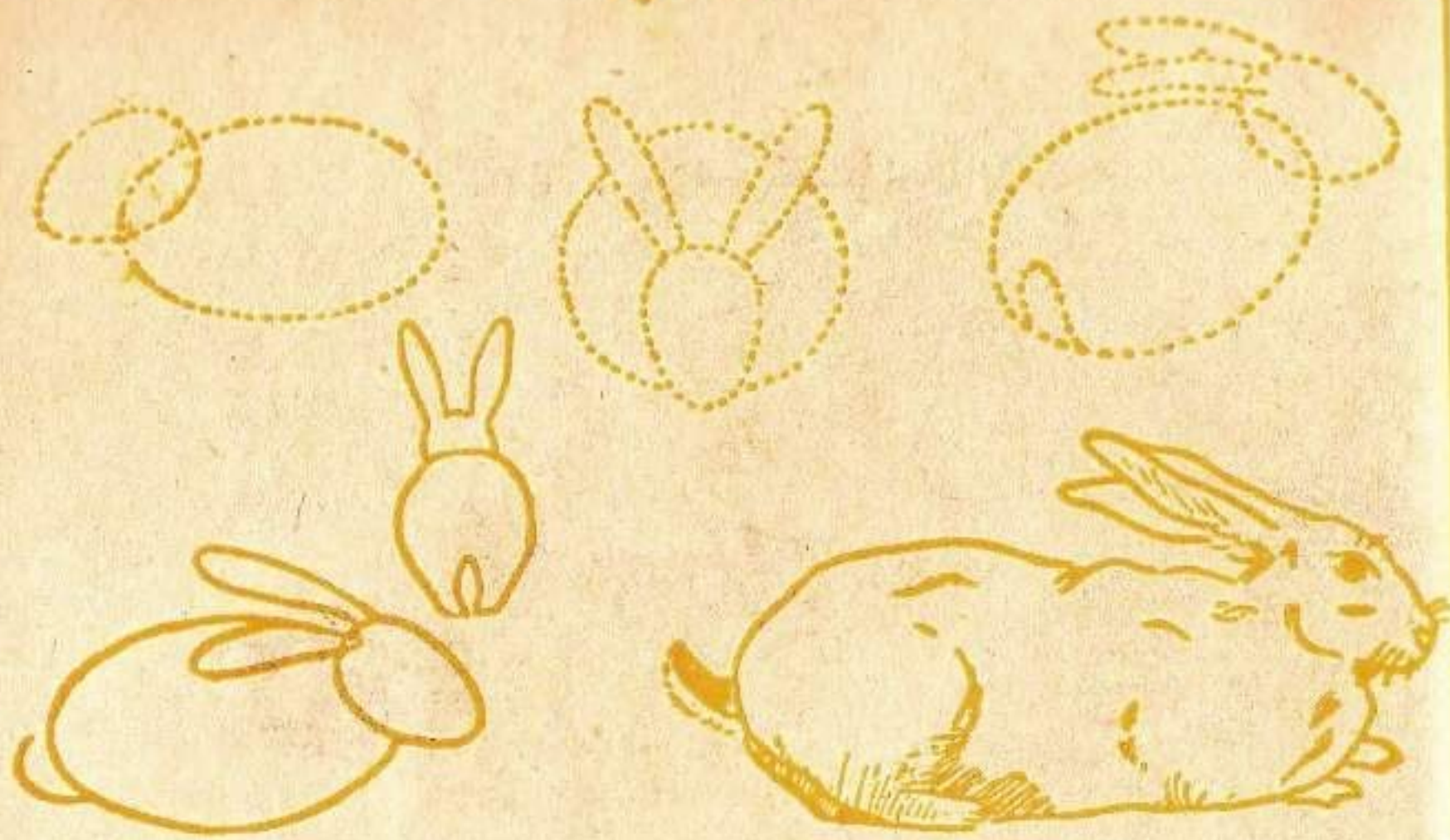
Học tiếng.— 1) Thân-thể, Bắp thịt
2) Thân-thể khỏe-mạnh, Bắp-thịt nở-nang
3) Chạy, Nhảy, Thở.

TẬP ĐỌC VUI

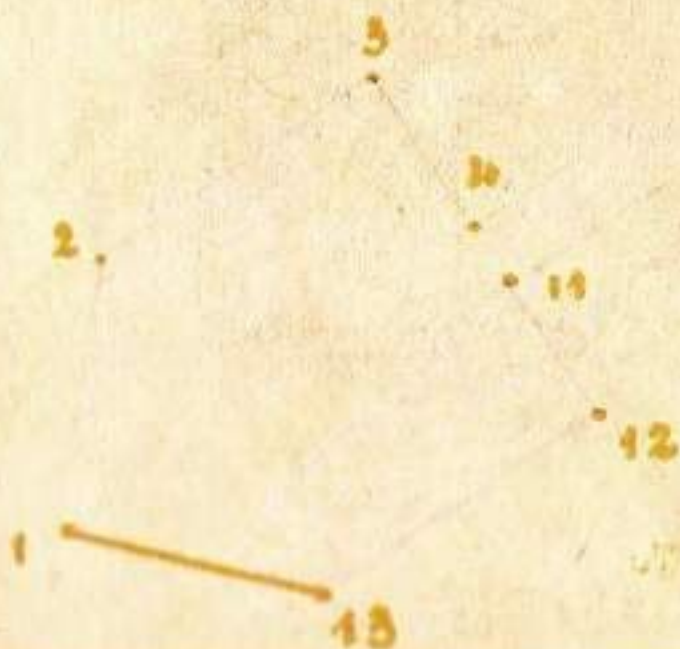
Chạy thi

Rùa chạy thi với Thỏ. Thỏ vốn chạy nhanh nên không cần chạy vội. Thỏ nằm ngủ một giấc đã. Rùa cứ thế mà bò. Đến khi tỉnh giấc, Thỏ thấy Rùa gần tới đích. Thỏ vội-vàng lao mình nhảy. Nhưng muộn quá rồi! Rùa thắng cuộc. Thỏ xấu hổ quá, cụp tai cúi mắt. Thỏ thua vì Thỏ cậy tài. Rùa thắng vì Rùa cố gắng...





Có nhiều trò chơi thích thú.



Các trò chơi

Hùng biết khá nhiều trò-chơi. Trời mưa Hùng chơi ở trong nhà. Trời nắng, Hùng đánh cầu, chuyền banh. Hùng còn chơi rồng rắn, hoặc mèo vồ chuột. Các em gái thích đánh chuyền, nhảy dây, Chơi-đũa làm cho chúng ta khỏe-mạnh và nhanh-nhẹn.

Phát-âm.— Khá nhiều—Chuyền banh—Rồng rắn—Nhanh-nhẹn!

Các trò-chơi

Bài giảng.— Có nhiều trò-chơi rất thích-thú. Em trai đánh cầu, chuyền banh. Em gái nhảy dây, đánh chuyền.

Học tiếng.— 1) Cầu, Banh, Dây — 2) Trò chơi thích-thú
3) Đánh cầu, Chuyền banh, Nhảy dây, Đánh chuyền.

Các trò chơi

Bắn bi, chạy nhảy, đánh chuyền
Đã vui mà chẳng tốn tiền, ai ơi!
Cho nên cứ đến giờ chơi,
Học-sinh nam, nữ, mọi người đều ưa...

Cường đánh bi

Cường thích đánh bi lắm. Trong túi Cường lúc nào cũng có mấy viên bi. Cường rủ Hùng ra góc sân cùng chơi. Cường đánh bi rất giỏi. Đứng xa Cường bắn cũng trúng. Những viên bi xanh đỏ lăn trên đất. Thấy Cường bắn trúng, Hùng vỗ tay reo.

Phát-âm.— Thích — Rất giỏi — Bắn trúng — Reo.



NGŨ-VỤNG

Đánh bi (bắn đạn)

Bài giảng.— Cường vẽ vòng tròn để đánh bi. Cường nhắm kỹ nên bắn rất trúng. Bi của Cường bằng thủy-tinh. Có thứ bi bằng gạch hoặc đá.

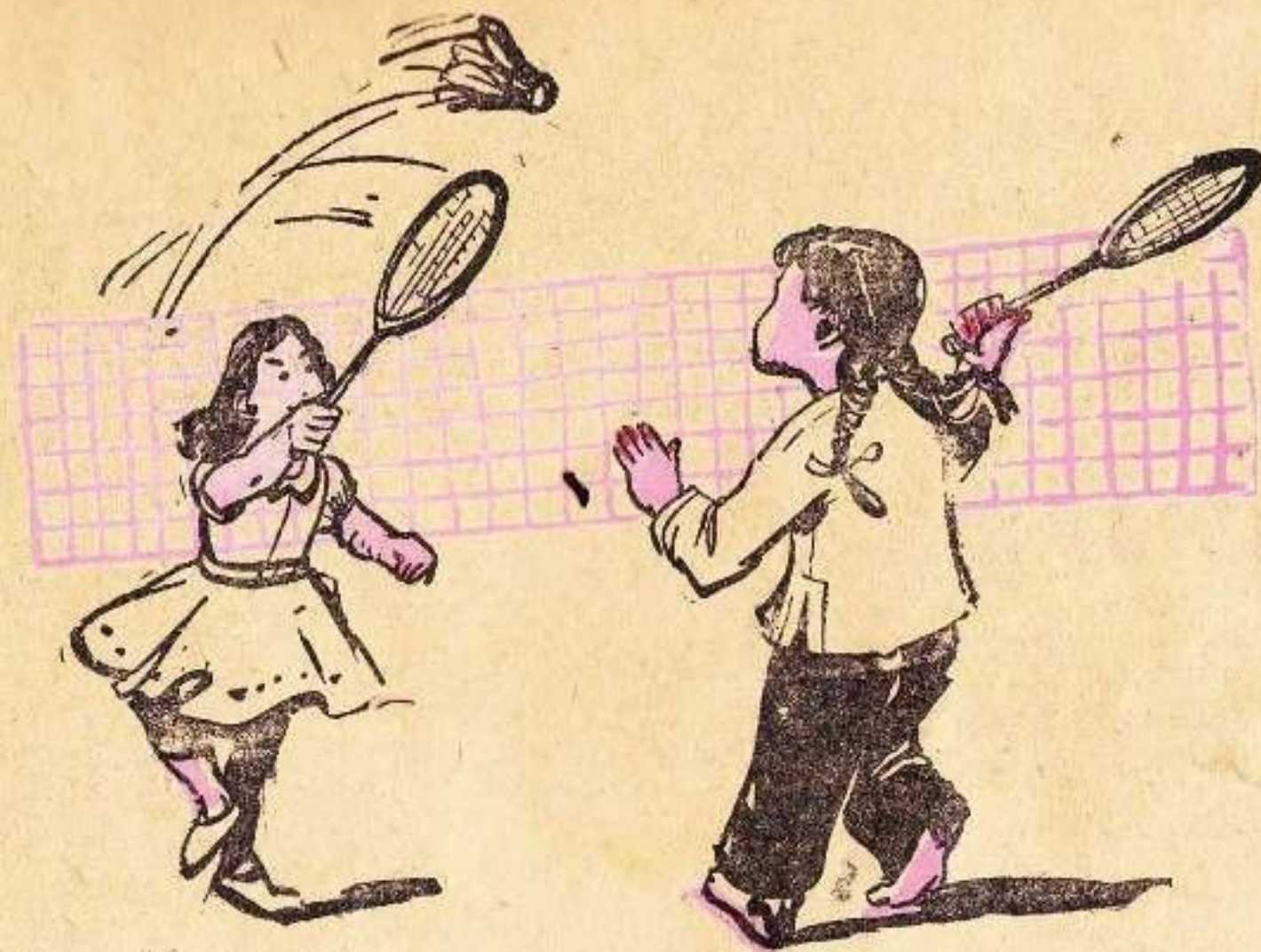
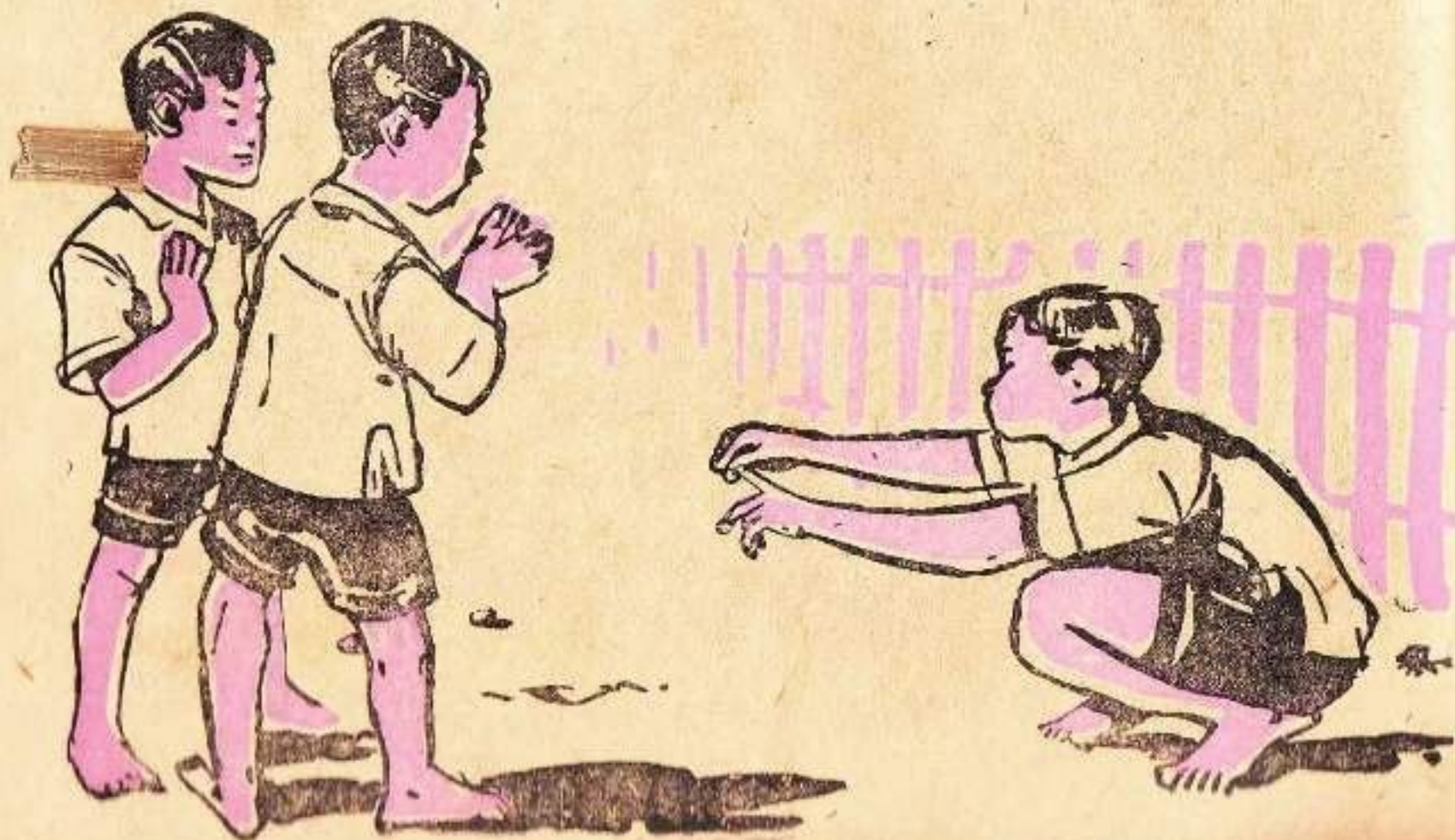
Học tiếng.— 1) Thủy.tinh, Gạch, Đá — 2) Vòng tròn, 3) Nhắm, Bắn.



H.T.L.

Chạy thi

*Thỏ mà chạy thi với Rùa,
Hỏi rằng ai được ? ai thua phen này ?
Thỏ thường cậy giỏi xưa nay,
Cho nên giải nhất về tay chị Rùa.*



TẬP ĐỌC

Đánh cầu

Mai và Hùng thích đánh cầu. Mỗi em cầm một cây vợt nhỏ. Trái cầu làm bằng cao-su và lông gà. Các em đánh cầu rất khéo. Trái cầu tung đi, ném lại, không ngừng. Ít khi cầu bị rớt xuống đất. Các em khác xúm quanh xem...

Phát-âm.— Cây vợt — Cao su — Không ngừng — Rớt — Xúm.



NGŨ-VỤNG

Đánh cầu

Bài giảng.— Em đánh cầu bằng cây vợt nhỏ. Trái cầu làm bằng cao-su và lông gà. Trái cầu được tung đi, ném lại. Ai để rớt là thua.

Học tiếng.— 1) Trái cầu, Vợt, Cao-su, Lông gà.
2) Cây vợt nhỏ. — 3) Tung, Ném, Rớt.



H. T. L.

Ngoài sân

*Ngoài sân, những buổi chiều vàng
Em cầm cây vợt nhẹ-nhàng biết bao !
Trái cầu khi thấp, khi cao
Tung lên mà chẳng lúc nào bị rơi*

Chuyền banh

Thầy bảo : « Đá banh là trò chơi của người lớn. Trẻ em đá banh dễ bị gãy tay, què chân. Vì vậy, chỉ nên chơi chuyền banh mà thôi.» Học sinh đều vâng theo lời thầy. Ra chơi Hùng cầm trái banh tung lên. Rồi các em chuyền banh cho nhau rất vui.

Phát âm.— Chuyền banh — Gãy — Què — Trái banh — Tung

NGŨ - VỤNG

Chuyền banh

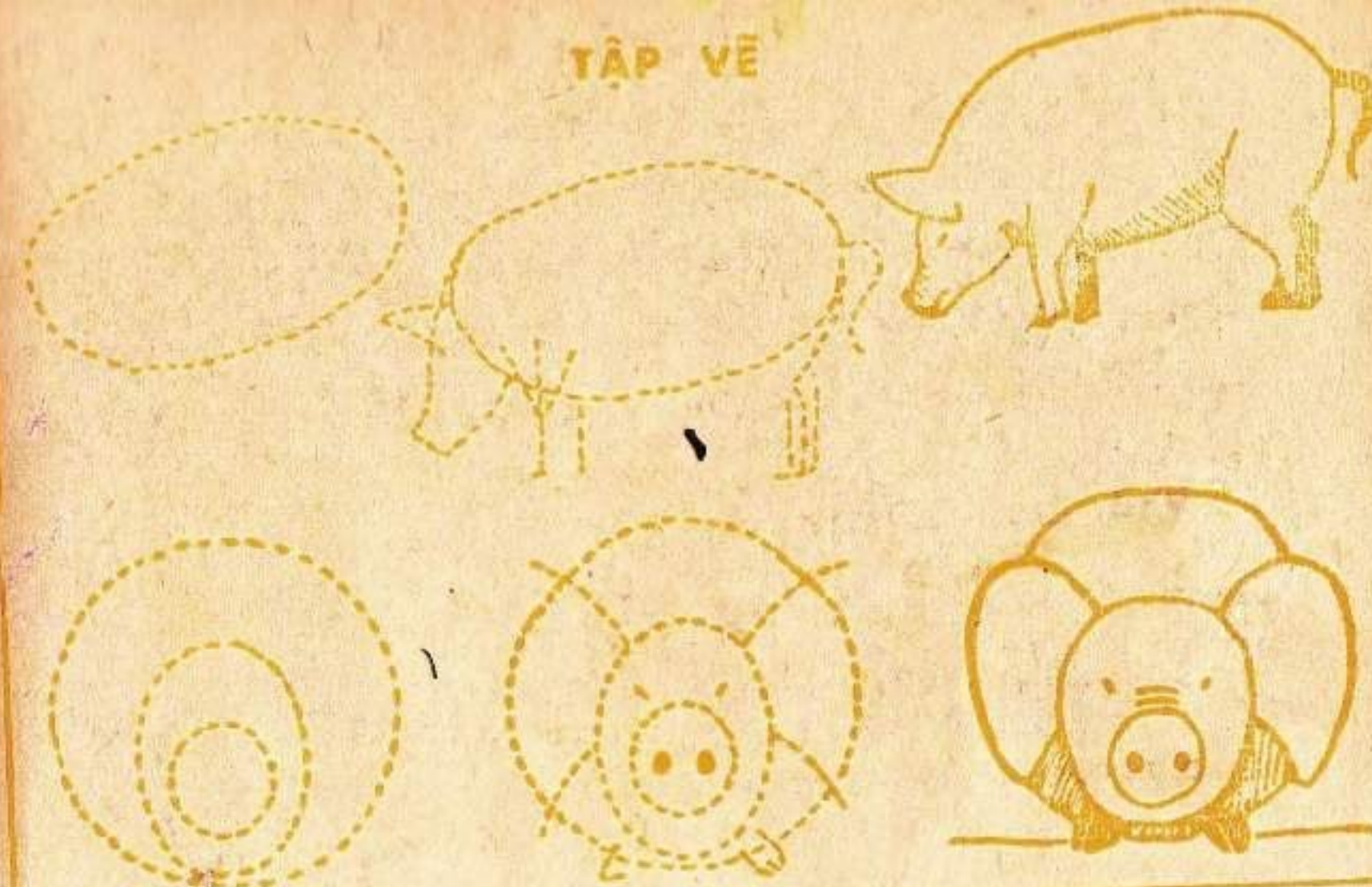
Bài giảng.— Trái banh hình tròn bằng cao-su. Một em tung trái banh lên. Em khác đón lấy rồi lại tung lên.

Học tiếng.— 1) Trái banh, Cao-su — 2) Hình tròn.
3) Tung lên, Đón lấy..

TẬP ĐỌC VUI

Phạm ngũ Lão

Thuở nhỏ, Phạm ngũ Lão ham tập võ-nghệ. Ông thường ra đồng vác đá tập ném. Rồi ông tập nhảy, tập chạy. Từ gò đất này, ông nhảy sang gò đất khác. Lớn lên, ông theo giúp Hưng-đạo-vương. Ông đã giết được nhiều giặc Mông-cổ... Phạm ngũ Lão là tướng tài về đời nhà Trần.



Em gái nháy đây, đánh chuyền



TẬP ĐỌC**Các em nhảy dây**

Mai và Hằng mỗi em cầm một đầu dây. Hai em cùng quay rất đều. Ngọc lách vào giữa để nhảy. Hai chân Ngọc co lên, hạ xuống rất đều. Ngọc không bị vướng dây. Mấy em khác nhảy theo. Các em nhảy trông thật đẹp mắt.

Phát-âm.— Nhảy dây — Quay — Vướng.

NGŨ - VỤNG**Ngũ-vụng**

Bài giảng.— Hai em cầm hai đầu dây quay. Một em nhảy. Cặp chân nhỏ đưa lên, hạ xuống rất đều. Nhảy vụng sẽ bị vướng dây.

Học tiếng.— 1) Sợi dây, Đầu dây. — 2) Chân nhỏ.
3) Đưa lên, Hạ xuống, Vướng dây. Nhảy.

H. T. L.**Nhảy dây**

Hai em cầm hai đầu dây,
Một em ở giữa nhảy quay, nhảy cuồng.
Nhảy lên, nhảy xuống luôn luôn,
Sợi dây quay tít, thôn thôn chân dài...

TẬP ĐỌC**Đánh chuyền**

Mai đặt năm thẻ trên mặt đất. Tay phải Mai tung trái banh lên. Rồi Mai nhặt lấy một thẻ. Trái banh rớt xuống. Mai vội đón lấy. Mai vừa tung banh, vừa nhặt thẻ, vừa hứng banh không ngừng. Phải nhanh tay, nhanh mắt lắm mới đánh chuyền được!

Phát-âm.— Đánh chuyền — Thẻ — Rớt xuống — Không ngừng.

NGŨ - VỤNG \ **Đánh chuyền (Đánh đũa)**

Bài giảng.— Đánh chuyền phải có năm thẻ và trái tròn. Tay phải (mặt) vừa tung, vừa hứng lại vừa nhặt thẻ. Đánh chuyền có hát mới vui.

Học tiếng.— 1) Năm thẻ, Trái tròn. — 2) Tay phải.
3) Tung, Hứng, Nhặt thẻ, Hát.

H. T. L. **Chuyền một... chuyền hai**

Chuyền một rồi lại chuyền hai;
Chuyền ba, chuyền bốn, chuyền hoài không rơi
Em chuyền đứng, chị chuyền ngồi
Trái banh, năm đũa, khắp nơi đánh chuyền.





TẬP ĐỌC

Mèo bắt chuột

Tập thể dục xong, thầy bày trò chơi mèo bắt chuột. Hùng được chọn làm mèo đứng giữa. Các em khác nắm tay vây chung-quanh. Thấy thỗi một tiếng còi. Chuột chạy, mèo đuổi. Cường chạy chậm bị Hùng bắt. Cường lại thành mèo thay Hùng.

Phát-âm.— Xong — Trò chơi — Chọn — Chung-quanh.

NGŨ-VỤNG

Mèo bắt chuột

Bài giảng.— Mèo đứng giữa. Theo hiệu còi, chuột chạy, mèo đuổi. Chuột chậm sẽ bị bắt làm mèo.

Học tiếng.— 1) Chuột, Mèo, Còi. — 2) Chuột chậm. 3) Chạy, Đuổi.

H. T. L.

Con mèo

Con mèo mà trèo cây cau
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà?
Chú chuột đi chợ đường xa

TẬP ĐỌC

Rờ mặt đọc tên

Mắt bị bịt kín, Hùng đưa tay ra trước. Hùng quờ bên phải. Hùng quay bên trái. Tay Hùng chạm vào một bạn. Hùng rờ đầu, rờ mũi, rờ tay bạn. Hùng nói to : « Đúng cậu Cường rồi ! Cả lớp cười ồ. Hùng bỏ khăn ra nhìn thì em đó lại là Hỷ

Phát-âm.— Bịt kín — Quờ — Chạm — Rờ — Quay.

NGŨ-VỤNG

Trong khi chơi

Bài giảng.— Khi chơi phải theo lệnh của người điều-khiển. Người thắng được các bạn vỗ tay khen. Người thua cố-gắng thêm.

Học tiếng.— 1) Người điều-khiển, Lệnh. — 2) Người thắng, Người thua. — 3) Theo lệnh, Vỗ tay.

TẬP ĐỌC VUI

Con voi đất

Thuở nhỏ, Vũ Công Duệ thích chơi nặn đất sét. Một hôm Duệ nặn con voi đất. Duệ cắm con đĩa làm vòi. Đuôi voi là con giun. Tai voi là hai con bướm. Bốn chân voi đặt lên mình bốn con cua. Thế là voi đất mà biết co vòi, vẩy đuôi. Nó còn phe-phẩy tai và đi được. Ai cũng phục tài chú bé thông-minh.

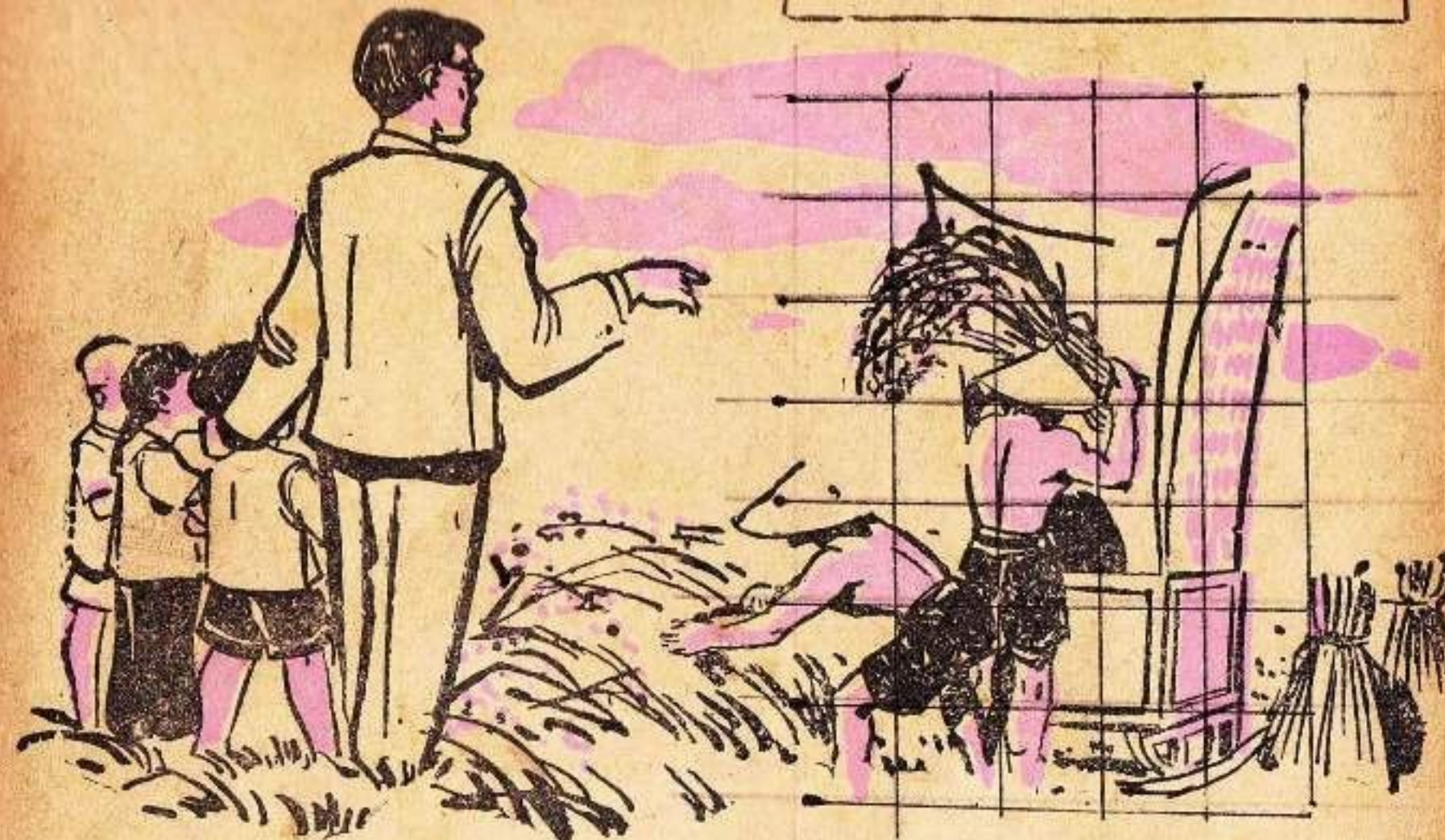


TẬP VẼ



TẬP VIẾT

thuongmaitr



TẬP ĐỌC

Đi chơi

Thầy dẫn cả lớp đi chơi. Các em vừa đi, vừa hát. Phút chốc đã ra tới cánh đồng lúa. Thầy chỉ cho xem ruộng lúa chín. Mũi lúa thơm bay lên. Em này vồ cào cào. Em kia nhặt bông lúa rụng. Cuộc đi chơi vui quá! Mãi đến gần trưa mới ra về.

Phát-âm.— Dẫn — Phút chốc — Cánh đồng — Ruộng lúa.



NGŨ-VỤNG

Đi chơi

Bài giảng.— Ngày nghỉ thầy dẫn trò đi chơi. Trò được xem phong-cảnh đẹp. Lại được nghe tiếng chim ca. Trò sẽ hiểu-biết thêm.

Học tiếng.— 1) Ngày nghỉ, Phong-cảnh — 2) Phong-cảnh đẹp, 3) Xem, Nghe, Hiểu-biết.



H. T. L.

Yêu quê

Em còn bé tí, tí, teo
Nên chưa đi khắp ruộng, đèo, núi, sông,
Chân chưa dạo hết ao đồng
Nhưng em vẫn thấy nắng 1

Q



quét nước sơn



qua



quả lựu



quạt



quần





TẬP ĐỌC

Đi cắm trại

Ngày nghỉ, Hùng vẫn theo Sơn đi cắm trại. Anh Sơn và các bạn đóng cọc, dựng lều. Rồi người đi lấy nước, kẻ nấu cơm. Ăn xong nằm nghỉ. Đến chiều có trò-chơi lớn. Gần tối mới nhò trại ra về. Cả bọn vừa đi, vừa hát rất vui.

Phát-âm. — Cắm trại — Đóng cọc — Dựng lều — Nhò trại.

NGŨ-VỤNG

Cắm trại

Bài giảng. — Học-sinh lớn thường đi cắm trại. Họ dựng lều để ở. Họ nấu cơm để ăn. Họ vui chơi ở ngoài trời.

Học tiếng. — 1) Lều, Trời — 2) Học-sinh lớn.
3) Dựng lều, Nấu cơm, Vui chơi.

H. T. L.

Ma lười

Trường em có một con ma,
Không chăm, không giỏi, nhưng mà nòi danh
Biếng chơi, biếng cả học-hành,
Biếng đi cắm trại là... anh ma lười!

TẬP ĐỌC

Ông nội

Ông nội của Hùng đã ngoài sáu mươi tuổi. Râu tóc người bạc trắng. Trên trán đầy những nếp nhăn. Hai má hóp lại. Răng người bị rụng nhiều. Mắt người không được tinh-tường. Khi đọc sách, người thường đeo kính trắng. Hùng yêu quý ông nội vô cùng.

Phát-âm — Râu — Bạc — Nếp nhăn — Tinh-tường — Kính trắng.

NGŨ-VỤNG

Ông

Bài giảng — Râu, tóc ông em bạc trắng. Trên trán người đầy nếp nhăn. Ông em đeo kính trắng để đọc sách.

Học tiếng. — 1) Râu, Tóc, Trán. Nếp nhăn.
2) Kính trắng. — 3) Đeo kính (kiếng). Đọc sách.

H. T. L.

Ông em

Ông em đã ngoài bảy mươi,
Tóc, râu bạc trắng, miệng cười không răng.
Mắt mờ, má hóp, da nhăn,
Lại hay đọc sách in bằng chữ Nho.



Ở nhà, ông nội dạy các cháu học. Tay run run, người viết cho các cháu tô. Người rất thích trồng cây cảnh (cây kiềng). Chiều chiều, người ra vườn chăm hoa, tỉa cành. Lúc rảnh, người ngâm thơ. Và người kể chuyện cổ-tích cho các cháu nghe.

Phát-âm.— Run run — Trồng cây cảnh — Chăm hoa — Rảnh.

NGỮ - VỤNG

☆ Ông

Bài giảng.— Ông em thích trồng cây cảnh. Tính-nết người hiền-lành. Người kể chuyện cho các cháu nghe. Người che-chở cho em khi bị nắng.

Học tiếng.— 1) Cây-cảnh, Tính-nết — 2) Tính-nết hiền-lành
3) Trồng cây, Kể chuyện, Che-chở.

☆

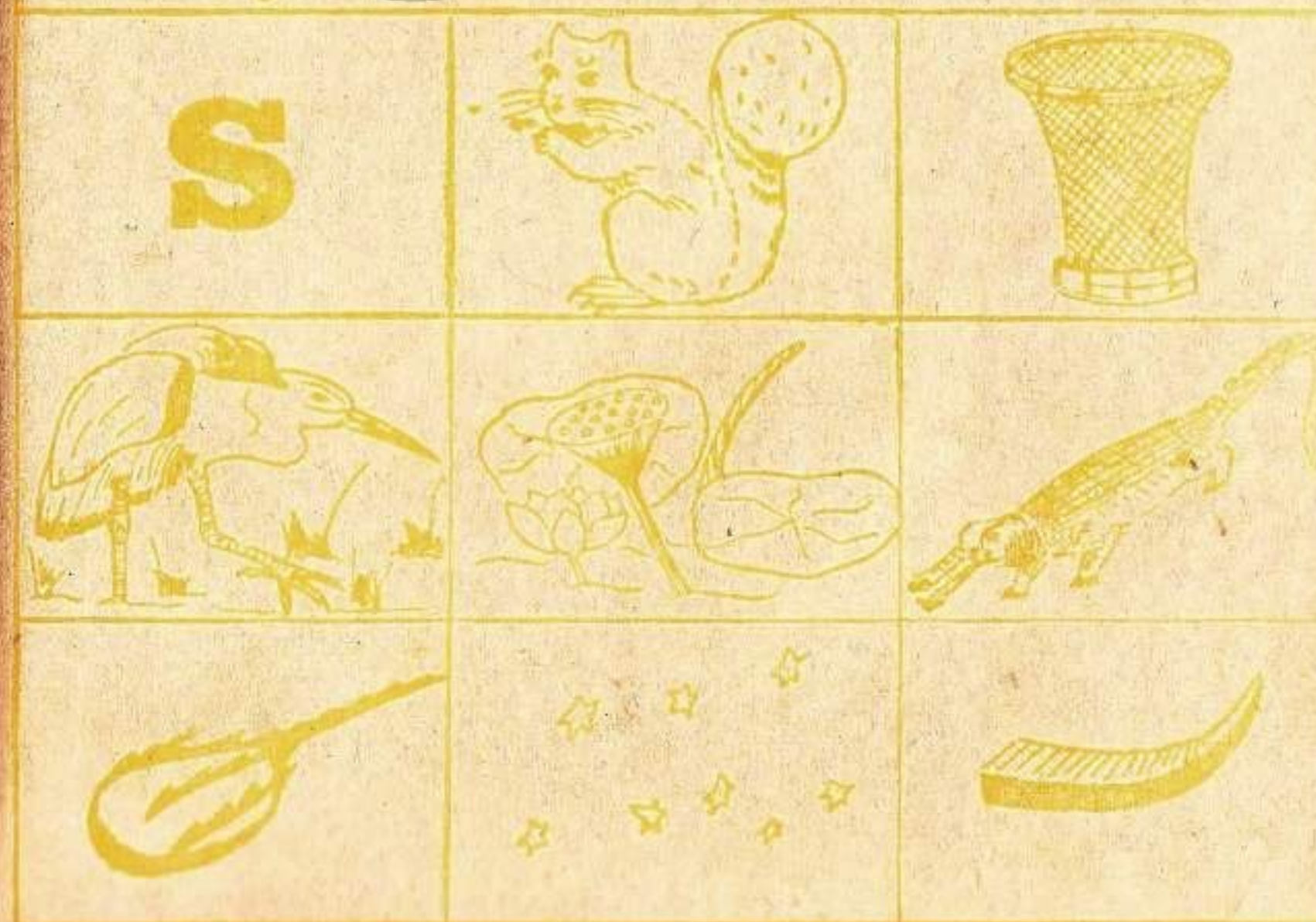
TẬP ĐỌC VUI

Hai ông cháu

Hai ông cháu nhà kia nghèo lắm! Ông đã già mà cháu mới bảy tuổi. Một bữa cháu xin được năm cơm. Cháu đưa cả năm cơm mời ông và nói: « Ông già rồi, mời ông soi kéo bị bệnh thì ai nuôi cháu? » Ông đáp: « Cháu còn bé, cần phải ăn để lớn! Cháu ăn đi! Ông nhìn vài bữa có sao! » Cháu nhìn ông, ông nhìn cháu. Sau có người bán bẻ năm cơm làm hai, lúc đó, hai ông cháu mới chịu cùng ăn.



Ông là anh của mẹ. 8





TẬP ĐỌC

Bên ông

Ông nói yêu các cháu. Các cháu cũng rất quý ông. Đi học về, Hùng trèo vào lòng ông ngồi. Hùng kể chuyện ở lớp cho ông nghe. Được nhiều điểm, Hùng mang sách ra khoe. Ông xoa đầu Hùng nói: «Cháu ngoan lắm! Mai kia ông sẽ mua quà cho cháu!»

Phát-âm.— Quý — Trèo vào lòng — Khoe — Xoa đầu — Ngoan.

NGŨ-VỤNG

Đổi với ông

Bài giảng.— Em quý ông em lắm. Đi học về, em kể chuyện ở trường cho ông nghe. Được điểm cao, em đem vở khoe ông.

Học tiếng.— 1) Điểm, Vở. — 2) Điểm cao.
3) Quý ông, Đem khoe, Kể chuyện ở trường.

H. T. L.

Chúc ông

Đầu năm, Bé kính chúc ông
Luôn luôn mạnh-khỏe, lưng còng thẳng lên.
Tóc sương trở lại màu đen,
Da mồi, má hóp, giờ thêm hồng-hào...

TẬP ĐỌC

Săn-sóc ông

Hùng chăm-lo săn-sóc ông. Nghe tiếng ông gọi, Hùng dạ thật to. Rồi Hùng tới xem ông cần gì? Hùng rót nước, lấy thuốc. Hùng đi mua hộp quẹt về để ông dùng. Chiều mát, Hùng dắt ông đi dạo... Hùng mong ông sống mãi với Hùng.

Phát-âm.— Chăm-lo — Săn-sóc — Rót nước — Dắt — Đi dạo.



NGŨ-VỤNG

Đổi với ông

Bài giảng.— Em rót nước, lấy thuốc hầu ông. Ông bảo điều gì, em làm ngay. Chiều mát, em dắt ông đi dạo.

Học tiếng.— 1) Nước, Thuốc — 2) Chiều mát.
3) Rót nước, Lấy thuốc, Đi dạo.



H. T. L.

Ông em

Ông em tóc bạc, răng long,
Mẹ cha em đốc một lòng kính yêu.

Bên ông, cứ mỗi buổi chiều
Chúng em nghe kể rất nhiều chuyện hay.





TẬP ĐỌC

Bà nội

Bà nội của Hùng chưa già bằng ông nội. Bà kém ông đến năm tuổi. Bà còn mạnh chân, khỏe tay. Mắt bà còn sáng. Tai bà nghe vẫn rõ. Bà nội rất hay làm. Bà không chịu ngồi yên một chỗ bao giờ... Bà giúp-đỡ cha mẹ Hùng được rất nhiều việc.

Phát-âm.— Mạnh chân — Khỏe tay — Mắt sáng — Nghe rõ.

NGŨ-VỤNG

☆
Bà

Bài giảng.— Bà em còn mạnh-khỏe. Mắt bà còn sáng. Tai bà nghe vẫn rõ. Bà em làm việc luôn tay.

Học tiếng.— 1) Mắt, Tai — 2) Bà mạnh-khỏe, Mắt sáng.
3) Làm việc.

H. T. L.

☆
Bà ơi !

Bà ơi ! Cháu rất yêu bà
Đi đâu bà cũng mua quà về cho.
Hôm qua có chiếc bánh bò
Bà chia cho cháu phần to nhất nhà !

TẬP ĐỌC

Chăm-nom cháu

Bà nội trông coi việc nhà giúp cha mẹ Hùng. Bà chăm-nom bầy cháu nhỏ. Bà cho chúng ăn, ru chúng ngủ. Có bà ở nhà, cha mẹ Hùng mới yên lòng đi làm. Thỉnh-thoảng bà lại đi lễ. Khi về, bà thường mua quà cho anh em Hùng.

Phát-âm.— Trông-coi — Chăm-nom — Ru — Thỉnh-thoảng.

NGŨ-VỤNG

☆
Bà

Bài giảng.— Bà cho cháu bé ăn và ru nó ngủ. Thỉnh-thoảng bà đi lễ. Bà thường mua quà về cho các cháu.

Học tiếng.— 1) Bà, Cháu, Quà — 2) Cháu bé.
3) Ru, Đi lễ, Mua quà.

TẬP ĐỌC VUI

Nuôi bà

Xưa, có một ông từng làm quan to ở trong triều. Về nhà, ông vẫn bưng cơm, rót nước hầu bà nội. Có người khuyên ông nên sai người nhà làm việc đó. Ông đáp : « Cha mẹ tôi mất sớm. Nếu bà nội tôi không nuôi tôi thì tôi đâu có ngày nay ? Tôi muốn tự tay tôi hầu bà tôi ! » Nói rồi ông tự tay đi lấy cơm cho bà soi. Thờai bấy giờ thường khen ông là người hiếu-nghĩa.



**TẬP ĐỌC****Hùng săn-sóc bà**

Hùng yêu ông thế nào thì quý bà như vậy. Bà thích ăn trầu. Hùng thường ra vườn hái trầu về mời bà. Em Liên khóc, Hùng tới dẫn em đi chơi. Thấy bà quét nhà, Hùng lại quét đống. Lúc nào Hùng cũng săn-sóc bà. Hùng chỉ sợ bà bị mệt.

Phát-âm.— Săn-sóc — Hái trầu — Quét nhà — Dẫn.

NGỮ-VỰNG**Đổi với bà**

Bài giảng.— Em quý bà em lắm. Em giã trầu để bà ăn. Em rót nước mời bà uống. Có cuốn truyện hay, em đọc để bà nghe.

Học tiếng.— 1) Trầu, Truyện. — 2) Truyện hay.
3) Rót nước, Giã trầu, Quý bà.

H.T.L.**Bà em**

Bà em vừa kể, vừa cười
Câu chuyện cô-tích có mười nàng tiên.
Chúng em chăm-chú ngồi yên
Bé Thơ thích quá, nhảy lên lòng bà.

TẬP ĐỌC

Hầu-hạ bà

Bà nội bị bệnh đã mấy hôm nay. Hùng cũng kém vui. Đi học về, Hùng vào thăm bà. Hùng sờ trán bà rồi hỏi: « Thưa bà, bà đã đỡ chưa? » Bà hé mắt nhìn Hùng. mỉm cười: « Đỡ rồi cháu ạ! » Rồi Hùng bóp chân, bóp tay cho bà.

Phát-âm. — Hầu-hạ — Kém vui — Sờ trán — Mỉm cười.

★

NGŨ - VỤNG

Đổi với bà

Bài giảng. — Khi bà đau, em bưng thuốc mời bà uống. Em bóp tay, bóp chân cho bà. Em đắp chăn ấm cho bà ngủ.

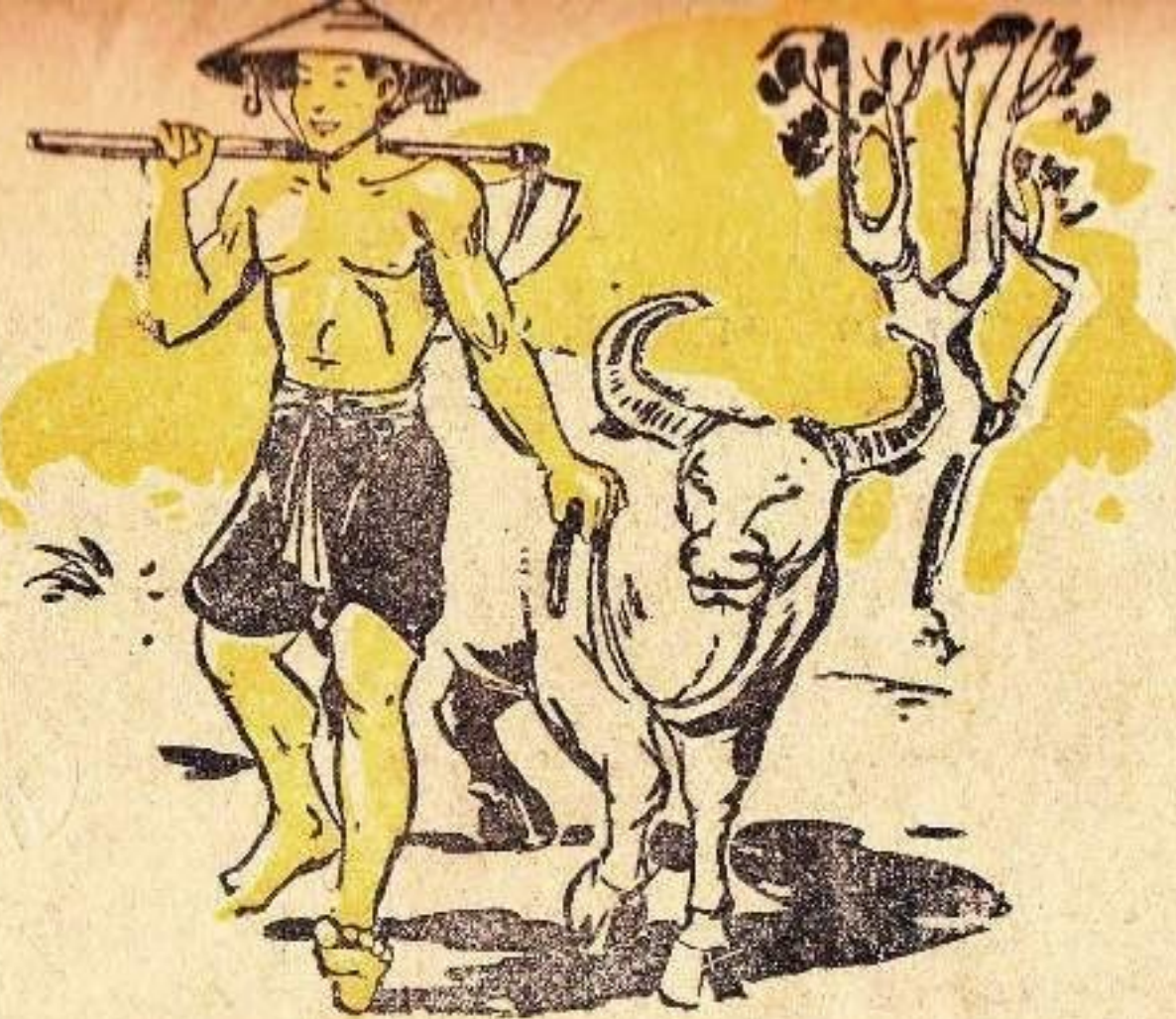
Học tiếng. — 1) Thuốc, Chăn — 2) Chăn ấm.
3) Bưng thuốc, Bóp chân, Bóp tay.

★

H.T.L.

Bé le...

Hôm qua làm tỉnh được mười,
Ở trường, Bé chạy một hơi về nhà.
Vội vàng Bé đến khoe bà,
Bà xoa đầu Bé: « Đúng là cháu tôi! »



TẬP ĐỌC

Cha của Hùng

Cha của Hùng đã bốn mươi tuổi. Người rất khỏe-mạnh. Bắp tay, bắp chân rắn chắc. Da mặt người đen xạm vì nắng. Suốt ngày, người cặm-cui làm việc cho gia-đình. Tính-nết cha Hùng lại dễ-dàng, vui-vẻ. Vì thế, người rất được lòng lối xóm.

Phát-âm. — Rắn chắc — Đen xạm — Cặm-cui — Dễ-dàng — Vui-vẻ.

★

NGŨ - VỤNG

Cha

Bài giảng. — Thân-hình cha em khỏe-mạnh. Người thường mặc quần-áo vải đen. Người làm việc kiếm tiền để nuôi gia-đình.

Học tiếng. — 1) Thân-hình, Quần-áo.
2) Thân-hình khỏe-mạnh, Vải đen. — 3) Làm việc, Kiếm tiền.

★

H. T. L.

Vì ai?

Chiều nay, em được ở nhà
Thấy mẹ đi cấy, thấy cha đi cày...
Đêm ngày, làm chẳng nghỉ tay,
Vì đàn con nhỏ, dạn-dày nắng mưa.

Sáng dậy Hùng đã không thấy cha đâu. Thì ra người đi làm từ sớm. Cha Hùng vất-vả như thế là vì các con. Cha Hùng đi làm để Hùng được cơm no, áo ấm. Lại còn sách-vở, giấy-bút, thuốc-men. Nếu cha Hùng không mua cho thì lấy ở đâu ra?

Phát-âm.— Sớm — Vất-vả — Sách-vở — Giấy-bút.



NGŨ-VỤNG

Công-ơn cha

Bài giảng.— Cha em đi làm để kiếm tiền. Nhờ người chúng em mới có cơm ăn, áo mặc. Cha chịu vất-vả để các con sung-sướng.

Học tiếng.— 1) Cơm, Áo, Tiền — 2) Con sung-sướng.
3) Đi làm, Kiếm tiền.

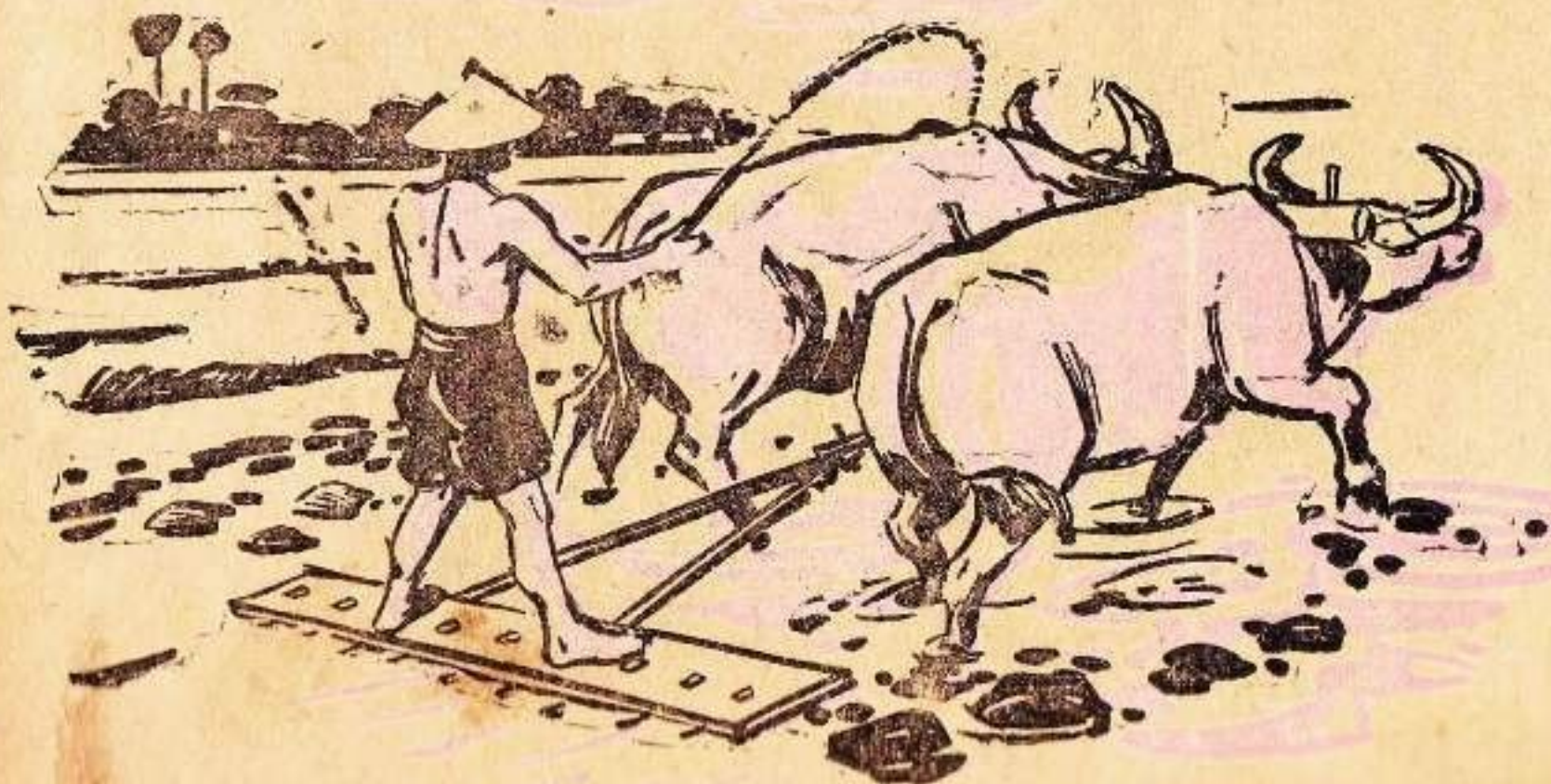


TẬP ĐỌC VUI

Đi đâu?

Ngày xưa, một cậu bé đang chơi ở cửa. Có người khách lạ đến đòi nợ cha mẹ cậu. Khách hỏi: «Cha, mẹ em đi đâu rồi?». Cậu bé lễ-phép đáp: «Thưa ông, cha cháu đi giết người, mẹ cháu đi cứu người ạ.» Ông khách lấy làm lạ hỏi mãi. Cậu bé chỉ cười mà không đáp...

(còn tiếp)



TẬP ĐỌC

Ai bênh-vực ?

Bính mồ-côi cha. Trẻ trong xóm thường bắt-nạt Bính. Bính khóc chạy về mách mẹ. Mẹ ôm Bính vào lòng, vỗ-về. Bà bảo: « Con nên tránh xa chúng. Cha con mất rồi thì ai bênh-vực con? Một mình mẹ che-chở cho con sao được? »

Phát âm. — Mồ-côi — Xóm — Bắt-nạt — Bênh-vực — Che-chở.



NGŨ-VỤNG

Công-ơn cha

Bài giảng. — Khi con đau, cha chạy thuốc. Cha che-chở cho con. Khi con bị ai ăn hiếp đã có cha bênh-vực.

Học tiếng. — 1) Thuốc. — 2) Con đau.
3) Chạy thuốc, Che-chở, Bênh-vực.



H.T.L.

Công ai ?

Nuôi con từ lúc sinh ra,
Đến khi khôn-lớn, ấy là công ai ?
Hỏi ai thức trắng đêm dài,
Đề cho con ngủ khỏi phai giấc nồng ?



TẬP ĐỌC

Con đi học

Cha Hùng rất săn-sóc các con. Khi Hùng đến tuổi là được đi học. Con nhớ ngày khai-giảng. Cha Hùng phải nghỉ ở nhà. Người đưa Hùng đi xin học. Người mua cho Hùng sách-vở. Người thường bảo: « Con cố học đi! Cha có vất-vả cũng vui lòng. »

Phát-âm. — Săn-sóc — Khai-giảng — Xin học — Vất-vả.

NGŨ-VỤNG

Công-ơn cha

Bài giảng. — Cha mẹ làm đơn xin học cho em. Người mua cho em sách-vở, bút-mực. Người mong em sẽ là học-trò ngoan.

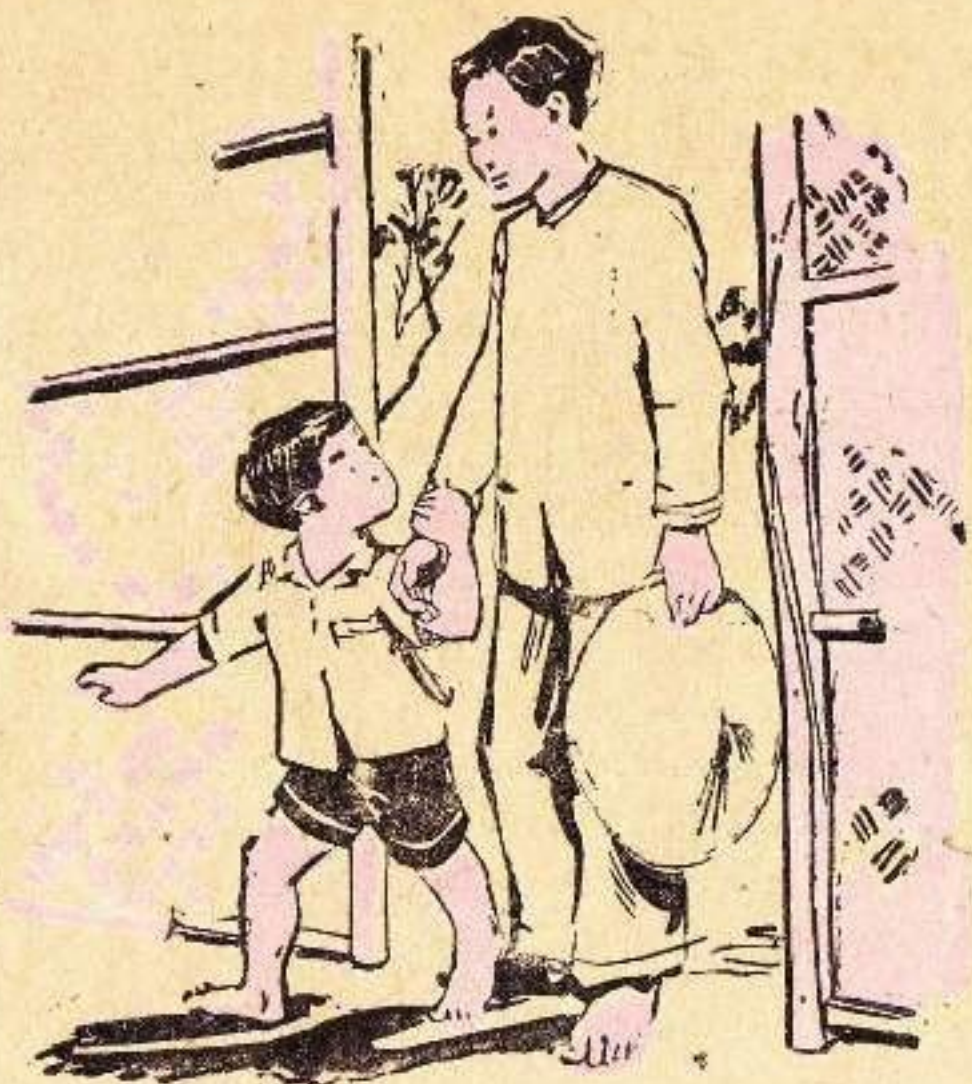
Học tiếng. — 1) Sách-vở, Bút-mực. — 2) Học-trò ngoan.
3) Làm đơn, Mua sách.



H.T.L.

Ơn cha

Cha em làm-lụng suốt ngày
Vun, trồng, cuốc, xới lo may áo quần
Và lo đầy-đủ cơm ăn
Cho em học-lập siêng-năng thành người.



TẬP ĐỌC

Sắn - sớt cha

Cha Hùng vừa đi làm về. Mồ-hôi chảy thành từng giọt. Hùng chạy ra thưa: « Con đã lấy sắn chậu nước mời ba vào rửa tay. » Cha Hùng nhìn Hùng, mỉm cười sung-sướng. Rửa mặt xong, cha Hùng vào trong nhà. Hùng bưng tách nước nóng ra mời cha uống.

Phát-âm.— Giọt — Chậu nước — Rửa tay — Sung-sướng.

NGŨ-VỤNG

Đổi với cha

Bài giảng.— Em đón cha đi làm về. Em đỡ nón cất đi. Rồi em lấy nước để cha rửa mặt. Cha sung-sướng vì con ngoan.

Học tiếng.— 1) Cha, Con, Nón — 2) Cha sung-sướng, Con ngoan
3) Đón, Đỡ nón, Lấy nước.

H.T.L.

Ghi nhớ

Mẹ cha vất-vả suốt ngày
Mong con ngoan-ngoãn, giỏi hay hơn người
Ơn cha mẹ, tựa biển trời

TẬP ĐỌC

Chờ ba

Uống nước xong, cha Hùng đi ăn cơm. Thấy mâm cơm còn nguyên, ông hỏi: « Chưa ai ăn ư? » Mẹ Hùng đáp: « Tôi đã bảo các con ăn trước. Nhưng chúng không chịu! » — « Sao thế? » — « Thưa ba chúng con chờ ba... » — « Ngoan lắm! Nhưng từ sau có đói, ba cho phép cứ ăn trước. »

Phát-âm — Còn nguyên — Ăn trước — Chờ — Cho phép.

NGŨ-VỤNG

Đổi với cha

Bài giảng.— Em quý cha em lắm. Em vâng lời người. Có món ăn ngon, em để phần cha. Em thường kể chuyện việc học cho cha nghe.

Học tiếng — 1) Món ăn, Việc học. — 2) Món ăn ngon.
3) Quý cha, Vâng lời, Để phần.

TẬP ĐỌC VUI

Đi đâu? (tiếp theo)

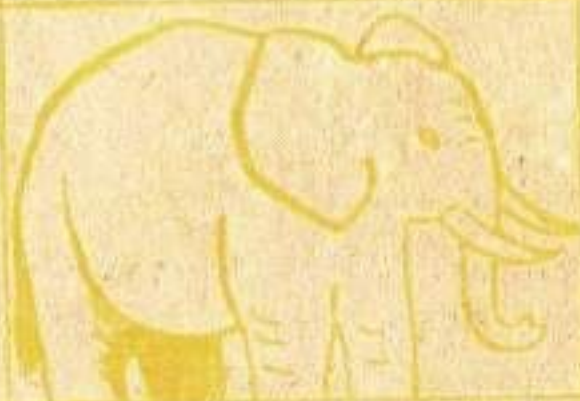
Sau dùng người khách hứa: « Nếu em nói rõ cho ta biết cha mẹ em đi đâu, ta sẽ xóa nợ cho. » Cậu bé hỏi lại: « Ông nói thật chứ? » Khách đáp: « Sao lại không thật! Ta là người lớn mà! » Lúc ấy cậu bé mới cười và cắt nghĩa: « Thưa ông, cha cháu đi nhổ mạ, mẹ cháu đi cấy lúa. Như thế chẳng là giết người và cứu người là gì? »





Em vẽ mẹ em

V



TẬP ĐỌC

Mẹ của Hùng

Mẹ của Hùng vốn gầy- ốm. Mặt bà hình trái soan. Nước da hơi xanh. Suốt ngày, bà không rảnh lúc nào. Bà ăn-mặc rất xuềnh-xoàng. Tính bà hiền-lành. Bà làm mọi việc trong nhà. Tuy vất-vả mà bà vẫn vui vì thấy các con ngoan.

Phát-âm.— Gầy-ốm — Trái soan — Xuềnh-xoàng — Rảnh.

NGŨ - VỤNG

★

Mẹ

Bài giảng.— Thân-hình mẹ em gầy-ốm. Tính-nết người hiền lành. Người trông-coi nhà-cửa và săn-sóc con-cái.

Học tiếng.— 1) Thân-hình, Tính-nết.

2) Thân-hình gầy-ốm.— 3) Trông-coi nhà-cửa, Săn-sóc con-cái.

H.T.L.

★

Mẹ em

Mẹ em buôn-bán, tảo-tần
Ngày ngày đi chợ, đỡ-dần cho cha
Sáng, từ khi có tiếng gà
Mẹ em đã dậy, quét nhà, nấu cơm.

Sáng sáng mẹ Hùng thường dậy sớm. Bà thu-dọn nhà-cửa. Bà xếp đồ-đặc, chần-mùng lại. Cho con ăn xong, bà vội đi chợ. Ở chợ về, bà vào bếp làm cơm. Nhờ thế mà cả nhà có cơm dẻo, canh ngọt. Lúc rảnh bà lại vá quần-áo rách cho các con.

Phát-âm.— Sáng — Sớm — Thu-dọn — Cơm dẻo — Quần rách.

NGŨ-VỤNG

Công-ơn mẹ

Bài giảng.— Sáng dậy, mẹ em thu-dọn nhà-cửa. Rồi người đi chợ và làm cơm. Lúc rảnh, mẹ em đem quần-áo rách ra vá.

Học tiếng.— 1) Nhà-cửa, Quần-áo — 2) Quần-áo rách.
3) Thu-dọn, Đi chợ, Làm cơm, Vá quần-áo.

H. T. L.

Nhớ mẹ

Người ta về chợ lâu rồi,
Cháu mong mẹ cháu, đừng ngồi không yên...
Bà ơi! Kìa má con Liên
Đang cho nó bánh, cháu thèm làm sao!



TẬP ĐỌC

Thức trắng đêm!

Hùng vừa nằm xuống là đã ngủ ngay. Còn mẹ Hùng đêm nào cũng phải dậy đến ba, bốn lần. Nào cho con bú. Nào đắp chăn, mặc áo cho con lớn. Nhiều khi mẹ Hùng thức trắng đêm. Vành mắt bị thâm lại. Vẻ mặt mệt-mỏi. Thực là cực-nhọc vô cùng!

Phát-âm.— Trắng đêm — Mệt-mỏi — Cực-nhọc.

NGŨ-VỤNG

Công-ơn mẹ

Bài giảng.— Mẹ em thức khuya, dậy sớm. Vành mắt bị thâm lại. Mẹ em chịu cực vì chúng em.

Học tiếng.— 1) Vành mắt, Vẻ mặt. — 2) Vành mắt thâm.
3) Thức khuya, Dậy sớm, Chịu cực.

H. T. L.

Hỏi ai?

Hỏi ai ôm-ấp, bế-bồng?
Nhịn ăn cốt để no lòng con yêu?
Hỏi ai săn-sóc sớm chiều?
Vì con cam chịu bao điều đắng-cay!

Hùng bị sốt phải nằm ở trong phòng. Mẹ Hùng kéo chăn đắp kín ngực cho con. Rồi bà xoa dầu khắp mình Hùng. Hùng phải kiêng cơm. Mẹ Hùng nấu cháo. Thuốc đã mua về. Bà vội lấy cho con uống. Bà mong cho Hùng chóng khỏi.

Phát-âm.— Sốt — Xoa dầu — Kiêng (cữ) — Chóng khỏi.



NGỮ DỤNG

Công-ơn mẹ

Bài giảng.— Khi con bị đau thì mẹ săn-sóc. Mẹ đắp chăn, nấu cháo cho con. Mẹ lấy thuốc cho con uống.

Học tiếng.— 1) Chăn, Cháo, Thuốc. — 2) Con đau.
3) Đắp chăn, Nấu cháo, Lấy thuốc.



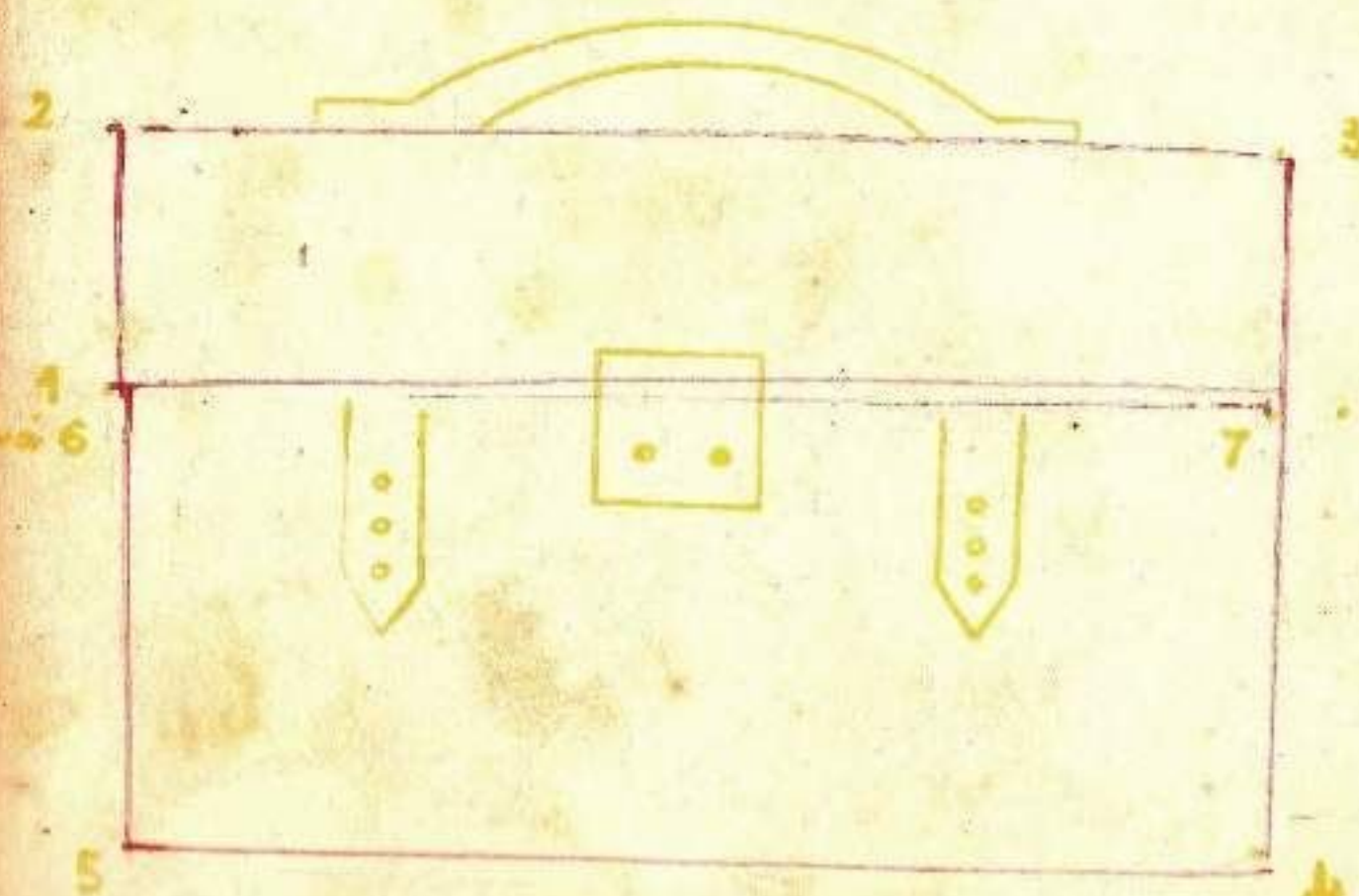
TẬP ĐỌC VUI

Đánh hổ

Nguyễn-Áng cùng mẹ vào rừng kiếm củi. Chợt một con hổ lớn nhảy ra vồ mẹ, Nguyễn-Áng vội xông vào đánh hổ, Áng cầm dao bổ lên đầu hổ. Mặc dầu bị hổ cắn cào, Áng vẫn không sợ. Rồi cuộc hổ phải bỏ chạy trốn. Nguyễn-Áng công mẹ về nhà phục thuốc. Nhờ lòng yêu mẹ, Nguyễn-Áng đã thắng được hổ dữ.



uonngxua.vn





TẬP ĐỌC

Hùng giúp mẹ

Mẹ Hùng vất-vả suốt ngày. Hùng thương mẹ lắm! Đi học về, Hùng vào bếp giúp mẹ. Hùng nhặt dờ mẹ những ngọn rau sâu. Hùng quét bếp. Mẹ Hùng cần thức gì, Hùng chạy đi mua ngay. Thấy con ngoan, mẹ Hùng quên cả mệt-nhọc.

Phát-âm.— Vất-vả — Rau sâu — Quét bếp — Ngoan.



NGŨ-VỤNG

Đổi với mẹ

Bài giảng.— Em giúp mẹ những việc vất. Em nhặt rau, quét bếp. Có khách tới, em rửa chén, rót nước mời.

Học tiếng.— 1) Rau, Bếp, Chén. — 2) Việc vất.
3) Nhặt rau, Quét bếp, Rửa chén, Rót nước.



H. T. L.

Em muốn

Em muốn chiều nay, em học giỏi
Về nhà, mẹ gọi : «Cực cưng ơi!»
Riêng cha sung-sướng, cười không nói,

TẬP ĐỌC

Vâng lời mẹ

Hôm nay mẹ Hùng đi chợ. Bà dặn Hùng trông em. coi nhà. Ngoài đường có tiếng trống mùa lân Bảy đến rủ Hùng đi coi. Hùng nói : «Hôm nay, mẹ tôi dặn tôi trông nhà. Tôi phải vâng lời của mẹ tôi chứ ! Không vâng lời mẹ, mẹ buồn thì sao?»

Phát-âm.— Trống — Rủ — Dặn trông nhà — Vâng lời.



NGŨ-VỤNG

Đổi với mẹ

Bài giảng.— Mẹ em cần đồ-dùng gì em chạy đi kiếm. Khi mẹ đi vắng, em coi nhà, trông em bé.

Học tiếng.— 1) Đồ dùng — 2) Em bé.
3) Đi kiếm, Coi nhà, Trông em.



H. T. L.

Bé ngoan

Ở nhà, mẹ bận xiết bao

Ngoài giờ đi học, Bé vào đỡ tay.

Quét nhà, xách nước, tưới cây

Mẹ khen Bé giỏi mà thầy cũng yêu.





TẬP ĐỌC

Anh Thạch

Anh Thạch đã lớn. Anh Thạch hơn Hùng đến mười tuổi. Hiện nay, anh theo học ở tỉnh. Mỗi kỳ nghỉ lễ, anh Thạch lại về quê. Anh thăm cha mẹ và các em. Đó là dịp vui-vẻ nhất. Các em quần-quít bên anh. Anh âu-yếm cười-đùa với các em...

Phát-âm.— Kỳ nghỉ — Quần-quít — Âu-yếm cười-đùa.



NGŨ-VỤNG

Anh

Bài giảng.— Anh tôi đi học ở tỉnh. Thân-hình anh tôi cao lớn khỏe-mạnh. Anh tôi thường mặc áo sơ-mi trắng, quần dài xanh.

Học tiếng.— 1) Thân-hình, Áo sơ-mi, Quần.
2) Thân hình cao-lớn, khỏe-mạnh. — 3) Đi học.



H. T. L.

Anh em

Anh em cùng mẹ, cùng cha,
Cùng chung dưới một mái nhà vui thay.
Anh em như thề chân tay
Như chim cùng tổ, như cây cùng vườn...

TẬP ĐỌC

Anh với em

Hùng đem sách ra khoe anh. Anh Thạch vuốt tóc Hùng, khen ngoan. Rồi anh giảng bài cho Hùng. Thấy thế, Mai lại bắt anh kể chuyện. Anh Thạch bế các em lên lòng. Rồi anh kể cho các em nghe chuyện ở tỉnh. Các em rất yêu anh!

Phát-âm.— Khoe — Ngaoan — Giảng bài — Kể chuyện.



NGŨ-VỤNG

Anh

Bài giảng.— Anh lấy sách dạy em học. Em đòi nghe kể chuyện và làm đồ-chơi. Anh vui-vẻ chiều ý em.

Học tiếng.— 1) Sách, Đồ-chơi. — 2) Anh vui-vẻ
3) Dạy, Kể chuyện, Chiều ý.



TẬP ĐỌC VUI Trần An, Trần Ích

Trần An, Trần Ích là hai anh em ruột. Một năm mất mùa đói-kém. Cả hai bị giặc bắt để ăn thịt. Trần An nói: « Thưa ông em tôi gây ốm, còn tôi béo mập. Xin ông tha cho em tôi mà ăn thịt tôi! » Trần Ích vội cướp lời: « Thịt anh tôi già rồi không ngon bằng thịt tôi còn non. Xin ông tha cho anh tôi. » Thấy anh em thương nhau, giặc cảm-động tha chết cho cả hai...





Cháu phải hình nên ông bà



TẬP ĐỌC **Nhường anh**

Hùng hái được trái ổi chín. Trái ổi thơm lắm, nhưng Hùng không ăn. Hùng chạy đi tìm anh Thạch. Hùng đặt trái ổi vào tay anh. Thạch chưa kịp hỏi thì Hùng đã nói: «Anh ăn đi! Em đề phần anh đấy! Ở nhà chúng em được ăn nhiều rồi!»

Phát-âm.— Trái chín — Chưa kịp hỏi — Phần anh.

NGŨ-VỰNG **Đổi với anh**

Bài giảng.— Anh yêu-quí em. Các em vâng lời anh. Thấy anh em hòa-thuận, cha mẹ rất vui-vẻ.

Học tiếng.— 1) Anh, Em, Cha, Mẹ.

2) Anh em hòa-thuận, Cha mẹ vui-vẻ — 3) Yêu-quí, Vâng lời.

H. T. L. **Được thưởng**

— «Em anh chăm học nhất nhà
Hôm nay được thưởng thật là đáng yêu!».

Em cười, anh cũng cười theo
— «Sang năm lại cố gắng nhiều nữa cơ!»

TẬP ĐỌC

Chị Trang

Chị Trang ở nhà giúp-đỡ cha mẹ. Chị chăm-nom, săn-sóc các em. Mỗi sáng, chị Trang đánh thức Hùng dậy. Rồi chị chải răng, rửa mặt cho các em. Chị giặt quần-áo cho cả nhà. Nhờ có chị Trang mà mẹ Hùng cũng đỡ vất-vả.

Phát-âm.— Giúp-đỡ — Chăm-nom — Săn-sóc — Vất-vả.

★

NGŨ-VỤNG

Chị

Bài giảng.— Chị tôi trông-nom việc nhà đỡ mẹ tôi. Chị tôi hiền-lành, chăm-chỉ. Chúng tôi mến chị tôi lắm.

Học tiếng — 1) Chị, Việc nhà — 2) Chị hiền-lành,
3) Trông-nom việc nhà, Mến chị.

★

H. T. L.

Gia-đình em

Cha em chỉ thích trồng cây
Mẹ em lại nghiện trầu cay, thuốc Lào.
Anh em vừa lớn, vừa cao
Chị em hiền-hậu, lúc nào cũng vui...



TẬP ĐỌC

Vá áo cho em

Ở trường, Hùng vô ý làm rách áo. Hùng lo bị cha mẹ mắng (rầy). Về nhà, Hùng có vẻ không vui. Chị Trang gọi Hùng lại hỏi. Hùng thú thật cùng chị. Chị lấy kim chỉ ra vá giúp. Rồi chị dặn: «Mai kia đi học, em phải cần-thận nhé!»

Phát-âm.— Rách áo — Thú thật — Kim chỉ — Cần-thận.

★

NGŨ-VỤNG

Chị

Bài giảng.— Chị bế-ẵm em. Chị chải răng, rửa mặt cho các em. Quần-áo rách đã có chị vá giúp.

Học tiếng.— 1) Em, Quần-áo. — 2) Quần-áo rách.
3) Bế-ẵm, Chải răng, Rửa mặt, Vá.

★

H. T. L.

Chị em

Chị em mười mấy tuổi rồi
Tính-tình vui-vẻ, miệng cười hồn-nhiên.
Chị thường âu-yếm bảo em :
«Giờ em còn bé, phải chuyên học-hành.»

Chiều qua trời mưa to. Chị Trang vô-ý trượt chân ngã. Chị chưa đứng dậy được. Hùng vội chạy tới. Em nắm tay kéo chị dậy. Hùng vừa phủ áo cho chị, vừa hỏi: «Chị có đau không?» Trang cười đáp: «May quá! Không việc gì em ạ.»

Phát-âm.— Trượt chân ngã — Kéo chị dậy — Phủ áo.

★

NGŨ-VỤNG

Đối với chị

Bài giảng.— Tôi mến chị tôi lắm. Chị tôi bảo gì, tôi vâng lời ngay. Tôi làm đỡ chị tôi những việc vặt.

Học tiếng.— 1) Chị, Em — Việc vặt,
3) Bảo, Vâng lời, Mến.

★

TẬP ĐỌC VUI

Chị cũng như mẹ

Ông Lê Tùng làm quan to về đời Trần. Ở nhà, ông bắt mọi người tôn-kính bà chị ruột như là mẹ. Ông thường kể rằng: «Cha mẹ ta mất sớm. Chính nhờ chị ta nuôi cho ăn học nên ta mới có ngày nay. Như vậy chị ta có khác gì mẹ? Ta phải kính chị như mẹ vậy.» Ông Lê Tùng thật là một người em hiếu có!



TẬP VIẾT

Một lòng thờ mẹ, kính cha.

X



TẬP ĐỌC**Em bé**

Em bé của Hùng rất xinh. Mặt nó tròn. Trán nó rộng và cao. Hai mắt nó đen và tròn như hạt nhãn. Má em bé phình-phính khiến ai cũng muốn hôn. Em bé hay cười lắm! Thấy Hùng về là nó đòi bế. Hùng lại ẵm em đi chơi.

Phát-âm.— Xinh — Má phình-phính — ẵm em.

NGŨ-VỤNG**Em bé**

Bài giảng.— Em bé đã biết đi. Da em trắng. Chân tay em tròn và mập. Em bé hay cười và nói chuyện.

Học tiếng.— 1) Da, Chân tay. — 2) Da trắng, Chân tay tròn và mập. — 3) Đi, Cười, Nói chuyện.

H. T. L.**Em tôi**

Con chim nó hót trên cành,
Em tôi thức giấc, cựa mình trong nôi.
Ngây-thơ, em nhoẻn miệng cười
Cặp môi xinh-đẹp như trời đầy hoa.

TẬP ĐỌC**Đề phần cho em**

Hùng yêu em lắm. Một hôm chú Minh mua cho Hùng gói kẹo. Hùng định mở ra ăn. Hùng chợt nghĩ đến em. Hùng vội bỏ gói kẹo vào túi đem về. Chú Minh hỏi: « Tại sao Hùng không ăn kẹo? » Hùng đáp: « Thừa chú! Cháu đề phần cho em cháu ạ! »

Phát-âm.— Gói kẹo — Chợt nghĩ — Túi — Chú.

NGŨ-VỤNG**Yêu em**

Bài giảng.— Có quà, tôi nhường em phần to. Tôi dỗ em để má làm cơm. Chiều chiều tôi bế em đi chơi.

Học tiếng.— 1) Em, Quà. — 2) Phần to.
3) Bế em, Dỗ em, Nhường em.

H. T. L.**Nựng em**

À ầu! Em bé chị à!
Em cũng có muốn ăn quà hay không?
Má vừa cho chị một đồng
Chị ra mua chiếc kẹo hồng em ăn...





TẬP ĐỌC

Chơi với em

Mẹ bận làm cơm. Hùng trông em cho mẹ. Hùng mang hộp chì màu ra cho em chơi. Em đòi hết màu này đến màu khác. Hùng hết sức chiều em cho em khỏi khóc. Mẹ vẫn bảo: «Hùng ngoan lắm! Hùng bé mà đã biết nhường em.»

Phát-âm.— Trông em — Chiều em — Khỏi khóc — Nhường em.



NGŨ-VỤNG

Đối với em

Bài giảng.— Em bé đòi đồ-chơi, tôi cho ngay. Em tôi trêu, tôi chỉ cười. Tôi nhường em tôi để nó khỏi khóc.

Học tiếng.— 1) Đồ-chơi — 2) Em bé.
3) Đòi, Cho, Cười, Khóc.



H. T. L.

Ru em

À ơi !.. Em ngủ đi thôi
Đề chị làm bếp không thời cơm khê...
Nín đi, mẹ cũng sắp về
Thì em lại được no-nê chứ gì !

TẬP ĐỌC

Hùng ở nhà

Ở nhà, Hùng kính-mến ông bà. Hùng yêu-quí cha mẹ. Anh, chị bảo điều gì, Hùng vâng lời. Hùng nhường-nhịn các em. Hùng đối với người làm rất tử-tế. Thấy con ngoan, cha mẹ Hùng rất vui lòng. Về đến nhà cha mẹ Hùng quên hết mọi sự vất-vả.

Phát-âm.— Nhường-nhịn — Tử-tế — Vui lòng — Vất-vả.



NGŨ-VỤNG

Đối với mọi người

Bài giảng.— Ở nhà, tôi quý-mến ông bà. Tôi vâng lời cha mẹ. Anh chị em tôi nhường-nhịn lẫn nhau. Cảnh gia-đình tôi rất êm-ấm.

Học tiếng.— 1) Ông bà, Cha mẹ, Anh chị em.

2) Gia-đình êm-ấm. — 3) Quý-mến, Nhường-nhịn, Vâng lời.



TẬP ĐỌC VUI

Trái cam

Thấy Thành ngoan, mẹ cho Thành trái cam. Thành đem trái cam cho em Lan vừa khỏi bệnh. Lan cắt trái cam để phân bố. Bố cũng không ăn lại đem biếu bà nội. Bà nội thấy thế rất cảm-động. Bà bỏ trái cam ra rồi đem chia cho cả nhà. Mỗi người chỉ ăn một miếng cam nhỏ. Vậy mà họ thấy cam ngon-ngọt vô-cùng...



Giải-đáp tranh giải-trí

- Trang 9.— Trường học. (Nối từ số 1 đến số 10).
- 14.— Em bé đi học. (Tô màu đỏ vào chỗ có dấu chấm).
- 19.— Âu trầu (ó) — Âm em — Áo — Ảnh (hình) — Am (miếu) — Ang — Ao — Ăn.
- 24.— Bò — Binh — Bắn — Bí rợ — Bếp — Bầu rượu — Buồm — Bắp.
- 29.— Tủ đựng thuốc. (Nối số từ số 1 đến số 9).
- 34.— Cà — Càng cua — Cặp — Cà-rà (nhấn) — Cánh — Công — Cáo-cáo — Càn.
- 39.— Điều — Dép — Dao — Dừa — Dùi — Dế — Dù — Dê.
- 44.— Bản-đồ Việt-nam. (Tô màu vàng vào chỗ có dấu chấm).
- 49.— Dấu — Đũa — Đám — Đe — Đèn dầu — Đinh — Đồng hồ — Đàn.
- 54.— Guốc — Ghe (thuyền) — Gương — Gấu — Ghế — Gối — Gào — Gang tay.
- 59.— Bút và bình mực. (Nối số từ 1 đến 12).
- 64.— Hàn-thử biểu — Hớt tóc — Heo rừng — Hỏa-lò — Hồ — Hũ — Hành — Hộp.
- 69.— Kèn — Kiến — Khóa — Kèo — Khỉ — Kệ — Khoan — Kinh (kiếng).
- 74.— Con voi. (Tô màu xanh vào chỗ có dấu chấm).
- 79.— Lịch — Lược — Ly — Lư — Lưỡi câu — Lê — Lồng chim — Lựu-dạn.
- 84.— Mặc-áo — Mã-tấu — Mừng — Mai — Muối — Mèo — Mặt-trời — Me.

(Xem tiếp trang 168)



1	Khai trường, Đi học, Nhà trường, Nhà trường (tt)	Ngày khai trường, Hùng đi học. Trường mới, Trường mới (tt).
2	Cổng trường, Sân trường, Vườn hoa, Vườn rau	Ngoài cổng trường, Ở ngoài sân, Thăm vườn, Nhỏ cò.
3	Cột cờ, Nhà chơi, Nhà tiêu, Hồ nước	Cột cờ, Vào nhà chơi, Hùng đi tiêu, Hùng rửa tay.
4	Lớp học, Lớp học (tt), Văn phòng, Phòng đọc sách.	Lớp năm, Hùng vào lớp, Đi xin học, Hùng đọc sách.
5	Phòng hiệu đoàn, Tủ học cụ, Phòng phát thuốc, Bàn giấy.	Phòng hiệu đoàn, Hai chiếc tủ, Buộc thuốc, Bàn giấy.
6	Bàn giấy, Ghế dựa, Tủ, Bàn học trò.	Trên bàn giấy, Ghế dựa của thầy, Tủ đứng, Bàn học trò.
7	Ghế dài, Bảng lớn, Bảng ni, Tranh ảnh	Cái ghế dài, Tầm bảng lớn, Bảng ni, Bức tranh màu.
8	Bảng danh dự, Thời khóa biểu, Bảng sĩ số, Bảng xếp hạng.	Thẻ mới thích chữ, Có bài gì?, Ai vắng mặt, Cờ gắng thêm.
9	Bảng chương trình, Bảng âm đọc, Trồng, Quyển sách in.	Xem chương trình, Thăm lớp, Tiếng trống trường, Sách tập đọc.
10	Quyển sách in, Cuốn vở, Bút, Thước.	Quyển sách tập đọc, Cuốn vở, Chiếc quần bút, Trong giờ vẽ.
11	Chì, Lọ mực, Cục tẩy, Bảng con.	Bút chì đen, Lọ mực, Tẩy khéo, Những chiếc bảng con.
12	Giấy thấm, Đồ khâu, Bó thẻ, Chì màu	Dùng giấy thấm, Hộp đồ khâu, Bó thẻ tre, Tô màu.
13	Xếp hàng, Chào cờ, Vào học, Đọc bài.	Khi xếp hàng, Lễ chào cờ, Trở về lớp, Hùng đọc bài.
14	Chép bài, Lau bàn, Quét lớp, Xóa bảng	Hùng chép bài, Hùng lau bàn, Quét lớp, Hùng xóa bảng.
15	Chăm bài, Giảng bài, Kể chuyện, Ghi điểm.	Thầy chăm bài, Giảng bài mới, Thấy kể chuyện, Ghi điểm.
16	Tan học, Hát, Múa, Đọc đồng thanh.	Lúc tan học, Học hát, Dưới ánh trăng, Đọc đồng thanh.
17	Ngũ vụng, Tập đọc, Học thuộc lòng, Tập chép	Học ngũ vụng, Bài tập đọc, Thích nhất, Hùng tập chép.
18	Chính tả, Tập viết, Đức dục, Công dân giáo dục	Viết chính tả, Hùng ngồi viết, Có phép, Công dân giáo dục.
19	Quan sát, Toán, Toán (tt), Vệ sinh.	Giờ quan sát, Hùng học toán, Máy mét? Quên rửa tay.
20	Vẽ, Thủ công, Hoạt động t. n, Toán	Thích vẽ, Cắt dán hình, vui quá, Toán ba
21	Góc Toán, Toán trường, Hợp toán, Học chuyên môn	Trang hoàng, Làm toán trường, Buổi họp toán, Làm nút dẹt.
22	Giờ chơi, Giờ chơi (tt), Thẻ dục, Thẻ dục (tt).	Giờ ra chơi, Hùng chơi đùa, Tập thẻ dục, Tập thẻ dục (tt).
23	Các trò chơi, Đánh bi, Đánh cầu, Chuyển banh	Các trò chơi, Cường đánh bi, Đánh cầu, Chuyển banh
24	Nhảy dây, Đánh chuyền, Mèo bắt chuột, Trong khi chơi	Các em nhảy dây, Đánh chuyền, Mèo bắt chuột, Rờ mắt.
25	Đi chơi, Cắm trại, Ông, Ông (tt).	Đi chơi, Đi cắm trại, Ông nội, Ở nhà
26	Đôi với ông, Đôi với ông (tt), Bà, Bà (tt).	Bên ông, Sân sóc ông, Bà nội, Chăm nom cháu.
27	Đôi với bà, Đôi với bà (tt), Cha, Công ơn cha.	Sân sóc bà, Hầu hạ bà, Cha của Hùng, Vì các con.
28	Công ơn cha, Công ơn cha (tt), Đôi với cha, Đôi với cha.	Con đi học, Ai bệnh vực?, Sân sóc cha, Chờ ba.
29	Mẹ, Công ơn mẹ, Công ơn mẹ, Công ơn mẹ.	Mẹ của Hùng, Cơm dẻo canh ngọt, Thức trắng đêm, Mẹ săn sóc Hùng
30	Đôi với mẹ, Đôi với mẹ, Anh, Anh (tt)	Hùng giúp mẹ, Vâng lời mẹ, Anh Thạch, Anh với em,
31	Đôi với anh, Chị, Chị (tt), Đôi với chị	Nhường anh, Chị Trang, Vá áo cho em, Chị ngã em nâng.
32	Em bé, Yêu em, Đôi với em, Đôi với mọi người.	Em bé, Để phần em, Chơi với em, Hùng ở nhà.

HỌC THUỘC LÒNG	TẬP ĐỌC VUI	TRANH GIẢI TRÍ	TỪ TR ĐỀ TR
Ngày khai trường, Trước giờ đi học. Trường em.	Ô tô đỏ	Nội số tìm hình.	5 — 9
Cổng trường, Sân trường, Làm vườn.	Đề đền ngày mai.	Tô màu tìm hình.	10 — 14
Cột cờ, Nhà chơi, Lúc đi tiêu.	Chào ai?	Xem hình đọc tên.	15 — 19
Trong lớp, Lớp năm, Ở văn phòng	Dốt như bò.	— — —	20 — 24
Hộp hiệu đoàn, Rất vui, Khởi mắt tiến	Đố vô ơn	Nội số tìm hình.	25 — 29
Đọc bài, Sung sướng quá, Trường em	Đàn một trong tủ,	Xem hình đọc tên.	30 — 34
Dây bàn, Sạch sẽ, Xem tranh.	Bảng và phấn.	— — —	35 — 39
Bảng danh dự, Báo em, Xếp hạng cao	Qua cầu.	Tô màu tìm hình.	40 — 44
Ở nhà, Đọc bài, Nghe tiếng trống.	Tờ giấy bọc ngoài	Xem hình đọc tên.	45 — 49
Cửa em, Lời cuốn vở, Cửa em	Bút gỗ và bút máy.	— — —	50 — 54
Bút chì, Cuốn vở mới, Cửa em (tt)	Xin lỗi anh nhé!	Nội số tìm hình.	55 — 59
Lời thầy, Cái kim, Tập dề.	Bê đũa.	Xem hình đọc tên.	60 — 64
Xếp hàng đôi, Chào cờ, Trồng vào.	Đeo kính.	— — —	65 — 69
Chép bài, Lại càng bóng hơn, Đội gà	Chớ vội cười lâu.	Tô màu tìm hình.	70 — 74
Chăm bài, Lời thầy, Kể chuyện nước ta.	Không oán thầy.	Xem hình đọc tên.	75 — 79
Tan học, Hát lên, Dưới trăng	Vẽ và Kiền.	— — —	80 — 84
Thấy khen, Được khen. Được khen (tt)	Gà bơi.	Nội số tìm hình.	85 — 89
Cô giáo lớp Năm, Tập viết, Lời thầy.	Hai lưỡi cày.	Xem hình đọc tên.	90 — 94
Tuổi thơ, Làm tính, Hồi em.	Bản chim.	— — —	95 — 99
Vẽ tranh, Khéo tay, Hoạt động thanh niên	Vẽ ma để.	Tô màu tìm hình.	100 — 104
Vòi quả, Toán trường, Toán ba, Chúng em	Bưởi nôi.	Xem hình đọc tên.	105 — 109
Giờ chơi, Chúng em, Buổi sáng.	Chạy thi	— — —	110 — 114
Các trò chơi, Chạy thi, Ngoài sân	Phạm ngũ Lão	Nội số tìm hình.	115 — 119
Nhảy dây, Chuyển một chuyển hai, Con mèo.	Con voi đất	Xem hình đọc tên.	120 — 124
Yêu quê, Ma lười, Ông em.	Hai ông cháu.	— — —	125 — 129
Chúc ông, Ông em, Bà ơi!	Nuôi bà.	Tô màu tìm hình.	130 — 134
Bà em, Bé le, Vì ai?	Đi đâu?	Xem hình đọc tên.	135 — 139
Ơn cha, Công ai?, Ghi nhớ.	Đi đâu (tt)?	— — —	140 — 144
Mẹ em, Nhớ em, Hồi ai?	Đánh hồ.	Nội số tìm hình.	145 — 149
Em muốn, Bé ngoan, Anh em.	Trần An, Trần Ích.	Tô màu tìm hình.	150 — 154
Được thưởng, Gia đình, Chị em.	Chị cũng như mẹ.	Xem hình đọc tên.	155 — 159
Em tôi, Nặng em, Ru em.	Trái cam.	Lời nào vô	160 — 164

Giải-đáp tranh giải-trí

(Tiếp-theo trang 165)

- Trang 89.— Cuốn sách mở. (Nối từ số 1 đến số 11).
- 94.— Nà (nỏ) — Nai — Núi — Nhím — Nón
Nhái — Nơm — Năm.
- 99.— Ó — Ong — Ốc — Ô — Ổng nhỏ — Ổng
điều — Ô-tô — Ông già.
- 104.— Cái kéo. (Tô màu vàng vào chỗ có dấu chấm).
- 109.— Phong-bi (bao thư) — Phổi — Phát cỏ —
Phượng — Phi-công — Phao — Phi-cơ
Phếu.
- 114.— Quăn bút — Quét vôi — Quạ — Quốc
kỳ — Quạt — Quần — Quý — Què.
- 119.— Cái sừng. (Nối từ số 1 đến số 13).
- 124.— Rễ cây — Rết — Rệp — Rắn — Răng —
Rồ — Ruột — Rửa tay.
- 129.— Sọc — Sọt giấy — Sếu — Sen — Sấu (cá
sấu) — Sam — Sao — Sừng trâu.
- 134.— Con ngựa. (Tô màu đỏ vào chỗ có dấu chấm).
- 139.— Tách — Tắt nước — Thỏ — Tủ — Tôm
Tháp — Tầm — Thông.
- 144.— Vi-trùng — Ve — Vòng — Voi — Vai —
Vịt — Vợt — Vòi nước.
- 149.— Cái cặp đựng sách. (Nối số từ 1 đến 7).
- 154.— Cưỡi ngựa gỗ. (Tô màu xanh vào chỗ có dấu chấm).
- 159.— Xi-nhiệp — Xây — Xương — Xoài —
Xích — Xà-beng — Xà-bông — Xâu cà.
- 164.— Lấy chỉ màu vạch dần sẽ thấy.

uonngm **sổn**  **mới** uongxua.

In tại nhà in riêng của nhà xuất bản
Giá in số 724/XB ngày 9-4-64

Giá : 26 đ.